

Quỹ TCGF đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chi Quỹ (“Giấy Chứng Nhận”) bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“SSC”) của Việt Nam. Giấy Chứng Nhận này chỉ hàm ý sự đăng ký thành lập quỹ và phát hành Chứng Chi Quỹ đã được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành và không hàm ý rằng SSC cung cấp bất kỳ sự bảo đảm, xác nhận hoặc bảo lãnh nào về nội dung của Bản Cáo Bạch, mục tiêu và chiến lược đầu tư của Quỹ.

Quỹ đầu tư chứng khoán được mô tả trong Bản cáo bạch này là quỹ được thành lập theo Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành. Bản Cáo Bạch này đã được đăng ký với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Bản Cáo Bạch cung cấp các thông tin chính xác về Quỹ mà nhà đầu tư tiềm năng nên biết trước khi đầu tư. Nhà đầu tư nên lưu lại Bản Cáo Bạch này cho mục đích tham chiếu trong tương lai. Nhà đầu tư cũng cần cập nhật bất kỳ thay đổi nào của Bản Cáo Bạch sau ngày công bố. Các nhà đầu tư nên đọc các tài liệu bổ sung như Điều Lệ Quỹ và báo cáo hoạt động của Quỹ (khi Quỹ đã đi vào hoạt động) trước khi quyết định đầu tư.

BẢN CÁO BẠCH

QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THÀNH CÔNG (TCGF)

Bản cáo bạch này được cập nhật và có hiệu lực kể từ ngày 22/06/2026

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Chứng Chi Quỹ ra công chúng số 39/GCN-UBCK ngày 09 tháng 5 năm 2024

Ngày đăng ký Bản cáo bạch: 05/06/2026

CHỊU TRÁCH NHIỆM PHÁT HÀNH:

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công (“TCAM”)

- Địa chỉ liên hệ: Số 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (028) 3827 0528 Email: info@tcam.com.vn

NƠI CUNG CẤP BẢN CÁO BẠCH:

Bản Cáo Bạch cập nhật nhất cùng các tài liệu của Quỹ (báo cáo hoạt động định kỳ, báo cáo tài chính, Điều Lệ Quỹ và các tài liệu cần thiết khác của Quỹ TCGF) được cung cấp tại trụ sở công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối và tại trang thông tin điện tử của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (<http://tcam.com.vn>).

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:

- Ông: Nguyễn Đông Hải
- Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công

THÔNG BÁO QUAN TRỌNG

Các nhà đầu tư nên nghiên cứu Bản Cáo Bạch này một cách cẩn trọng và toàn diện và không nên coi nội dung hoặc các tóm tắt ở đây là các tư vấn liên quan đến pháp lý, thuế, hoặc tài chính/dầu tư và nên tham khảo ý kiến chuyên gia tư vấn của mình về các yêu cầu pháp lý hoặc các điều kiện hoặc bất kỳ các hạn chế nào khác liên quan đến việc đăng ký mua, mua, cho tặng, nắm giữ, định đoạt (chuyển nhượng, chuyển đổi quỹ hoặc bán hoặc chuyển đổi thành tiền) các Đơn Vị Quỹ, việc xử lý khoản thu nhập (nếu có), lợi nhuận đầu tư, hoặc các khoản phân phối lợi nhuận, các khoản thuế khác liên quan đến việc đăng ký mua, mua, cho tặng, nắm giữ, định đoạt (bán, chuyển giao, chuyển đổi quỹ hoặc bán hoặc chuyển đổi thành tiền) các Đơn Vị Quỹ trong phạm vi lãnh thổ tài phán áp dụng đối với quốc tịch, nơi cư trú của mình hoặc theo luật pháp của bất kỳ quốc gia hay lãnh thổ nào áp dụng cho nhà đầu tư hoặc bất kỳ quỹ được quản lý nào được sử dụng để mua Đơn Vị Quỹ, và xác định các vấn đề có thể phát sinh liên quan đến pháp lý, thuế, tài chính hay các vấn đề khác từ việc mua và nắm giữ Đơn Vị Quỹ trước khi quyết định đăng ký mua Đơn Vị Quỹ.

Bản Cáo Bạch này và Các Đơn Vị Quỹ chưa được đăng ký ở bất kỳ lãnh thổ tài phán nào ngoài Việt Nam. Việc công bố Bản Cáo Bạch này tại một số lãnh thổ tài phán có thể bị hạn chế hoặc phải tuân thủ các yêu cầu về đăng ký. Theo đó ở một số nước, người đọc Bản Cáo Bạch cần phải hiểu và phải tuân thủ các hạn chế đó. Người nhận được Bản Cáo Bạch này hoặc bất kỳ Đơn Đăng Ký nào tại lãnh thổ tài phán nơi trên không được coi Bản Cáo Bạch hay bất kỳ Đơn Đăng Ký cấu thành bản chào mua Đơn Vị Quỹ hay sử dụng Đơn Đăng Ký trong bất kỳ trường hợp nào, trừ khi tại lãnh thổ tài phán đó bản chào như thế tới họ có thể được coi là hợp pháp và Đơn Đăng Ký có thể được sử dụng một cách hợp pháp mà không cần phải tuân thủ bất kỳ yêu cầu đăng ký hoặc yêu cầu pháp lý nào khác.

Không người nào được ủy quyền cung cấp bất kỳ thông tin nào hoặc đưa ra bất kỳ tuyên bố nào không được xác nhận trong Bản Cáo Bạch hay liên quan đến đợt phát hành hay việc phát hành các Đơn Vị Quỹ, và bất kỳ thông tin/tuyên bố nào không có trong Bản Cáo Bạch này không được coi như là đã được phê duyệt bởi TCAM. Nhà đầu tư được yêu cầu phải kiểm tra các thông tin về uy tín của cá nhân/công ty mà mình ủy thác Đơn Đăng Ký và xử lý theo hợp đồng/giao dịch đã ký với Quỹ hoặc TCAM. Quỹ hoặc TCAM không chịu trách nhiệm cho bất kỳ hành vi được thực hiện bởi các tổ chức trung gian đại diện cho hoặc được cho là đại diện cho nhà đầu tư đó.

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
1. Công ty quản lý quỹ.....	7
2. Ngân hàng giám sát	7
II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA.....	7
III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ.....	13
1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam.....	13
2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư.....	15
2.1 Diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam.....	15
2.2 Triển vọng đầu tư thị trường chứng khoán giai đoạn 2026-2030.....	15
IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.....	17
1. Các thông tin chung về công ty quản lý quỹ	17
2. Các thông tin về tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ	20
2.1. Tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ.....	20
2.2. Các quỹ đầu tư do TCAM quản lý.....	20
V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT	21
VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN.....	22
VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ.....	22
VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN	25
1. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.....	25
2. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ	25
IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ	26
1. Thông tin chung về quỹ.....	26
1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của quỹ.....	26
1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán.....	26
1.3. Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ	26
1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của quỹ	26
1.5. Ban đại diện quỹ	27
1.6. Người điều hành quỹ	28
2. Điều lệ quỹ tóm tắt.....	28
2.1. Các điều khoản chung	28
2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư.....	29

2.3.	Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư.....	36
2.4.	Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ.....	41
2.5.	Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ.....	48
2.6.	Thông tin về các mức giá dịch vụ mà quỹ phải trả.....	49
2.7.	Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế.....	50
2.8.	Đại hội nhà đầu tư.....	50
2.9.	Ban đại diện quỹ.....	53
2.10.	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ.....	57
2.11.	Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng giám sát.....	61
2.12.	Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo.....	63
3.	Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ.....	64
3.1.	Rủi ro thị trường.....	64
3.2.	Rủi ro lãi suất.....	64
3.3.	Rủi ro lạm phát.....	65
3.4.	Rủi ro thanh khoản.....	65
3.5.	Rủi ro pháp lý.....	66
3.6.	Rủi ro xung đột lợi ích.....	66
3.7.	Rủi ro tỷ giá.....	66
3.8.	Rủi ro biến động giá thị trường.....	66
3.9.	Rủi ro về chiến lược đầu tư.....	67
3.10.	Rủi ro hạn chế đầu tư.....	67
3.11.	Rủi ro tái đầu tư.....	67
3.12.	Rủi ro thanh toán.....	67
3.13.	Rủi ro bất khả kháng.....	68
X.	PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO.....	68
1.	Căn cứ pháp lý.....	68
2.	Phương án phát hành lần đầu (IPO).....	70
3.	Giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo.....	73
3.1.	Các quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ.....	73
3.2.	Giao dịch mua chứng chỉ quỹ.....	76
3.3.	Giao dịch bán chứng chỉ quỹ.....	77
3.4.	Giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ.....	78
4.	Chương trình đầu tư định kỳ (SIP).....	80
4.1.	Lợi ích của chương trình đầu tư định kỳ.....	81

4.2.	Hình thức đầu tư định kỳ cố định (SIP-Fix)	82
4.3.	Hình thức đầu tư định kỳ linh hoạt (SIP-Flex)	82
4.4.	Chấm dứt tham gia chương trình đầu tư định kỳ	84
5.	Chuyển nhượng phí thương mại	84
6.	Một số lưu ý cho nhà đầu tư nước ngoài	85
7.	Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	85
7.1.	Xác định và công bố giá trị tài sản ròng	85
7.2.	Nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng	86
7.3.	Công bố thông tin về giá trị tài sản ròng	86
8.	Thông tin hướng dẫn nhà đầu tư tham gia vào Quỹ	87
XI.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ	87
1.	Báo cáo tài chính	87
2.	Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ	87
3.	Giá dịch vụ và thưởng hoạt động	87
3.1.	Các loại giá dịch vụ do nhà đầu tư trả	87
3.2.	Các loại giá dịch vụ do Quỹ trả	89
4.	Các chỉ tiêu hoạt động	92
4.1.	Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ	92
4.2.	Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ	93
5.	Phương pháp phân chia lợi nhuận của Quỹ	93
6.	Chính sách thuế	94
7.	Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ	94
8.	Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ	94
XII.	XUNG ĐỘT LỢI ÍCH	94
XIII.	CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	95
XIV.	ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ	96
XV.	CAM KẾT	96
XVI.	PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM	96
	PHỤ LỤC 1	98
	QUY TRÌNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	98
1.	Mở/đóng tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ	98
1.1.	Mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ	98
1.2.	Đóng tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ	99
2.	Đăng ký mua chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	99

3. Đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ trong các lần giao dịch tiếp theo	100
4. Tham gia Chương trình Đầu tư định kỳ (SIP).....	102
4.1. Đăng ký tham gia Chương trình Đầu tư định kỳ (SIP).....	102
4.2. Chấm dứt tham gia Chương trình Đầu tư định kỳ (SIP).....	103
PHỤ LỤC 2	105
CÁC BIỂU MẪU GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	105
PHỤ LỤC 3	138
PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN.....	138
PHỤ LỤC 4	145
DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM PHÂN PHỐI VÀ NHẬN BẢN CÁO BẠCH	145

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Công ty quản lý quỹ

CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ THÀNH CÔNG (TCAM)

- Giấy phép thành lập và hoạt động số 01/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/01/2023.
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ông: Nguyễn Đồng Hải Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông Võ Trung Cường Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Bà: Nguyễn Thị Phương Thảo Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà Công ty được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Ngân hàng giám sát

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM – CHI NHÁNH NAM KỲ KHÔI NGHĨA

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm).
- Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 14/05/2003.
- Địa chỉ: 56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCO số 66, 68 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
- Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Minh Châu

Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh

Theo ủy quyền số 3825/QĐ-BIDV ngày 30/05/2025 của Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Bản cáo bạch là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán chứng chỉ Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công do Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công lập sau khi có xác nhận của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do công ty quản lý quỹ và các bên khác có trách nhiệm liên quan theo quy định pháp luật cung cấp.

II. CÁC THUẬT NGỮ/ĐỊNH NGHĨA

Tại Bản cáo bạch này, các từ, cụm từ dưới đây được hiểu như sau:

“Quỹ”	Là Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công (Sau đây gọi tắt là Quỹ TCGF) là quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng, được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.
“Công ty quản lý quỹ”	Nghĩa là Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (Sau đây gọi tắt là Công ty quản lý quỹ TCAM), được thành lập theo Giấy phép số 01/GP-UBCK do UBCKNN cấp ngày 31/01/2023 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm). Công ty quản lý quỹ TCAM được ủy thác quản lý Quỹ TCGF, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ quỹ.
“Ngân hàng giám sát”	Là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa (Sau đây gọi tắt là BIDV), được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm) và giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 106/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại Điều lệ quỹ.
“Công ty kiểm toán”	Là công ty kiểm toán độc lập của Quỹ TCGF, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ TCGF và nằm trong danh sách công ty kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Công ty kiểm toán do Đại hội nhà đầu tư chỉ định.
“Điều lệ Quỹ TCGF”/ “Điều lệ quỹ”	Là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). Điều lệ quỹ được Đại hội nhà đầu tư thảo luận phù hợp với các văn bản pháp lý có liên quan tại Việt Nam.
“Bản cáo bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai thông tin chính xác, trung thực và khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ.

“Hợp đồng giám sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ TCGF.
“Nhà đầu tư”	Là cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước nắm giữ chứng chỉ quỹ.
“Đại hội nhà đầu tư”	Là đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ TCGF. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ TCGF.
“Ban đại diện Quỹ”	Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.
“Vốn điều lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này.
“Đơn vị quỹ”	Là vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. Mệnh giá đơn vị quỹ của đợt phát hành lần đầu là 10.000 đồng/đơn vị. Mỗi đơn vị quỹ đại diện cho phần lợi nhuận và vốn như nhau của Quỹ.
“Chứng chỉ Quỹ đầu tư TCGF”	(Sau đây gọi là chứng chỉ quỹ/CCQ) là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một (01) phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá một (01) chứng chỉ quỹ là mười nghìn (10.000) đồng.
“Giá bán/Giá phát hành”	Là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chúng) cộng thêm giá dịch vụ phát hành được quy định tại Điều lệ quỹ; Giá bán/Giá phát hành tại các kỳ giao dịch sau khi Quỹ thành lập bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành tại các kỳ giao dịch được quy định tại Điều lệ quỹ.
“Giá mua lại”	Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ quỹ.
“Giá dịch vụ quản lý quỹ”	Là giá dịch vụ phải trả cho công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ quỹ. Trong trường hợp quỹ áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức giá mà công ty

quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư được trừ thêm mức phòng vệ thanh khoản.

“Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại”	Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua và giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm trên tổng giá trị mua lại quy định tại Điều lệ này.
“Cổ tức quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư.
“Năm tài chính”	Là mười hai tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hàng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp kỳ kế toán năm đầu tiên có thời gian ngắn hơn 90 ngày thì được phép cộng với kỳ kế toán năm tiếp theo để tính thành một kỳ kế toán năm; kỳ kế toán năm đầu tiên phải ngắn hơn 15 tháng.
“Giá trị tài sản ròng của Quỹ”/ “NAV”	Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ TCGF sở hữu trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ TCGF tại ngày gần nhất trước ngày định giá.
“Ngày định giá”	Là ngày mà công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của quỹ TCGF theo quy định của Luật Chứng khoán và Điều lệ quỹ.
“Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ”	Là ngày mà công ty quản lý quỹ, thay mặt Quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của Quỹ được quy định tại Điều lệ này.
“Thời điểm đóng sổ lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
“Thời hạn nhập lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà ĐLPP nhập lệnh giao dịch của NĐT vào hệ thống của VSDC. ĐLPP nhập lệnh của NĐT lên hệ thống của VSDC chậm nhất 16h00 tại ngày làm việc liền kề trước ngày giao dịch CCQ.
“Dịch vụ quản trị quỹ đầu tư”	Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:

- Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào quỹ;
- Lập báo cáo tài chính quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho quỹ;
- Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

“Dịch vụ đại lý chuyển nhượng”

Là dịch vụ được công ty quản lý quỹ ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan cung cấp, bao gồm các hoạt động sau:

- Lập và quản lý sổ chính; mở và theo dõi quản lý hệ thống các tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, tài khoản ký danh của đại lý phân phối và các tiểu khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư; xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ mở;
- Ghi nhận các lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư; chuyển quyền sở hữu chứng chỉ quỹ; cập nhật sổ chính;
- Hỗ trợ nhà đầu tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư;
- Duy trì kênh liên lạc với nhà đầu tư, đại lý phân phối, cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức có thẩm quyền khác;
- Cung cấp sao kê tài khoản giao dịch, xác nhận giao dịch và các tài liệu khác cho nhà đầu tư.
- Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ và Hợp đồng ký với công ty quản lý quỹ.

“Đại lý phân phối”

Là tổ chức đã ký hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với công ty quản lý quỹ và/hoặc công ty quản lý quỹ.

“Đại lý ký danh”

Là đại lý phân phối đứng tên chủ sở hữu tài khoản ký danh, thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ thay mặt cho các nhà đầu tư tại sở phụ.

“Người có liên quan”

Được hiểu theo định nghĩa tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán 54/2019/QH14

“Mức phòng vệ thanh khoản”	Là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng.
“Các định nghĩa khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

III. CƠ HỘI ĐẦU TƯ

1. Tổng quan về nền kinh tế Việt Nam

Năm 2025, kinh tế Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng GDP ấn tượng ở ngưỡng khoảng 8% so với cùng kỳ năm trước, là một trong những mức tăng cao nhất khu vực châu Á trong năm. Thành tích này đạt được trong bối cảnh kinh tế toàn cầu đối mặt với nhiều bất ổn, phản ánh sức chống chịu và nội lực của nền kinh tế Việt Nam.

- Động lực tăng trưởng theo khu vực:
 - Công nghiệp – Xây dựng (đóng góp 35,15% vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế). Đây là trụ cột chính của tăng trưởng 2025. Ngành công nghiệp chế biến, chế tạo phục hồi mạnh mẽ nhờ đơn hàng xuất khẩu điện tử, máy tính, dệt may từ các thị trường chủ chốt (Mỹ, EU, Nhật, Hàn) tăng tốc. Ngành xây dựng hưởng lợi từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và thị trường bất động sản ấm lại.
 - Dịch vụ (đóng góp 31,49%): Ngành dịch vụ duy trì đà tăng tích cực, dẫn dắt bởi du lịch quốc tế phục hồi ngoạn mục sau các chính sách nới lỏng visa, bán lẻ hàng hóa tăng mạnh +11–12%, và các dịch vụ tài chính – ngân hàng mở rộng theo tăng trưởng tín dụng.
 - Nông – Lâm – Thủy sản: Tăng trưởng ổn định ở mức thấp hơn, chịu tác động từ mưa lũ, tuy nhiên vẫn đóng vai trò giữ vững an ninh lương thực và duy trì xuất khẩu nông sản sang các thị trường truyền thống.
- Lạm phát
 - Lạm phát Việt Nam vẫn được kiểm soát tốt trong năm 2025, cả năm chỉ số CPI tăng 3,31% so với năm trước, chủ yếu do nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,08%, giá nhà ở thuê tăng 7,33%, nhìn chung đạt mục tiêu Quốc hội đề ra.
- Đầu tư nước ngoài (FDI)
 - Năm 2025 cũng là năm đánh dấu mốc kỷ lục mới của Việt Nam trong thu hút vốn đầu tư nước ngoài với tổng giải ngân đạt 27,6 tỷ USD tăng 9% (YoY), tiếp tục xác nhận vị thế của Việt Nam là điểm đến đầu tư hàng đầu Đông Nam Á trong làn sóng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Cán cân thương mại
 - Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2025 đạt mức cao kỷ lục hơn 930 tỷ USD tăng 18,2% so với năm 2024 nhờ sự phục hồi mạnh mẽ của nhu cầu tiêu dùng tại các thị trường lớn như Mỹ, EU và Trung Quốc.
 - Tuy nhiên khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tiếp tục là động lực chính, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu, đặc biệt là các mặt hàng điện tử, máy tính và linh kiện.
- Triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2026
 - Tăng trưởng GDP: Dự báo đạt mức 7,0% – 7,5%. Sự điều chỉnh này phản ánh sự thận trọng trước các áp lực ngoại biên như giá năng lượng biến động (do căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông) và sự thay đổi trong chính sách tiền tệ toàn cầu.
 - Chính sách tiền tệ và Lãi suất: Áp lực kìm hãm từ lạm phát (từ giá năng lượng) và tỷ giá gia tăng khiến dư địa nới lỏng tiền tệ thu hẹp. Mặt bằng lãi suất có xu hướng nhích dần trong

nửa đầu năm 2026, gây áp lực lên chi phí vốn và định giá thị trường. Tuy nhiên, xu hướng này được kỳ vọng sẽ bình ổn trong nửa cuối năm khi các xung đột chính trị thế giới ổn định trở lại và giá năng lượng hạ nhiệt về cuối năm.

- Việt Nam tiếp tục là điểm sáng về thu hút dòng vốn FDI: Năm 2026 dự kiến sẽ chuyển dịch mạnh vào nhóm lĩnh vực công nghệ cao như AI, bán dẫn, năng lượng tái tạo. Việt Nam được đánh giá sẽ tiếp tục duy trì lợi thế cạnh tranh nhờ môi trường chính trị ổn định và hệ thống FTA sâu rộng.
- Đầu tư công tiếp tục là bệ đỡ vững chắc: Với kế hoạch quy mô kỷ lục năm 2026, xấp xỉ 1 triệu tỷ đồng, tập trung vào siêu dự án hạ tầng liên kết vùng được kỳ vọng sẽ tiếp tục đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng của GDP Việt Nam trong năm nay.



Nguồn: Tổng cục thống kê (GSO)

- Tầm nhìn 2026 – 2030: Chuyển mình sang nền kinh tế giá trị cao

Giai đoạn 2026–2030 được đánh giá là thời điểm "xoay trục" chiến lược của kinh tế Việt Nam. Với nền tảng vĩ mô vững chắc sau khi đạt tăng trưởng GDP 8,02% năm 2025 — mức cao nhất kể từ 2011. Nghị quyết Kế hoạch Phát triển Kinh tế – Xã hội 2026–2030 được Quốc hội thông qua với tỷ lệ tán thành tuyệt đối với các trụ cột chính:

- Mục tiêu bút phá: Với mục tiêu tăng trưởng GDP bình quân từ 10%/năm trở lên, đây là mức tăng trưởng cao được xây dựng trên nền tảng chuyển dịch mô hình kinh tế từ thâm dụng vốn sang đổi mới sáng tạo. Trong đó, sự bút phá của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) đóng vai trò là chất xúc tác cốt lõi, tạo tiền đề để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và thúc đẩy xu hướng cải thiện ROE toàn thị trường trong dài hạn.
- Nâng cấp chất lượng FDI: Việc dịch chuyển trọng tâm sang bán dẫn, AI và kinh tế số là bước đi chiến lược để thoát bẫy thu nhập trung bình. Điều này tạo ra dư địa cho các doanh nghiệp nội địa tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu, đồng thời thu hút dòng vốn ngoại có tính cam kết dài hạn và giá trị gia tăng cao.
- Hạ tầng chiến lược quy mô lớn: Hoàn thành 5.000 km đường bộ cao tốc, triển khai đường

sắt tốc độ cao và hạ tầng dữ liệu quốc gia — được kỳ vọng tạo nền tảng tối ưu hóa chi phí vận hành toàn nền kinh tế.

- Ổn định vĩ mô: Kiểm soát lạm phát mục tiêu 4–4,5%, kết hợp an sinh xã hội và chuyển đổi xanh nhằm đảm bảo tính bền vững của chu kỳ tăng trưởng.
- Những chuyển dịch mang tính bước ngoặt về mô hình tăng trưởng giai đoạn 2026–2030, chúng tôi đánh giá đây là thời điểm vàng để phân bổ dòng vốn dài hạn vào các nhóm ngành dẫn dắt, đón đầu làn sóng định giá lại khi các nút thắt về thể chế và hạ tầng chính thức được khơi thông.

2. Thị trường tài chính Việt Nam và cơ hội đầu tư

2.1 Diễn biến thị trường chứng khoán Việt Nam

- Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2025 kết thúc với hiệu suất của chỉ số VN-Index tăng hơn 40% so với năm 2024. Giá trị giao dịch bình quân trên thị trường cổ phiếu đạt 29.328,2 tỷ đồng/phiên, tăng 39,1%.
- Tuy nhiên, cần lưu ý rằng đà tăng 2025 có tính tập trung cao — phần lớn được dẫn dắt bởi nhóm cổ phiếu Vin, nếu loại trừ nhóm này phản ánh dòng tiền chưa thực sự lan tỏa rộng.



Nguồn: Finpro

2.2 Triển vọng đầu tư thị trường chứng khoán giai đoạn 2026-2030

- Định giá và Dư địa tăng trưởng vẫn còn lớn: VN-Index bước vào 2026 thận trọng hơn sau đà tăng 41% (2025). Sau đợt điều chỉnh vào cuối tháng 2, định giá thị trường về lại mức P/E khoảng 12 lần (thấp hơn trung vị 10 năm 14x). Chúng tôi đánh giá mức định giá này cho thấy thị trường vẫn còn dư địa tăng trưởng nhưng sẽ phân hóa khắt khe theo cổ phiếu có câu chuyện riêng. Bên cạnh đó trong kịch bản tích cực, chiến sự Mỹ–Iran kết thúc sớm, giá năng lượng hạ nhiệt dần, Fed mở đường cắt lãi suất cuối 2026, Việt Nam sẽ có dư địa hơn để nới lỏng chính sách hỗ trợ tăng trưởng. VN-Index hoàn toàn có cơ sở hướng tới vùng 2.000 – 2.200 điểm (nền tảng tăng trưởng dự kiến đạt 15–20%) trong kịch bản chính sách tiền tệ nới lỏng trở lại vào cuối chu kỳ 2026 tương đương P/E forward khoảng 15

lần.

- Nâng hạng thị trường từ Frontier lên Emerging và xa hơn: Câu chuyện nâng hạng thị trường của FTSE (đánh giá tháng 4 sắp tới, dự kiến hiệu lực tháng 9/2026) và xa hơn là MSCI sẽ là yếu tố xúc tác quan trọng để thu hút vốn ngoại và tạo đà tăng cho thị trường trong dài hạn.
- Nền tảng vĩ mô và lợi nhuận doanh nghiệp: Việt Nam đặt mục tiêu tăng trưởng GDP hai con số (trên 10%/năm) trong giai đoạn này, đưa GDP bình quân đầu người đến năm 2030 đạt 8.500 USD. Đầu tư công 315 tỷ USD và FDI chất lượng cao dịch chuyển vào các ngành công nghệ lõi tạo ra môi trường thuận lợi cho tăng trưởng lợi nhuận doanh nghiệp niềm yết bền vững. Sự ổn định vĩ mô và tăng trưởng cao của doanh nghiệp niêm yết (dự kiến EPS tăng >15% năm 2026) sẽ là nền tảng bền vững làm động lực tăng trưởng cho thị trường chứng khoán.
- Phân hóa thay thế tăng đồng pha: Năm 2026 đánh dấu sự chuyển dịch từ thị trường tăng đồng loạt sang thị trường phân hóa theo chất lượng doanh nghiệp. Dòng tiền có xu hướng tìm đến các công ty có nền tảng cơ bản vững chắc, câu chuyện tăng trưởng riêng và khả năng hưởng lợi trực tiếp từ các chủ đề vĩ mô lớn — thay vì mua theo đà toàn thị trường. Đây là môi trường thuận lợi cho quản lý danh mục chủ động so với đầu tư thụ động.
- Các nhóm ngành tiềm năng:
 - Ngành Chứng khoán: Hưởng lợi trực tiếp từ thanh khoản tăng, quy mô thị trường mở rộng và hoạt động tư vấn, phát hành trái phiếu doanh nghiệp.
 - Ngân hàng & Tài chính: Động lực chính nhờ tăng trưởng tín dụng cao theo nền kinh tế.
 - Bất động sản công nghiệp & Hạ tầng: Hưởng lợi từ làn sóng FDI.

IV. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

1. Các thông tin chung về công ty quản lý quỹ

Tên công ty:	Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công
Tên tiếng Anh:	Thanh Cong Asset Management Company Limited
Tên viết tắt:	TCAM
Giấy phép thành lập và hoạt động:	Số 01/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31/01/2023
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 550 Âu Cơ, phường Bầy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại:	(028) 3827 0528
Website:	http://tcam.com.vn
Thời hạn hoạt động:	Không giới hạn
Vốn điều lệ:	200.000.000.000 VND (Hai trăm tỷ đồng)

Tiền thân của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công là Công ty cổ phần Quản lý quỹ Hợp Lực, được thành lập vào năm 2008.

Đến năm 2022, Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công đã mua lại cổ phần từ các cổ đông của Công ty cổ phần Quản lý quỹ Hợp Lực và chính thức hoàn tất các thủ tục pháp lý tổ chức lại công ty vào ngày 10/11/2022. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số 01/GP-UBCK ngày 31/01/2023 cho công ty sau tổ chức lại là Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (TCAM). TCAM cung cấp các dịch vụ quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán cho các nhà đầu tư cá nhân và tổ chức trong nước và nước ngoài.

Chủ sở hữu của công ty quản lý quỹ:

- Trước đây, Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công là công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (TCSC) được thành lập vào ngày 31/01/2008 với vốn điều lệ ban đầu là 360 tỷ đồng. Vào năm 2018, TCSC trở thành một thành viên của SaiGon 3 Group - đánh dấu bước ngoặt quan trọng trên chặng đường phát triển của Công ty.

TCSC đã tái cấu trúc hoạt động kinh doanh, định hình hướng phát triển mới. Đồng thời tăng vốn điều lệ lên hơn 1.000 tỷ đồng, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về vốn để cung cấp toàn diện các sản phẩm dịch vụ tài chính cho khách hàng.

Tháng 01/2023, TCSC cho ra mắt Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công (TCAM) góp phần hoàn thiện hơn các sản phẩm, dịch vụ tài chính cho khách hàng, giúp nâng cao năng lực cạnh tranh của Group trong lĩnh vực dịch vụ tài chính trên con đường phát triển ổn định lâu dài.

Tại thời điểm hiện tại, chủ sở hữu của Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công (TCAM) là Công ty Cổ phần Đầu tư SGI Holdings (SGI Holdings).

Theo thông tin tại hồ sơ công bố, SGI Holdings đã nhận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại TCAM và trở thành chủ sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty kể từ ngày 23/04/2026. Trước thời điểm chuyển nhượng, chủ sở hữu của TCAM là Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành Công (TCSC), nắm giữ 100% vốn điều lệ với giá trị góp vốn là 200.000.000.000 đồng. Sau giao dịch, toàn bộ phần vốn góp đã được chuyển nhượng cho SGI Holdings, với giá trị chuyển nhượng tương ứng theo hồ sơ đăng ký thay đổi doanh nghiệp, và TCSC không còn là chủ sở hữu của TCAM.

SGI Holdings là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315205307, cấp ngày 06/08/2018 bởi Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh. Việc thay đổi chủ sở hữu được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán, đồng thời đã được Công ty công bố thông tin theo quy định.

Giới thiệu về Hội đồng thành viên Công ty quản lý quỹ:

Ông Nguyễn Khánh Linh

Chủ tịch Hội đồng thành viên

- Có bằng cử nhân Tài chính do Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh cấp; bằng thạc sỹ Tài chính do Viện Công nghệ châu Á AIT (Thái Lan) cấp.
- Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 000569/QLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29/09/2023.
- Ông được bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công vào tháng 06/2022. Ông đã có hơn 06 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý. Hiện ông đang là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công.

Ông Nguyễn Đông Hải

Thành viên Hội đồng thành viên

- Có bằng thạc sỹ Quản trị kinh doanh do Trường Đại học Carleton (Canada) cấp.
- Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 000980/QLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/07/2013.

- Ông được bổ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công vào tháng 06/2022. Ông có hơn 05 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý. Từ năm 2018 đến nay, ông là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công. Ông hiện đang là Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công, là người điều hành Quỹ đầu tư Thành Công.

Ông Nguyễn Quốc Việt
Thành viên Hội đồng thành viên

- Có bằng cử nhân Tài chính Kế toán do Trường Đại học New South Wales (Úc) cấp.
- Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 002223/QLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/09/2023.
- Ông được bổ nhiệm chức vụ thành viên Hội đồng thành viên Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công vào tháng 06/2022. Ông có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý. Từ năm 2022 đến nay, ông là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công.

Giới thiệu về Ban điều hành Công ty quản lý quỹ:

Ông Nguyễn Đông Hải
Tổng Giám đốc

- Có bằng thạc sỹ Quản trị kinh doanh do Trường Đại học Carleton (Canada) cấp.
- Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 000980/QLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/07/2013.
- Có hơn 10 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính. Ông từng Giám đốc điều hành quỹ tại CTCP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt từ năm 2010 đến năm 2015. Từ năm 2018 đến nay, ông là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công. Ông hiện đang là Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công, là người điều hành Quỹ đầu tư Thành Công.

Ông Võ Trung Cường
Phó Tổng Giám đốc

- Có bằng cử nhân Tài chính – Ngân hàng do Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh cấp.

- Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001215/QLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/02/2015.
- Có 05 năm làm việc tại vị trí liên quan đến hoạt động quản lý tài sản, trong đó là Nhân viên Quản lý danh mục tại CTCP Quản lý quỹ Thiên Việt từ tháng 07/2015 đến tháng 04/2018; là người điều hành Quỹ đầu tư Thành Công do Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công quản lý từ tháng 12/2022 đến nay.
- Hiện đang là Phó Tổng Giám đốc Quản lý quỹ của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công.

2. Các thông tin về tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ

2.1. Tình hình hoạt động của công ty quản lý quỹ

Thành lập từ năm 2008, Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công (TCAM) là một trong số những công ty quản lý quỹ ra đời đầu tiên ở Việt Nam. Với vốn điều lệ ban đầu 25 tỷ đồng, trải qua 15 năm phát triển, TCAM đã tăng quy mô vốn điều lệ lên 200 tỷ đồng, triển khai đầy đủ các dịch vụ được cấp phép theo quy định pháp luật bao gồm nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán. Với đội ngũ nhân sự nhiều kinh nghiệm, TCAM đã và đang từng bước trở thành công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ, quản lý danh mục đầu tư và tư vấn đầu tư chuyên nghiệp.

Đến hết ngày 31/12/2025, TCAM quản lý hơn 860,5 tỷ đồng, bao gồm tài sản ủy thác từ các cá nhân, tổ chức, quỹ đầu tư.

Tổng hợp tình hình hoạt động của TCAM từ năm 2021 đến năm 2025

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021	2022	2023	2024	2025
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh	1,44	0,40	1,18	11,5	29,75
Doanh thu từ hoạt động tài chính	6,25	0,22	9,11	20,45	36,32
Lợi nhuận sau thuế	7,23	(9,81)	4,85	25,23	40,73
Vốn điều lệ	25	25	200	200	200
Giá trị tài sản ủy thác	100	260	519	863	860,5

2.2. Các quỹ đầu tư do TCAM quản lý

Quỹ đầu tư Thành Công

Quỹ đầu tư Thành Công (TCIF) được thành lập và hoạt động theo hình thức quỹ thành viên, đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số 72/GCN-UBCK ngày 29/12/2022 với vốn điều lệ ban đầu là 50.000.000.000 (năm mươi tỷ đồng). Mục tiêu đầu tư của Quỹ là hướng đến việc gia tăng ổn định giá trị tài sản cho Nhà đầu tư trong trung và dài hạn. Phần lớn đầu tư của Quỹ sẽ được tập trung vào các loại chứng khoán đang và sẽ niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam, bao gồm chứng khoán của các công ty đang niêm yết trên thị trường, các loại trái phiếu Chính phủ và trái phiếu doanh nghiệp đã niêm yết. Tuy mới chính thức đi vào hoạt động từ đầu năm 2023 trong bối cảnh thị trường chứng khoán và kinh tế vĩ mô vẫn còn nhiều thách thức, khó khăn nhưng kết quả đầu tư của Quỹ TCIF đạt được vẫn vượt trội so với chỉ số chung của thị trường.

Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công

Quỹ đầu tư tăng trưởng Thành Công (TCGF) được thành lập và hoạt động theo hình thức quỹ mở, đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng số 39/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09/05/2024 với vốn điều lệ ban đầu là 50.333.700.000 (năm mươi tỷ ba trăm ba mươi ba triệu bảy trăm ngàn đồng). Mục tiêu đầu tư của Quỹ là tìm kiếm lợi nhuận dài hạn, tối đa hóa giá trị danh mục đầu tư bằng việc phân bổ tài sản vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp đầu ngành có tiềm năng tăng trưởng cao trong tương lai. Tuy mới chính thức đi vào hoạt động từ quý 4 năm 2024 trong bối cảnh thị trường chứng khoán và kinh tế vĩ mô vẫn còn nhiều thách thức, khó khăn nhưng kết quả đầu tư của Quỹ TCGF đạt được vẫn vượt trội so với chỉ số chung của thị trường.

Lưu ý: Các thông tin về hoạt động trong quá khứ của công ty quản lý quỹ không hàm ý đảm bảo cho khả năng hoạt động của công ty quản lý quỹ trong tương lai.

V. NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)
Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán:	số 106/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 14/05/2003
Địa chỉ:	56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10, tầng 11 Tòa nhà TASCO số 66, 68 đường Nam

Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại:

(028) 3821 8812

Fax:

(028) 3821 8813

Website:

www.bidv.com.vn

Lĩnh vực hoạt động:

Cung cấp các dịch vụ như sau cho quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ kế toán danh mục, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

VI. CÔNG TY KIỂM TOÁN

Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán đáp ứng quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ để trình Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban đại diện quỹ trong trường hợp được Đại hội nhà đầu tư ủy quyền thông qua công ty kiểm toán cho Quỹ.

VII. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI CHỨNG CHỈ QUỸ

Danh sách Đại Lý Phân phối và các Điểm Nhận Lệnh có thể thay đổi bất kỳ lúc nào sau khi hoàn thành các thủ tục thông báo tới UBCK theo quy định của Pháp Luật. Danh sách Đại lý Phân phối tính đến ngày Bản cáo bạch này có hiệu lực như sau:

1. Công ty cổ phần Fincorp (Fincorp)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0314127430 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký lần đầu ngày 23/11/2016 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Địa chỉ trụ sở chính:

176/1-176/3 đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ:

Số 01/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 02/04/2018

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

Trụ sở chính: 176/1-176/3 Đường Nguyễn Văn Thương,
Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt
Nam

Điện thoại: (028) 3636 1079

Fax: (028) 3636 1078

2. Công ty cổ phần chứng khoán Thành Công ("TCSC")

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 81/UBCK-GP do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà
Nước chứng nhận đăng ký lần đầu ngày
31/01/2008 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời
điểm)

Địa chỉ trụ sở chính: Lầu 2, Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ: Số 06/GCN-UBCK cấp ngày 16/01/2023

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

Trụ sở chính: Lầu 2, Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn,
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 3827 0527

Fax: (028) 3821 8010

3. Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) ("MAS")

Giấy chứng nhận ĐKKD số: 130/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà
Nước chứng nhận đăng ký lần đầu ngày
24/11/2021 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời
điểm)

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức
Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí
Minh

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ: Số 11/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán
Nhà nước cấp ngày 13/05/2021

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

Trụ sở chính:

Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại:

(028) 3910 2222

4. Công ty Cổ phần Chứng khoán Finhay (“FHSC”)

Giấy chứng nhận ĐKKD số:

Số 50/UBCK-GPHĐKD ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Địa chỉ trụ sở chính:

Phòng 702, tầng 7, tòa nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, Phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ:

Số 42/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24/08/2022

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

Trụ sở chính:

Phòng 702, tầng 7, tòa nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, Phường Ba Đình, thành phố Hà Nội

Điện thoại:

(024) 777 789 96

5. Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương (“TCBS”)

Giấy phép hoạt động số:

125/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 05 năm 2018 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D’Capitale, số 119 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ quỹ:

Số 55/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 31 tháng 12 năm 2021

Địa điểm phân phối chứng chỉ quỹ:

Trụ sở chính:

Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D'Capitale,
số 119 đường Trần Duy Hưng, phường Yên
Hòa, thành phố Hà Nội

Điện thoại:

(024) 394 46368

VIII. TỔ CHỨC ĐƯỢC ỦY QUYỀN

1. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (“VSDC”)

Địa chỉ trụ sở chính:

112 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà
Nội

Quyết định thành lập:

Số 26/2022/QĐ-TTg do Thủ tướng Chính phủ
ban hành ngày 16/12/2022

Điện thoại:

(024) 3974 7113

Fax:

(024) 3974 7120

Lĩnh vực hoạt động chính:

Đăng ký, lưu ký, bù trừ, thanh toán chứng
khoán và cung cấp các dịch vụ hỗ trợ việc giao
dịch mua, bán chứng khoán.

Phạm vi dịch vụ được ủy quyền:

Dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho quỹ mở.

Chi phí phải thanh toán được quy định chi tiết tại Mục 3.2.4 Phần XI của Bản cáo bạch này.

2. Tổ chức được ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh
số 0100150619-079 do Sở Kế hoạch và Đầu tư
Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày
29/11/2004 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời
điểm)

Giấy phép hoạt động lưu ký chứng khoán:

số 106/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán
Nhà nước cấp ngày 14/05/2003

Địa chỉ:

56 (sau), 58, 60, 62, 64 và Tầng trệt, tầng 10,
tầng 11 Tòa nhà TASCOS số 66, 68 đường Nam

Kỳ Khởi Nghĩa, phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8812

Fax: (028) 3821 8813

Website: www.bidv.com.vn

Lĩnh vực hoạt động: Cung cấp các dịch vụ như sau cho quỹ đầu tư chứng khoán thành lập tại Việt Nam: dịch vụ lưu ký, dịch vụ kế toán danh mục, dịch vụ quản trị quỹ, dịch vụ ngân hàng giám sát và những dịch vụ khác có liên quan đến lưu ký.

Phạm vi dịch vụ được ủy quyền: Dịch vụ quản trị quỹ cho quỹ mở.

Chi phí phải thanh toán được quy định chi tiết tại Mục 3.2.3 Phần XI của Bản cáo bạch này.

IX. CÁC THÔNG TIN VỀ QUỸ ĐẦU TƯ

1. Thông tin chung về quỹ

1.1. Tên và địa chỉ liên hệ của quỹ

Tên tiếng Việt: QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THÀNH CÔNG

Tên tiếng Anh: THANH CONG GROWTH FUND

Tên viết tắt: TCGF

Địa chỉ liên hệ: Số 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3827 0528

Website: <http://tcam.com.vn>

1.2. Giấy chứng nhận đăng ký chào bán

Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 39/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 09/05/2024.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ

Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ số 130/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/10/2024.

1.4. Tính chất và thời gian hoạt động của quỹ

Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công là quỹ đầu tư đại chúng dạng mở, tổ chức và hoạt động theo pháp luật hiện hành của Việt Nam. Quỹ có trách nhiệm phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ đã phát hành theo yêu cầu của nhà đầu tư vào ngày giao dịch.

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

1.5. Ban đại diện quỹ

Ban đại diện quỹ gồm ba (03) thành viên như sau:

Ông Phạm Xuân Đồng

Chủ tịch Ban đại diện quỹ

- Cử nhân Tài chính – Ngân hàng tại Trường Đại học London (Anh);
- Có 09 năm làm việc trong lĩnh vực quản lý tài sản, trong đó từ năm 2009 đến năm 2017 là Giám đốc đầu tư của CTCP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt.
- Có hơn 03 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực quản lý. Từ năm 2018 đến năm 2019, ông là Phó Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Đầu tư giáo dục Khôi Nguyên; từ năm 2019 đến năm 2021, ông là Phó Tổng Giám đốc của Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết.

Bà Nguyễn Thùy Trang

Thành viên Ban đại diện quỹ

- Cử nhân Kinh tế đối ngoại tại Trường Đại học Ngoại thương.
- Có Chứng chỉ bồi dưỡng Kế toán trưởng do Học viện Tài chính cấp ngày 23/07/2013.
- Có Chứng chỉ ACCA cấp ngày 29/11/2009.
- Có hơn 08 năm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán. Từ năm 2013 đến năm 2021, bà giữ chức vụ Giám đốc Tài chính của Công ty cổ phần Bất động sản Bình Thiên An; từ năm 2021 đến nay, bà là Giám đốc Tài chính của Công ty cổ phần Kusto Home.

Ông Lê Ngọc Hùng

Thành viên Ban đại diện quỹ

- Cử nhân Luật của Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh.
- Từ năm 2019 đến nay, ông là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần Bông Bạch Tuyết, Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Sài Gòn 3 Group, Công ty cổ phần Chứng khoán Thành Công.

1.6. Người điều hành quỹ

Ông Nguyễn Đông Hải

- Có bằng thạc sỹ Quản trị kinh doanh do Trường Đại học Carleton (Canada) cấp.
- Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 000980/QLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 04/07/2013.
- Có 06 năm làm việc tại vị trí liên quan đến hoạt động quản lý tài sản, trong đó là Giám đốc điều hành quỹ tại CTCP Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Bản Việt từ năm 2010 đến năm 2015; là người điều hành Quỹ đầu tư Thành Công do Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công quản lý từ tháng 12/2022 đến nay.
- Hiện đang là Tổng Giám đốc của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công.

Ông Võ Trung Cường

- Có bằng cử nhân Tài chính – Ngân hàng do Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh cấp.
- Có Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ số 001215/QLQ do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 11/02/2015.
- Có 05 năm làm việc tại vị trí liên quan đến hoạt động quản lý tài sản, trong đó là Nhân viên Quản lý danh mục tại CTCP Quản lý quỹ Thiên Việt từ tháng 07/2015 đến tháng 04/2018; là người điều hành Quỹ đầu tư Thành Công do Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công quản lý từ tháng 12/2022 đến nay.
- Hiện đang là Giám đốc Quản lý quỹ của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công.

2. Điều lệ quỹ tóm tắt

Nhà đầu tư cần lưu ý rằng những nội dung dưới đây là nội dung tóm tắt của Điều lệ quỹ. Để có thông tin đầy đủ, nhà đầu tư cần phải đọc Điều lệ Quỹ TCGF.

Điều lệ Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công gồm 15 chương, 70 điều và 04 Phụ lục. Điều lệ quỹ gồm những nội dung chính sau:

2.1. Các điều khoản chung

2.1.1. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ TCGF được tổ chức dưới hình thức quỹ đầu tư chứng khoán dạng mở, hoạt động và chịu sự điều chỉnh của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021, hệ thống pháp luật hiện hành của Việt Nam và các quy định trong Điều lệ quỹ.

Trong suốt thời gian hoạt động, Quỹ TCGF có nghĩa vụ phải mua lại chứng chỉ quỹ đã được phát hành cho nhà đầu tư theo quy định pháp luật.

Đại hội nhà đầu tư của Quỹ gồm tất cả các nhà đầu tư, là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ TCGF.

Ban đại diện quỹ TCGF sẽ do Đại hội nhà đầu tư bầu ra để giám sát các hoạt động thường xuyên của Quỹ TCGF, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

Ngân hàng giám sát do công ty quản lý quỹ đề xuất và được Đại hội nhà đầu tư thông qua để bảo quản, lưu ký, giám sát tài sản và hoạt động của Quỹ. Ngân hàng giám sát có thể được thay đổi theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư.

Công ty quản lý quỹ do Đại hội nhà đầu tư chỉ định để quản lý và điều hành hoạt động của Quỹ.

2.1.2. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ được chào bán

Vốn điều lệ được huy động trong lần đầu chào bán ra công chúng của Quỹ tối thiểu là năm mươi tỷ đồng (50.000.000.000 VND). Số vốn này được chia thành năm triệu (5.000.000) chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của một chứng chỉ quỹ là mười nghìn đồng (10.000 VND).

2.1.3. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ quỹ TCGF ra công chúng.

2.2. Các quy định về mục tiêu, chính sách và hạn chế đầu tư

2.2.1. Mục tiêu đầu tư

Tìm kiếm lợi nhuận dài hạn, tối đa hóa giá trị danh mục đầu tư bằng việc phân bổ tài sản vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp đầu ngành có tiềm năng tăng trưởng cao trong tương lai.

2.2.2. Chiến lược đầu tư

Chiến lược đầu tư hướng đến sự linh hoạt trong đầu tư, theo đó, chú trọng phân bổ danh mục vào cổ phiếu của các doanh nghiệp dẫn đầu các ngành chủ chốt của nền kinh tế (xét về quy mô vốn hóa thị trường, quy mô tài sản, tính thanh khoản, hiệu quả hoạt động và các chỉ tiêu khác...) nhưng vẫn đảm bảo điều tiết tỷ trọng danh mục phù hợp với từng giai đoạn của thị trường dựa trên hoạt động phân tích,

đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến nền kinh tế vĩ mô cũng như tình hình nội tại của từng doanh nghiệp, và chu kỳ kinh tế.

Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

2.2.3. Tài sản được phép đầu tư

Các loại tài sản Quỹ TCGF được đầu tư bao gồm:

- a. Tiền gửi các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b. Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c. Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d. Cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- e. Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, có bảo lãnh thanh toán của tổ chức bảo lãnh thanh toán trái phiếu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có cam kết mua lại trước hạn của tổ chức phát hành tối thiểu 01 lần trong 12 tháng và mỗi lần cam kết mua lại tối thiểu 30% giá trị đợt phát hành; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 12 tháng trở xuống; trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ bởi tổ chức niêm yết, trong đó trái phiếu hoặc tổ chức phát hành được xếp hạng tín nhiệm bởi các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập theo hợp đồng xếp hạng tín nhiệm và đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC tại báo cáo kết quả xếp hạng tín nhiệm gần nhất nhưng không quá 01 năm tính đến thời điểm quỹ thực hiện đầu tư. Trường hợp có từ 02 mức xếp hạng tín nhiệm trở lên của các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập khác nhau đối với cùng 01 trái phiếu hoặc cùng 01 tổ chức phát hành, các mức xếp hạng tín nhiệm phải đạt mức xếp hạng quy định tại Phụ lục XXIX ban hành kèm theo Thông tư 136/2025/TT-BTC.
- f. Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ;
- g. Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà quỹ đang nắm giữ.
- h. Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán và được thanh toán bằng tiền.

Danh mục đầu tư của quỹ phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định tại Điều lệ quỹ và công bố tại Bản cáo bạch. Việc đầu tư vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều này phải đáp ứng các điều kiện đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản về loại, mã chứng khoán, số lượng, giá trị giao dịch, thời điểm thực hiện.

2.2.4. Hạn chế đầu tư

(1) Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ TCGF phải đảm bảo tuân thủ các hạn mức đầu tư sau:

- a. Trừ tiền gửi trên tài khoản thanh toán của quỹ tại ngân hàng giám sát, Quỹ không được đầu tư quá bốn mươi chín phần trăm (49%) tổng giá trị tài sản của quỹ vào các tài sản theo quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ;
- b. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- c. Không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản (nếu có) quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ của một tổ chức phát hành, trừ công cụ nợ của Chính phủ;
- d. Không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ, phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên ba mươi lăm phần trăm (35%) cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ;
- e. Không được đầu tư quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm e khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ;
- f. Tổng giá trị các hạng mục đầu tư lớn trong danh mục đầu tư của quỹ không được vượt quá bốn mươi phần trăm (40%) tổng giá trị tài sản của Quỹ. Trong đó, hạng mục đầu tư lớn của Quỹ là hạng mục đầu tư vào các loại tài sản quy định tại điểm b, d, e và f khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ (ngoại trừ chứng chỉ tiền gửi) phát hành bởi cùng một tổ chức, có tổng giá trị chiếm từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng giá trị tài sản của Quỹ;
- g. Tại mọi thời điểm, tổng dư nợ vay và các khoản phải trả của quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của quỹ;
- h. Không được đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ TCGF;

- i. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng khác, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- Không đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- j. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, đá quý, kim loại quý hiếm;
- k. Phải có chứng khoán của ít nhất sáu (06) tổ chức phát hành.
- (2) Công ty quản lý quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b khoản 3 Điều 9 Điều lệ quỹ của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban đại diện quỹ phê duyệt.
- (3) Cơ cấu đầu tư của Quỹ TCGF chỉ được vượt mức so với các hạn chế đầu tư đã quy định tại điểm a, b, c, d, e, f, và i khoản 1 Điều 10 Điều lệ quỹ và chỉ do các nguyên nhân sau đây:
- a. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong danh mục đầu tư của Quỹ;
 - b. Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định của pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của nhà đầu tư;
 - c. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - d. Quỹ mới được cấp phép thành lập hoặc do tách quỹ, hợp nhất quỹ, sáp nhập quỹ mà thời gian hoạt động chưa quá sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ hoặc Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ điều chỉnh;
 - e. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- (4) Trong thời hạn ba (03) tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định tại điểm a, b, c và d khoản 3 Điều 10 Điều lệ Quỹ, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và điều chỉnh lại cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 10 Điều lệ quỹ.
- (5) Trường hợp sai lệch do công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày phát

hiện ra sai lệch. Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ (nếu có) và chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư. Nếu phát sinh lợi nhuận phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ.

- (6) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh lại danh mục đầu tư, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các sai lệch cơ cấu danh mục đầu tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại và bồi thường thiệt hại do Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo ra cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian thực hiện, kết quả khắc phục.
- (7) Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ khi xảy ra vượt mức các hạn chế đầu tư và điều chỉnh sai lệch của danh mục đầu tư của Quỹ, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin bất thường, trong đó nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, kế hoạch và các giải pháp khắc phục.
- (8) Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
 - a. Quỹ đã được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;
 - b. Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - c. Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) giá trị tài sản ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân hàng Nhà nước xác nhận;
 - d. Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều 10 Điều lệ quỹ.
- (9) Quỹ chỉ được đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ, chứng quyền có bảo đảm niêm yết, chứng khoán phái sinh để phòng ngừa rủi ro khi Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch có quy định và đáp ứng đầy đủ các điều kiện, hạn mức đầu tư theo pháp luật.

2.2.5. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

- (1) Công ty quản lý quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.

- (2) Công ty quản lý quỹ không được phép vay để đầu tư trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch chứng chỉ quỹ với nhà đầu tư.
- (3) Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá năm phần trăm (5%) giá trị tài sản ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa là ba mươi (30) ngày.
- (4) Công ty quản lý quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện các giao dịch bán khống và cho vay chứng khoán.
- (5) Quỹ được phép thực hiện các giao dịch mua bán lại công cụ nợ của Chính phủ phù hợp với quy định hiện hành của Bộ Tài chính về quản lý giao dịch công cụ nợ của Chính phủ.

2.2.6. Phương pháp lựa chọn đầu tư

- (1) Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các tài sản là tiền gửi, công cụ thị trường tiền tệ, giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng:
Công ty quản lý quỹ sẽ lựa chọn các tài sản có kỳ hạn lý tưởng, mức độ lợi nhuận và rủi ro hợp lý, có mức lãi suất/giá phù hợp nhất với điều kiện thị trường thực tế trong từng thời kỳ.
- (2) Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản là trái phiếu, công cụ nợ:
 - a. Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện đánh giá nghiên cứu vĩ mô, xu hướng lãi suất, phân bổ tài sản phù hợp với mục tiêu của Quỹ;
 - b. Đối với các cơ hội đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, trái phiếu có gắn với chứng quyền cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, Công ty quản lý quỹ sẽ thực hiện các phân tích cơ bản đối với các tổ chức phát hành như phân tích hiệu quả hoạt động kinh doanh, bộ máy quản trị, tính minh bạch, và áp dụng mô hình định mức tín nhiệm phù hợp nhằm giảm thiểu rủi ro nhưng không bỏ lỡ cơ hội gia tăng giá trị cho danh mục.
- (3) Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với tài sản cổ phiếu:
Tiêu chí lựa chọn đầu tư của Quỹ dựa trên quy trình thẩm định đầu tư cân nhắc các yếu tố từ phạm vi vĩ mô đến vi mô bao gồm:
 - a. Phân tích triển vọng ngành bao gồm: phân tích chu kỳ kinh tế, tiềm năng tăng trưởng, mức độ cạnh tranh, triển vọng về doanh thu, lợi nhuận, chính sách Nhà nước. Đặc điểm ngành được Quỹ lựa chọn sẽ có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, ổn định, ít chịu sự biến động từ các yếu tố kinh tế vĩ mô;
 - b. Phân tích doanh nghiệp bao gồm: năng lực quản trị doanh nghiệp, hiệu quả hoạt động và đánh giá tiềm năng tăng trưởng doanh nghiệp qua các chỉ số tài chính.

- (4) Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ được phép đầu tư khác, công ty quản lý quỹ sẽ trình Ban đại diện Quỹ phê duyệt về phương pháp lựa chọn và giải ngân theo đề xuất được phê duyệt.

2.2.7. Nguyên tắc, phương thức xác định giá trị tài sản ròng

- (1) Giá trị tài sản ròng của Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được xác định theo ngày giao dịch, đảm bảo tối thiểu một lần trong một tuần và hàng tháng. Các giá trị tài sản ròng này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của Ngân hàng giám sát. Việc công bố giá trị tài sản ròng cho nhà đầu tư được thực hiện chậm nhất vào ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá.
- (2) Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị tài sản ròng phải được thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận.
- (3) Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.
- (4) Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá (Ngày T-1). Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.
- (5) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước đó.
- (6) Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục 3 của Bản cáo bạch này, sổ tay định giá hoặc được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá tuân thủ các quy định của pháp luật và phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.

(7) Quy trình xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ:

- a. Công ty quản lý quỹ hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng của một chứng chỉ quỹ dựa trên phương pháp định giá được quy định tại khoản (6) Mục 2.2.7 Phần IX của Bản cáo bạch này;
- b. Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.
- c. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.
- d. Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm xuống dưới ba mươi (30) tỷ đồng, công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và đề xuất phương án khắc phục.

2.3. Đặc trưng của chứng chỉ quỹ đầu tư

2.3.1. Nhà đầu tư

- (1) Nhà đầu tư của Quỹ là các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất một (01) chứng chỉ quỹ TCGF trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ quỹ mà họ sở hữu.
- (2) Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký.
- (3) Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, nhân viên của công ty quản lý quỹ và người có liên quan của thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, nhân viên của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, giao dịch chứng chỉ quỹ và trở thành nhà đầu tư, ngoại trừ những hoạt động không được phép thực hiện quy định tại điểm b khoản 6 Điều 11 Thông tư số

99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của nhà đầu tư

- (1) Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- a. Hưởng lợi từ hoạt động đầu tư của quỹ đầu tư chứng khoán tương ứng với tỷ lệ vốn góp;
 - b. Hưởng các lợi ích và tài sản được chia hợp pháp từ việc thanh lý tài sản quỹ đầu tư chứng khoán;
 - c. Yêu cầu công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán mua lại chứng chỉ quỹ mở;
 - d. Khởi kiện công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, ngân hàng giám sát hoặc tổ chức liên quan nếu tổ chức này vi phạm quyền, lợi ích hợp pháp của mình;
 - e. Thực hiện quyền của mình thông qua Đại hội nhà đầu tư;
 - f. Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;
 - g. Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;
 - h. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;
 - i. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);
 - j. Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;
 - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ.
- (2) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ năm phần trăm (5%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền sau đây:
- a. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;
 - b. Yêu cầu Công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên sáu (06) tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
- c. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;
- d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc;
- e. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.
- (3) Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

2.3.3. Sổ đăng ký sở hữu chứng chỉ quỹ

- (1) Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư chính ("Sổ chính") hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký nhà đầu tư phụ ("Sổ phụ") và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.
- (2) Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của nhà đầu tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại Sổ chính.

2.3.4. Quyền biểu quyết của nhà đầu tư

Mỗi chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được quyền tham gia Đại hội nhà đầu tư của Quỹ nhưng không được biểu quyết.

2.3.5. Các trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, thanh lý, giải thể Quỹ

- (1) Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

- a. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận;
- b. Việc hợp nhất, sáp nhập Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận;
- c. Tối thiểu ba mươi (30) ngày trước ngày họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập bao gồm:
 - Phương án hợp nhất, sáp nhập;
 - Dự thảo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;
 - Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các báo cáo tài chính quý của tất cả các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tới quý gần nhất;
 - Dự thảo Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch (nếu có), Bản cáo bạch tóm tắt (nếu có) của quỹ hợp nhất, quỹ nhận sáp nhập.
- d. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm:
 - Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập cho nhà đầu tư;
 - Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;
 - Thanh toán các khoản nợ của quỹ cho chủ nợ theo yêu cầu của chủ nợ. Việc thanh toán phải hoàn tất chậm nhất tại ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực đối với các chủ nợ yêu cầu quỹ thanh toán theo đúng quy định tại khoản 4 Điều 64 Điều lệ quỹ.
- e. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập. Kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra Quyết định hợp nhất, sáp nhập, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm:
 - Tiếp nhận bàn giao toàn bộ sổ sách, chứng từ, danh mục chứng khoán và các tài sản khác kèm các tài liệu khác có liên quan tới quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - Bảo đảm quỹ hợp nhất, sáp nhập tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế của các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - Hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu cho quỹ hợp nhất, sáp nhập các tài sản tiếp nhận từ các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định pháp luật có liên quan;

- Đại diện cho quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện các nghĩa vụ của quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.
- f. Kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực:
 - Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nợ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - Nhà đầu tư của các quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản dưới dạng chứng chỉ của quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
 - Chứng chỉ quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập bị hủy.

(2) Chia, tách Quỹ

- a. Việc chia, tách quỹ phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua và phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Tối thiểu ba mươi (30) ngày trước ngày họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải cung cấp cho nhà đầu tư các tài liệu liên quan tới việc chia, tách Quỹ bao gồm:
 - Phương án chia, tách Quỹ;
 - Dự thảo Điều lệ các quỹ hình thành sau khi chia, tách.
- b. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm thay mặt Quỹ hoàn trả đầy đủ tất cả các khoản nợ, thực hiện các nghĩa vụ tài chính của Quỹ trước khi chia, tách Quỹ;
- c. Trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ của các quỹ hình thành sau chia, tách có hiệu lực, công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan, đại lý ký danh có trách nhiệm:
 - Hoàn tất việc lập sổ chính sổ phụ của các quỹ mới hình thành sau khi chia, tách;
 - Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ sau chia, tách;
 - Xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ từng nhà đầu tư sau chia, tách;
 - Công bố thông tin về việc chia, tách Quỹ theo quy định của pháp luật.

(3) Giải thể Quỹ

- a. Việc giải thể Quỹ phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
- b. Việc giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - Công ty quản lý quỹ bị giải thể, phá sản, hoặc bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động mà Ban đại diện quỹ không xác lập được công ty quản lý quỹ thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện;
 - Ngân hàng giám sát bị giải thể, phá sản, đơn phương chấm dứt hợp đồng giám sát hoặc bị Công ty quản lý quỹ chấm dứt hợp đồng giám sát; hoặc

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán bị thu hồi mà công ty quản lý quỹ không xác lập được ngân hàng giám sát thay thế trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện;

- Giải thể Quỹ theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư,
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ xuống dưới mười (10) tỷ đồng liên tục trong sáu (06) tháng.

c. Đại hội nhà đầu tư thông nhất ngày giải thể quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát không được:

- Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch của các tài sản cho Quỹ;
- Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ;
- Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác;
- Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của Quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ;
- Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.

2.4. Cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ

2.4.1. Cơ chế chung về giao dịch chứng chỉ quỹ

- (1) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ theo quy định tại Điều lệ quỹ và đã được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Tần suất giao dịch tối thiểu hai (02) lần trong một (01) tháng.
- (2) Chứng chỉ Quỹ TCGF được giao dịch hai lần một tuần, vào ngày Thứ Ba và Thứ Năm hàng tuần (“Ngày giao dịch” hay “Ngày T”). Trường hợp Ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.
- (3) Việc tăng/giảm tần suất giao dịch phải được Đại hội nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng. Việc tăng/giảm tần suất giao dịch, thời điểm tăng/giảm tần suất giao dịch chứng chỉ quỹ sẽ được công ty quản lý quỹ công bố tại Bản cáo bạch, được thông báo cho ngân hàng giám sát, đại lý phân phối và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- (4) Lệnh giao dịch phải được gửi tới đại lý phân phối đã công bố tại Bản cáo bạch và trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ. Đại lý phân phối chỉ được

nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định. Phiếu lệnh phải được đại lý phân phối lưu trữ theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Đồng thời phải bảo đảm ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh từ nhà đầu tư. Trường hợp lệnh nhận qua điện thoại, fax, lệnh giao dịch trực tuyến qua internet hoặc các phương tiện điện tử, đường truyền khác phải tuân thủ theo quy định về giao dịch điện tử và lưu trữ phiếu lệnh theo hình thức tệp dữ liệu điện tử.

- (5) Các lệnh giao dịch nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện vào ngày giao dịch. Các lệnh nhận sau thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện vào ngày giao dịch tiếp theo trừ trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu hủy lệnh.
- (6) Thời điểm đóng sổ lệnh
Thời điểm đóng sổ lệnh là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Thời điểm đóng sổ lệnh là 14h45 ngày làm việc liền trước ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (Ngày T-1).
- (7) Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan có trách nhiệm cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư tại sổ chính và gửi nhà đầu tư bản xác nhận giao dịch.
- (8) Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), nếu đại lý phân phối phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối phải thông báo cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và yêu cầu sửa lỗi giao dịch. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch.

2.4.2. Lệnh mua chứng chỉ quỹ

- (1) Giá trị mua tối thiểu là một trăm (100.000) đồng.
- (2) Lệnh mua của nhà đầu tư phải gửi kèm các tài liệu hợp lệ xác nhận việc Nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ hoặc ngân hàng giám sát xác nhận với Công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan đã nhận đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, đại lý ký danh. Việc xác nhận hoàn tất thanh toán được thực hiện bằng văn bản, thư điện tử hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được Công ty quản lý quỹ chấp thuận.
- (3) Đại lý ký danh được thực hiện thanh toán trên cơ sở giá trị chênh lệch giữa lệnh mua và lệnh bán.

- (4) Nhà đầu tư thanh toán giao dịch mua chứng chỉ quỹ dưới hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát bằng tiền Việt Nam Đồng. Công ty quản lý quỹ mở tài khoản tiền của Quỹ tại ngân hàng giám sát để nhận tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, đại lý ký danh; đại lý ký danh mở tài khoản tiền gửi thanh toán giao dịch chứng chỉ quỹ tại ngân hàng giám sát để nhận và thanh toán tiền cho các giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư.
- (5) Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư, phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiểu khoản giao dịch hoặc số định danh cá nhân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khách hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư.
- (6) Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối được tính theo công thức sau:
Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối = Số tiền đăng ký mua x (1 – Giá Dịch vụ phát hành (%)) / Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại Ngày giao dịch
- (7) Số lượng đơn vị quỹ được phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số đơn vị quỹ lẻ không làm ảnh hưởng đến khả năng bán lại chứng chỉ quỹ của Nhà đầu tư.
- (8) Các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ, cách thức giải quyết đối với các trường hợp giao dịch mua không hợp lệ, quy trình nhận và thực hiện lệnh mua được quy định chi tiết tại Mục 3.2 Phần X của Bản cáo bạch này.

2.4.3. Lệnh bán chứng chỉ quỹ

- (1) Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán tối thiểu là mười (10) đơn vị quỹ.
- (2) Số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản nhà đầu tư là mười (10) đơn vị quỹ. Lệnh bán được chấp nhận để thực hiện khi số lượng đơn vị quỹ đăng ký bán được đại lý chuyển nhượng xác nhận là do nhà đầu tư đó nắm giữ; nhà đầu tư, đại lý ký danh có đủ số lượng đơn vị quỹ để bán theo yêu cầu và số lượng đơn vị quỹ còn lại sau giao dịch của nhà đầu tư không thấp hơn số lượng tối thiểu để duy trì tài khoản, tiểu khoản. Trường hợp số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản sau giao dịch ít hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, số lượng chứng chỉ quỹ còn lại sẽ được tự động bán hết tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ của kỳ giao dịch nhà đầu tư đặt lệnh bán. Số lượng chứng chỉ quỹ đặt bán có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- (3) Lệnh bán có thể không thực hiện, hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Điều lệ Quỹ.

- (4) Tiền bán chứng chỉ quỹ được chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ quỹ. Số tiền bán chứng chỉ quỹ sẽ được làm tròn tới hàng đơn vị. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền bán chứng chỉ quỹ do nhà đầu tư chịu.
- (5) Số tiền bán chứng chỉ quỹ được tính theo công thức sau:
Giá trị bán được nhận = Số lượng đơn vị quỹ được mua lại x Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại Ngày giao dịch x (1 - Giá Dịch vụ mua lại (%)).
- (6) Số tiền nhà đầu tư nhận được bằng giá trị bán được nhận trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có).
- (7) Trong thời hạn ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thanh toán theo quy định tại khoản (4) Mục này, đại lý ký danh có trách nhiệm hoàn tất việc thanh toán cho nhà đầu tư.
- (8) Các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ, cách thức giải quyết đối với các trường hợp giao dịch bán không hợp lệ, quy trình nhận và thực hiện lệnh bán được quy định chi tiết tại Mục 3.3 Phần X của Bản cáo bạch này.

2.4.4. Lệnh chuyển đổi chứng chỉ quỹ

- (1) Nhà đầu tư có thể thực hiện việc chuyển đổi giữa các chứng chỉ quỹ mở khi công ty có từ hai (02) quỹ mở trở lên và các quỹ này có quy định cho phép chuyển đổi chứng chỉ quỹ; Lệnh chuyển đổi nhằm bán đơn vị quỹ của Quỹ này để mua đơn vị quỹ của Quỹ khác được chấp nhận để thực hiện khi số lượng đơn vị quỹ đăng ký bán được đại lý chuyển nhượng xác nhận là do nhà đầu tư đó nắm giữ và sẽ được coi là cả lệnh bán được chấp nhận và lệnh mua được chấp nhận.
- (2) Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi tối thiểu là mười (10) đơn vị quỹ. Trường hợp số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản sau giao dịch ít hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, số lượng chứng chỉ quỹ còn lại sẽ được tự động chuyển đổi sang chứng chỉ quỹ mục tiêu.
- (3) Lệnh chuyển đổi phải được điền đầy đủ thông tin theo mẫu và chuyển tới đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh. Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:
 - a. Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ của quỹ mục tiêu;
 - b. Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;

- c. Trong trường hợp chuyển đổi sẽ không áp dụng số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu cho mỗi lệnh mua ở quỹ mục tiêu và số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản ở quỹ mục tiêu;
 - d. Nhà đầu tư chỉ phải thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi (nếu có) theo quy định tại Điều lệ quỹ, không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ phát hành đối với các lệnh thực hiện theo quy định tại điểm a, b khoản này.
- (4) Các trường hợp giao dịch chuyển đổi không hợp lệ, cách thức giải quyết đối với các trường hợp giao dịch chuyển đổi không hợp lệ, quy trình nhận và thực hiện lệnh chuyển đổi được quy định chi tiết tại Mục 3.4 Phần X của Bản cáo bạch này.

2.4.5. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ

- (1a) Trường hợp Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch có quy định, công ty quản lý quỹ được áp dụng các phương pháp để quản lý thanh khoản của quỹ mở bao gồm: đáp ứng một phần lệnh của nhà đầu tư, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.
- (1) Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:
- a. Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn hoặc bằng 5% giá trị tài sản ròng của quỹ
 - b. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của nhà đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn 50 tỷ đồng; hoặc
 - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.
 - c. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch
- (2) Trường hợp thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi theo quy định tại khoản 1 Điều này, theo quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch, công ty quản lý quỹ được áp dụng một trong hai nguyên tắc sau:
- a. Nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển tới đại lý phân phối trước được thực hiện trước;

- b. Nguyên tắc cùng một tỷ lệ: phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch.
- (3) Đối với trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, nếu Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch có quy định, công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
- (4) Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ khi xảy ra một trong các sự kiện sau:
 - a. Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng;
 - b. Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán
 - c. Các sự kiện khác do Điều lệ quỹ quy định hoặc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết;
 - d. Công ty quản lý quỹ cơ cấu lại danh mục đầu tư của quỹ chỉ số nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu trong trường hợp mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu đã vượt quá mức sai lệch tối đa được quy định tại Điều lệ quỹ.
- (5) Công ty quản lý quỹ phải báo cáo Ban đại diện quỹ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trừ trường hợp theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và phải tiếp tục thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ mở ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt
- (6) Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ đối với các trường hợp quy định tại điểm a, b, c khoản 4 Điều này, không quá 30 ngày kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ đối với trường hợp quy định tại điểm d khoản 4 Điều này.
- (7) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ theo quy định tại khoản 6 Điều này, công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ hoặc tách quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.
- (8) Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư

- (9) Mức phòng vệ thanh khoản là mức áp dụng đối với nhà đầu tư khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ mở trong điều kiện tính thanh khoản của quỹ mở sụt giảm do nguyên nhân bất khả kháng. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đảm bảo các nguyên tắc sau:
- a. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản cho từng quỹ, trong đó tối thiểu bao gồm các nội dung về các trường hợp áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, mức phòng vệ thanh khoản tối đa, ảnh hưởng của việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản đối với nhà đầu tư, các trường hợp dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Chính sách này phải được Đại hội nhà đầu tư phê duyệt và cập nhật tại Bản cáo bạch. Việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong từng trường hợp cụ thể phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định hoặc giao cho Ban đại diện quỹ quyết định theo quy định tại chính sách về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Toàn bộ số tiền thu được từ mức phòng vệ thanh khoản nêu trên phải được tính vào thu nhập của quỹ.
 - b. Mức phòng vệ thanh khoản tính theo tỷ lệ phần trăm của giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Mức phòng vệ thanh khoản tối đa phải được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch. Mức phòng vệ thanh khoản cụ thể được quy định tại Bản cáo bạch hoặc công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối.
 - c. Thời điểm áp dụng mức phòng vệ thanh khoản là 01 ngày làm việc kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ và thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc áp dụng mức phòng vệ thanh khoản. Nội dung công bố thông tin, thông báo bao gồm nguyên nhân áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, thời điểm áp dụng, mức phòng vệ thanh khoản cụ thể, nguyên tắc xác định giá trị thanh toán cho nhà đầu tư khi áp dụng mức phòng vệ thanh khoản.
 - d. Công ty quản lý quỹ phải dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, công ty quản lý quỹ, thông báo tới đại lý phân phối, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về việc dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản trong thời hạn 24 giờ kể từ khi sự kiện về tính thanh khoản bị sụt giảm của quỹ chấm dứt.
 - e. Đại lý phân phối có trách nhiệm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư về việc áp dụng, dừng áp dụng mức phòng vệ thanh khoản ngay sau khi nhận được thông báo của công ty quản lý quỹ.

2.5. Nguyên tắc xác định giá giao dịch đơn vị quỹ

- (1) Giá phát hành lần đầu ra công chúng của một đơn vị quỹ bằng mệnh giá của đơn vị quỹ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có), được quy định chi tiết tại Mục 2 Phần X của Bản cáo bạch này.
- (2) Giá bán một đơn vị quỹ các lần phát hành sau, là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có), được quy định chi tiết Mục 3.1.7 Phần X của Bản cáo bạch này.
- (3) Giá mua lại một đơn vị quỹ, là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư, được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có), được quy định chi tiết tại Mục 3.1.7 Phần X của Bản cáo bạch này.
- (4) Giá dịch vụ phát hành là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) tổng giá trị đăng ký mua chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ phát hành tối đa bằng năm phần trăm (5%) giá trị giao dịch. Giá dịch vụ phát hành được trừ vào tổng số tiền đăng ký mua trước khi tính số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối.
- (5) Giá dịch vụ mua lại là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi bán chứng chỉ quỹ và được khấu trừ khi quỹ thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Giá dịch vụ mua lại được căn cứ vào thời hạn nắm giữ chứng chỉ quỹ và được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị giao dịch thực hiện được. Giá dịch vụ mua lại tối đa bằng ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.
- (6) Giá dịch vụ chuyển đổi là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các chứng chỉ quỹ mở do công ty quản lý quỹ quản lý tại mỗi kỳ giao dịch. Giá dịch vụ chuyển đổi được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị giao dịch chuyển đổi thực hiện được. Nhà đầu tư không phải trả giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ. Giá dịch vụ chuyển đổi tối đa bằng ba phần trăm (3%) giá trị giao dịch.
- (7) Các mức giá dịch vụ cụ thể được quy định chi tiết tại Bản cáo bạch, trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối hoặc dưới các hình thức khác. Các khoản giá dịch vụ quy định tại khoản 4, 5, 6 Mục này sẽ được ngân hàng giám sát chuyển trả cho công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối. Phần thanh toán cho đại lý phân phối sẽ được căn cứ theo hợp đồng đại lý phân phối được ký giữa công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối.
- (8) Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không được vượt quá các mức quy định tại khoản 4, 5, 6 mục này. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau sáu mươi (60) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của công ty.

- (9) Việc tăng các mức giá dịch vụ chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá mức tối đa quy định tại Điều lệ này và Bản cáo bạch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới tăng sớm nhất là sau 30 ngày kể từ ngày Công ty quản lý quỹ công bố các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công ty.

2.6. Thông tin về các mức giá dịch vụ mà quỹ phải trả

2.6.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

- (1) Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho công ty quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý quỹ. Giá dịch vụ quản lý được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ.

Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,5% NAV/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

- (2) Thay đổi mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải được Đại hội nhà đầu tư quyết định.

2.6.2. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát

- (1) Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được trả cho ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ.

- (2) Giá dịch vụ lưu ký là 0,05% NAV/năm, tối thiểu là 15 triệu đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

- (3) Giá dịch vụ giám sát là 0,02% NAV/năm, tối thiểu là 5 triệu đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

2.6.3. Giá dịch vụ quản trị quỹ

- (1) Giá dịch vụ quản trị quỹ trả cho ngân hàng giám sát là 0,03% NAV/năm, tối thiểu là 15 triệu đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

- (2) Các mức giá dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ, phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát, được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của Quỹ.

2.6.4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- (1) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

- (2) Mức giá dịch vụ, phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa công ty quản lý quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng, được công bố tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt của Quỹ.

- (3) Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng không vượt quá mức tối đa 2% NAV/năm.

2.6.5. Các chi phí khác

Các chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật được quy định chi tiết tại Điều lệ quỹ.

2.7. Phân chia lợi nhuận và chính sách thuế

2.7.1. Phương thức xác định và phân phối lợi nhuận của quỹ

- (1) Quỹ thực hiện chia lợi tức bằng tiền hoặc chứng chỉ quỹ. Tối thiểu mười lăm ngày (15) ngày trước khi phân phối lợi tức, Công ty quản lý quỹ phải thông báo đến nhà đầu tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo quy định pháp luật.
- (2) Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:
- Lợi tức phân phối cho nhà đầu tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quỹ đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế tài chính theo quy định pháp luật;
 - Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ quy định tại Điều lệ quỹ và được Đại hội nhà đầu tư thông qua;
 - Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng;
 - Trường hợp phân phối lợi tức bằng chứng chỉ quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

2.7.2. Chính sách thuế

Nhà đầu tư có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả đối với lợi nhuận được chia hoặc thu nhập từ hoạt động mua/bán chứng chỉ quỹ. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến nhà đầu tư sẽ được khấu trừ tại nguồn trước khi chuyển thanh toán cho nhà đầu tư. Các nghĩa vụ thuế của nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ.

2.8. Đại hội nhà đầu tư

2.8.1. Quyền hạn và nhiệm vụ Đại hội nhà đầu tư

- (1) Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.

(2) Đại hội nhà đầu tư do công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:

- a. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;
- b. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay đổi công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;
- c. Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ ;
- d. Phương án phân phối lợi tức;
- e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm của quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hàng năm của quỹ;
- f. Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;
- g. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát trình sổ sách kế toán hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;
- h. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ quỹ.

2.8.2. Đại hội nhà đầu tư thường niên

Đại hội nhà đầu tư thường niên của Quỹ không bắt buộc phải tổ chức. Trường hợp có tổ chức Đại hội nhà đầu tư thường niên thì Đại hội Nhà đầu tư do Công ty Quản lý quỹ triệu tập trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (6) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử.

2.8.3. Đại hội nhà đầu tư bất thường

- (1) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư trong những trường hợp sau:
 - a. Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quỹ;
 - b. Theo yêu cầu của nhà đầu tư hay nhóm nhà đầu tư quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ quỹ.

- (2) Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.
- (3) Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Điều lệ quỹ, trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ quỹ.

2.8.4. Thể thức tiến hành Đại hội nhà đầu tư

- (1) Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
- (2) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Điều lệ quỹ, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.
- (3) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội nhà đầu tư phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng chứng chỉ quỹ được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội nhà đầu tư phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- (4) Chủ tịch Ban đại diện quỹ làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Ban đại diện quỹ khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội nhà đầu tư; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Chủ tọa của Đại hội nhà đầu tư điều hành cuộc họp theo chương trình họp đã được thông báo đến các nhà đầu tư.
- (5) Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (6) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể được tổ chức dưới hình

- thức lấy ý kiến bằng văn bản, hoặc tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành trên cơ sở sự đồng ý của Ban đại diện Quỹ.
- (6) Mỗi chứng chỉ quỹ sẽ có một quyền biểu quyết. Ngân hàng giám sát, công ty quản lý quỹ, công ty kiểm toán và công ty luật cung cấp dịch vụ cho Quỹ có quyền tham dự Đại hội nhà đầu tư nhưng không có quyền biểu quyết.
 - (7) Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 22 Điều lệ quỹ phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.
 - (8) Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành.
 - (9) Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 24 Điều lệ quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội nhà đầu tư. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp.
 - (10) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành.

2.8.5. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư

Nhà đầu tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về các nội dung quy định tại Điểm b và c khoản 2 Điều 22 Điều lệ quỹ có thể yêu cầu công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển sang quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2.9. Ban đại diện quỹ

2.9.1. Tổ chức Ban đại diện quỹ

- (1) Ban đại diện quỹ có từ ba (03) đến năm 05 (năm) thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản.

- (2) Tối thiểu hai phần ba (2/3) số thành viên của Ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:
 - a. Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;
 - b. Đáp ứng các quy định tại khoản 2, 3 Điều 27 Điều lệ quỹ.
- (3) Trong Ban đại diện quỹ phải có:
 - a. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán;
 - b. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;
 - c. Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

2.9.2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

- (1) Thành viên Ban đại diện quỹ phải đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự;
 - b. Không thuộc đối tượng bị cấm/hạn chế quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực kinh tế, tài chính - ngân hàng, kế toán - kiểm toán, pháp luật và không nhất thiết phải là nhà đầu tư của Quỹ.
- (2) Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:
 - a. Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị;
 - b. Là thành viên của trên năm (05) Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

2.9.3. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ

Ban đại diện quỹ có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư, thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định của pháp luật để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư;
- b. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của Quỹ; danh sách các tổ chức báo giá, các tổ chức tín dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 10, khoản 2 Điều 57 Điều lệ quỹ;
- c. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 2 Điều 13 Điều lệ quỹ;

- d. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân phối lợi nhuận đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận;
- e. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật;
- f. Quyết định các vấn đề quy định tại điểm b, c, d, e, f, g, và h khoản 2 Điều 22 Điều lệ quỹ trong trường hợp được Đại hội nhà đầu tư gần nhất ủy quyền;
- g. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát;
- h. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ.

2.9.4. Chủ tịch Ban đại diện quỹ

- (1) Đại hội nhà đầu tư bầu chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện quỹ Chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.
- (2) Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;
 - c. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;
 - d. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2.9.5. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ

- (1) Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được Chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Ban đại diện quỹ.
- (2) Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức Chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại Chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

2.9.6. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ

- (1) Đại hội nhà đầu tư miễn nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ quỹ;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.

- (2) Đại hội nhà đầu tư bãi nhiệm thành viên Ban đại diện quỹ trong các trường hợp sau đây:
- Không tham gia các hoạt động của Ban đại diện quỹ trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Có bằng chứng cho thấy thành viên Ban đại diện quỹ vi phạm các nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật;
 - Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư.
- (3) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cơ cấu Ban đại diện quỹ, thành viên Ban đại diện quỹ không còn đáp ứng điều kiện theo quy định, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ đáp ứng quy định làm thành viên Ban đại diện quỹ tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ cho tới khi Đại hội nhà đầu tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.
- (4) Sau khi bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, thành viên Ban đại diện quỹ phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm. Công ty quản lý quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường để bầu bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ trong trường hợp sau đây:
- Số thành viên Ban đại diện quỹ bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ quỹ. Trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);
 - Số lượng thành viên độc lập của Ban đại diện quỹ giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định pháp luật và khoản 2 Điều 26 Điều lệ quỹ;
 - Trừ trường hợp quy định tại điểm a, điểm b khoản này, Đại hội nhà đầu tư bầu thành viên mới thay thế thành viên Ban đại diện quỹ đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

2.9.7. Cuộc họp Ban đại diện quỹ

- Ban đại diện quỹ tổ chức họp tối thiểu một (01) quý một lần hoặc theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ. Hình thức tham gia cuộc họp có thể là trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn hoặc dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các phương tiện truyền tin, nghe, nhìn. Mỗi thành viên của Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết. Thành viên không thể tham gia cuộc họp trực tiếp có quyền biểu quyết thông qua bỏ

phiếu bằng văn bản hoặc thông qua các phương tiện truyền tin nghe, nhìn với sự chứng kiến của tất cả các thành viên dự họp.

- (3) Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tiến hành khi có ít nhất hai phần ba (2/3) tổng số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập dự họp phải chiếm đa số (trên năm mươi phần trăm (50%) số thành viên dự họp trở lên). Quyết định của Ban đại diện quỹ sẽ được thông qua nếu được trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban đại diện quỹ dự họp và trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên số thành viên Ban đại diện quỹ độc lập dự họp thông qua.
- (4) Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

2.10. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

2.10.1. Tiêu chuẩn lựa chọn công ty quản lý quỹ

Công ty quản lý quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- a. Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- b. Hoàn toàn độc lập và tách biệt với ngân hàng giám sát;
- c. Có đầy đủ cơ sở vật chất, nhân sự để thực hiện nghiệp vụ quản lý quỹ;
- d. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại các Phụ lục đính kèm Điều lệ quỹ.

2.10.2. Quyền và nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

(1) Công ty quản lý quỹ có các quyền sau:

- a. Được đại diện Quỹ ký hợp đồng lưu ký, giám sát với ngân hàng giám sát; hợp đồng phân phối chứng chỉ quỹ với đại lý phân phối;
- b. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng. Việc ủy quyền hoạt động tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ;
- c. Có quyền từ chối phát hành chứng chỉ quỹ cho những tổ chức không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của pháp luật hoặc cho nhà đầu tư cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- d. Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định tại Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật;

- e. Tham dự các cuộc họp của Đại hội nhà đầu tư và Ban đại diện quỹ (nhưng không có quyền biểu quyết);
 - f. Đề cử ứng viên thích hợp làm thành viên Ban đại diện quỹ để Đại hội nhà đầu tư bầu chọn;
 - g. Quyết định các khoản đầu tư của Quỹ phù hợp với Điều lệ này và các quy định của pháp luật;
 - h. Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật;
 - i. Được thực hiện các hoạt động kinh doanh, dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.
- (2) Công ty quản lý quỹ có các nghĩa vụ chính như sau:
- a. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ khi quản lý tài sản của Quỹ, thực hiện giao dịch tài sản cho Quỹ, trong hoạt động quản trị quỹ và hoạt động đại lý chuyển nhượng; tuân thủ các quyết định của Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ; tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quỹ;
 - b. Công ty quản lý quỹ là đại diện theo ủy quyền của Quỹ, thay mặt cho Quỹ để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ một cách trung thực và cẩn trọng;
 - c. Công ty phải ban hành quy trình phân bổ lệnh giao dịch, phân bổ tài sản một cách hợp lý, công bằng khi thực hiện giao dịch cho Quỹ và cho bản thân công ty. Quy trình phân bổ tài sản phải nêu rõ nguyên tắc thực hiện, phương pháp xác định giá, khối lượng tài sản phân bổ cho từng đối tượng khách hàng ủy thác, bảo đảm phù hợp với mục tiêu đầu tư, mức chấp nhận rủi ro của từng khách hàng ủy thác. Quy trình phân bổ lệnh giao dịch phân bổ tài sản phải được phải được cung cấp cho ngân hàng giám sát và được áp dụng thống nhất;
 - d. Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, đầy đủ các thông tin về Quỹ, danh mục tài sản của Quỹ, giao dịch tài sản của Quỹ, tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, các thông tin liên quan khác cho ngân hàng giám sát. Công ty quản lý quỹ phải cung cấp thông tin theo yêu cầu bằng văn bản của ngân hàng giám sát và tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tối thiểu một (01) tháng một lần, công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ đối chiếu danh mục tài sản của từng khách hàng ủy thác với ngân hàng giám sát;

- e. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

2.10.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với công ty quản lý quỹ

- (1) Công ty quản lý quỹ sẽ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong những trường hợp sau:
 - a. Công ty quản lý quỹ tự nguyện đề nghị chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ;
 - b. Theo yêu cầu của Đại hội nhà đầu tư;
 - c. Công ty quản lý quỹ bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định tại Điều 95 Luật Chứng khoán;
 - d. Tổ chức lại công ty quản lý quỹ;
 - e. Quỹ hết thời hạn hoạt động (nếu có);
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- (2) Công ty quản lý quỹ phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến về phương án xử lý tài sản và công ty quản lý quỹ thay thế trong trường hợp quy định tại điểm a, c và d khoản 1 Mục này.
- (3) Quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của công ty quản lý quỹ bị thay thế chỉ chấm dứt từ thời điểm hoàn tất việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu đối với tài sản của Quỹ, bàn giao đầy đủ tài sản, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, chứng từ, sổ sách, thông tin về tài sản của Quỹ, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ cho công ty quản lý quỹ thay thế. Việc chuyển giao tài sản phải được hoàn tất trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định thay thế công ty quản lý quỹ;

2.10.4. Hạn chế hoạt động của công ty quản lý quỹ

- (1) Công ty quản lý quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với ngân hàng giám sát của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Chủ tịch công ty, Ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại các ngân hàng này và ngược lại.
- (2) Công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ với các mức giá giao dịch áp dụng như đối với các nhà đầu tư khác theo quy định.
- (3) Công ty quản lý quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên của công ty quản lý quỹ chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh

mục tài sản Quỹ mà công ty quản lý quỹ đang quản lý theo nguyên tắc sau:

- a. Giao dịch được thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung tại Sở giao dịch chứng khoán;
 - b. Trường hợp giao dịch không thực hiện theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của Ban đại diện quỹ. Văn bản chấp thuận phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
- (4) Thành viên Hội đồng thành viên, Ban điều hành, nhân viên của Công ty quản lý quỹ không được phép yêu cầu, đòi hỏi hoặc tiếp nhận, dưới danh nghĩa cá nhân hoặc danh nghĩa công ty, bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào, ngoại trừ các loại giá dịch vụ, thường đã được quy định tại Điều lệ quỹ.
- (5) Trong hoạt động quản lý tài sản của Quỹ, công ty quản lý quỹ bảo đảm:
- a. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Quỹ;
 - b. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào các quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý;
 - c. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của công ty quản lý quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), nhân viên của công ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên mười phần trăm (10%) vốn điều lệ;
 - d. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của công ty quản lý quỹ, người có liên quan của công ty quản lý quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.
 - e. Không được thực hiện giao dịch nhằm làm giảm lợi nhuận của Quỹ để làm tăng lợi nhuận của một khách hàng ủy thác khác; không được giao kết hợp đồng, thực hiện giao dịch với các điều khoản bất lợi cho Quỹ;

f. Không cam kết hoặc đảm bảo về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được từ khoản đầu tư hoặc đảm bảo về việc khoản đầu tư không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định; không trực tiếp hay gián tiếp, bù đắp một phần hoặc toàn bộ các khoản thua lỗ của Quỹ do hoạt động đầu tư.

(6) Công ty quản lý quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức tại Việt Nam để cung cấp dịch vụ quản lý quỹ.

(7) Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động công ty quản lý quỹ.

2.11. Tiêu chí lựa chọn, quyền hạn và trách nhiệm của ngân hàng giám sát

2.11.1. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát

Ngân hàng giám sát được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:

- a. Là ngân hàng thương mại có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thực hiện các dịch vụ lưu ký và giám sát việc quản lý quỹ đại chúng;
- b. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ;
- c. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và ngược lại;
- d. Ngân hàng giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành và nhân viên của ngân hàng giám sát làm nhiệm vụ giám sát hoạt động và bảo quản tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán không được là đối tác mua, bán trong giao dịch mua, bán tài sản của quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán;
- e. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký;
- f. Thực hiện các cam kết đối với Quỹ như nêu tại Phụ lục 2 và Phụ lục 3 Điều lệ quỹ.

2.11.2. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

(1) Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

- a. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư Quỹ;
- b. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;
- c. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ Quỹ;

- d. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;
- e. Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;
- f. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;
- g. Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;
- h. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- i. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với công ty quản lý quỹ;
- j. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;
- k. Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Quỹ khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ, theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với Điều lệ quỹ;
- l. Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ quỹ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.

(2) Quyền của ngân hàng giám sát

- a. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà Quỹ đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ;

- b. Được quyền tham dự các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư nhưng không được quyền biểu quyết;
- c. Được hưởng các loại giá dịch vụ, phí cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản của Quỹ theo hợp đồng giám sát được ký kết giữa công ty quản lý quỹ thay mặt cho Quỹ và ngân hàng giám sát, Điều lệ quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật.

2.11.3. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với ngân hàng giám sát

- (1) Ngân hàng giám sát chấm dứt toàn bộ quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - a. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại khoản 2 Điều 60 Luật Chứng khoán;
 - b. Đơn phương chấm dứt hợp đồng lưu ký, hợp đồng giám sát,
 - c. Quỹ hết thời gian hoạt động; bị giải thể, bị chia, bị tách, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - d. Theo quyết định của Đại hội nhà đầu tư của Quỹ.
- (2) Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 mục này, quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho ngân hàng giám sát khác theo quy định pháp luật.

2.12. Kiểm toán, kế toán và chế độ báo cáo

2.12.1. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi công ty kiểm toán

- (1) Hàng năm, công ty quản lý quỹ sẽ đề xuất ít nhất hai (02) công ty kiểm toán đề trình Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban đại diện quỹ trong trường hợp được Đại hội nhà đầu tư ủy quyền theo quy định tại điểm f khoản 1 Điều 28 Điều lệ quỹ thông qua công ty kiểm toán cho Quỹ.
- (2) Công ty kiểm toán được lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện sau:
 - a. Được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật;
 - b. Được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán các quỹ đầu tư chứng khoán;
 - c. Có đầy đủ khả năng cung cấp dịch vụ kiểm toán cho quỹ đầu tư chứng khoán;
 - d. Không được là người có liên quan của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

2.12.2. Chế độ kế toán

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan đến kế toán do các cơ quan có thẩm quyền quy định. Đồng Việt Nam sẽ là đồng tiền được sử dụng.

2.12.3. Báo cáo tài chính

Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm duy trì sổ sách kế toán, chuẩn bị các báo cáo tài chính định kỳ về kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ theo quy định pháp luật. Mọi sổ sách kế toán và báo cáo tài chính của Quỹ được lưu tại trụ sở chính của công ty quản lý quỹ. Ban đại diện quỹ có quyền kiểm tra bất kỳ báo cáo, sổ sách kế toán, hoặc tài liệu nào của Quỹ.

2.12.4. Báo cáo khác

Công ty quản lý quỹ phải tuân thủ các quy định của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động của Quỹ.

3. Các rủi ro khi đầu tư vào Quỹ

Việc đầu tư vào một quỹ sẽ không được bảo lãnh hoặc cam kết bảo lãnh bởi bất kỳ tổ chức nào, cũng như không có bất kỳ cam kết chắc chắn nào từ công ty quản lý quỹ về việc Quỹ sẽ đạt được những mục tiêu đầu tư đề ra.

Đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán có nghĩa là nhằm vào mục tiêu tạo ra những khoản thu nhập dài hạn; do đó, các nhà đầu tư không nên kỳ vọng thu được lợi nhuận trong ngắn hạn từ hoạt động đầu tư của Quỹ.

Mặc dù không bao gồm toàn bộ những rủi ro liên quan đến việc đầu tư vào Quỹ, tuy nhiên nhà đầu tư nên quan tâm đến những yếu tố rủi ro chủ yếu được đề cập trong Bản cáo bạch này trước khi quyết định đầu tư vào Quỹ TCGF:

3.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro này phát sinh khi các thị trường tài sản mà Quỹ tham gia có sự suy giảm từng phần hay toàn bộ trong một khoảng thời gian. Loại rủi ro này dẫn tới sự suy giảm giá trị của toàn bộ thị trường. Rủi ro này trên diện rộng mang tính hệ thống và nằm ngoài khả năng kiểm soát của công ty quản lý quỹ. Tuy nhiên, có nhiều nhân tố góp phần tạo ra rủi ro thị trường, có thể giảm thiểu được bằng cách xác định và quản trị cụ thể đến từng loại rủi ro cấu thành, ví dụ như các rủi ro về lạm phát, rủi ro về lãi suất, rủi ro về biến động giá thị trường, rủi ro về tỷ giá.

3.2. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính mà Quỹ đầu tư sẽ biến động theo do những thay đổi của lãi suất thị trường, do sự thay đổi về cung/cầu tiền tệ và các yếu tố kinh tế vĩ mô khác. Rủi ro lãi suất ảnh hưởng trực tiếp tới trái phiếu và gián tiếp tới cổ phiếu. Lãi suất tăng sẽ làm giá trái phiếu giảm

trên thị trường thứ cấp để lợi suất thực tế của trái phiếu tăng bằng với lãi suất thị trường. Lãi suất tăng tác động trực tiếp tới nhu cầu vay và cấu trúc nợ của mỗi doanh nghiệp, khả năng tăng giá bán của công ty để bù đắp chi phí tài chính tăng lên, vào kỳ vọng lạm phát; những yếu tố này gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phiếu. Để hạn chế những rủi ro về lãi suất có thể làm ảnh hưởng tới giá trị đầu tư, công ty quản lý quỹ thường xuyên phân tích, đánh giá các điều kiện kinh tế vĩ mô, xu hướng vận động của thị trường và kỳ vọng lãi suất trong từng giai đoạn để có các quyết định phân bổ tài sản phù hợp. Đối với phân tài sản phân bổ vào trái phiếu, Quỹ sẽ giữ kỳ hạn của các trái phiếu một cách phù hợp tương ứng với các kỳ vọng về lãi suất.

3.3. Rủi ro lạm phát

Rủi ro lạm phát là rủi ro mà giá trị các khoản đầu tư của Quỹ suy giảm do lạm phát. Rủi ro lạm phát có ảnh hưởng khác nhau đối với trái phiếu và cổ phiếu. Giá trái phiếu thường tỷ lệ nghịch với lạm phát, do lạm phát tăng cao sẽ làm tăng lợi suất trái phiếu, dẫn đến giá trái phiếu thấp hơn. Ngoài ra, lạm phát tiếp tục cao sẽ làm giảm giá trị thực của mệnh giá và lãi trái phiếu nhận được hàng kỳ. Quỹ có thể giảm thiểu rủi ro lạm phát lên phần tài sản phân bổ vào trái phiếu bằng cách rút ngắn kỳ hạn trái phiếu hoặc nắm giữ nhiều hơn những trái phiếu có lãi suất thả nổi nếu lạm phát được dự kiến tăng cao; hoặc ngược lại. Lạm phát có mức độ ảnh hưởng gián tiếp hơn đối với cổ phiếu vì doanh nghiệp có thể chuyển phần chi phí gia tăng do lạm phát sang cho người tiêu dùng. Tuy nhiên, nhìn chung trong môi trường lạm phát tăng, chi phí vay tăng do lãi suất huy động vốn thường cao nên doanh nghiệp giảm bớt đầu tư, khiến tăng trưởng và giá trị doanh nghiệp suy giảm. Quỹ có thể giảm thiểu rủi ro lạm phát lên phần tài sản phân bổ vào cổ phiếu khi đầu tư vào các doanh nghiệp có yếu tố cạnh tranh bền vững, trong đó bao gồm khả năng doanh nghiệp có thể chuyển phần lớn lạm phát sang cho khách hàng, người tiêu dùng.

3.4. Rủi ro thanh khoản

Đây là rủi ro khi Quỹ không thể thanh lý đủ tài sản để thanh toán cho các lệnh bán của nhà đầu tư trong một ngày giao dịch cụ thể hoặc trong một khoảng thời gian do tính thanh khoản của thị trường thấp; hay các lệnh bán/lệnh chuyển đổi chỉ được thực hiện một phần do giá trị tài sản ròng của Quỹ giảm thấp hơn ngưỡng pháp luật quy định, hay do tổng giá trị các lệnh bán lệnh chuyển đổi vượt quá mức rút vốn tối đa theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, trong một số trường hợp bất khả kháng, nhà đầu tư có thể không được thực hiện lệnh bán chứng chỉ quỹ trong thời gian chứng chỉ quỹ được thông báo tạm ngừng giao dịch. Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán hoặc kéo dài thời hạn thanh toán trong các trường hợp được quy định trong cơ chế giao dịch chứng chỉ quỹ tại Bản cáo bạch này. Khi việc thực hiện giao dịch bán chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư bị kéo dài hơn so với quy định do các lý do trên, công ty quản lý quỹ sẽ công bố thông tin về lý do và thời gian dự kiến để thực hiện bán cho nhà đầu tư.

Để hạn chế rủi ro thanh khoản, Quỹ luôn duy trì một mức độ thanh khoản phù hợp bằng cách giữ một phần trạng thái tài sản có tính thanh khoản cao nhất như: tiền tệ, trái phiếu hoặc một tỷ lệ thích hợp cổ phiếu có tính thanh khoản cao để đảm bảo rằng với các lệnh bán có thể tiên lượng được một cách hợp lý; việc thanh toán trong đa phần trường hợp sẽ được thực hiện đúng hạn và không bị ảnh hưởng bởi những cổ phiếu kém thanh khoản nhất thời.

3.5. Rủi ro pháp lý

Thị trường chứng khoán cũng như hệ thống khung pháp lý liên quan của Việt Nam vẫn còn tương đối non trẻ. Sẽ tồn tại những rủi ro về pháp lý khi Chính phủ vẫn đang trong quá trình hoàn thiện và điều chỉnh khung pháp lý cho các hoạt động chứng khoán và thị trường chứng khoán. Những điều chỉnh này có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Quỹ hoặc giá trị tài sản của Quỹ trong tương lai. Công ty quản lý quỹ sẽ đánh giá mức độ ảnh hưởng của những thay đổi này đối với Quỹ và các công ty trong danh mục đầu tư của Quỹ sẽ đề thay đổi cơ cấu danh mục đầu tư cho phù hợp.

3.6. Rủi ro xung đột lợi ích

Công ty quản lý quỹ có thể sẽ gặp phải những xung đột nhất định về lợi ích giữa các quỹ đầu tư và các sản phẩm tài chính khác do công ty quản lý quỹ điều hành. Công ty quản lý quỹ có thể kiểm soát rủi ro này bằng cách thiết lập bộ phận quản lý đầu tư riêng biệt cho từng quỹ, cũng như thiết lập “tường lửa thông tin” nội bộ nhằm hạn chế đến mức thấp rủi ro xung đột lợi ích này.

3.7. Rủi ro tỷ giá

Rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị của khoản đầu tư của Quỹ và các công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi sự biến động tỷ giá. Các khoản đầu tư của Quỹ sẽ gặp rủi ro tỷ giá khi mà các công ty mà Quỹ đang đầu tư có các hoạt động kinh doanh liên quan đến xuất nhập khẩu và có tài sản hoặc nợ phải trả bằng ngoại tệ. Các khoản đầu tư có rủi ro tỷ giá sẽ được Quỹ giám sát thông qua việc phân tích kỹ lưỡng các nguồn doanh thu & các khoản công nợ của các công ty đó. Ở khía cạnh khác, Quỹ sẽ không bảo vệ và chịu trách nhiệm cho rủi ro tỷ giá đối với nhà đầu tư nước ngoài mua chứng chỉ quỹ bằng đơn vị tiền tệ sử dụng duy nhất của Quỹ là đồng Việt Nam. Các nhà đầu tư nước ngoài vì vậy sẽ phải tự tìm kiếm các công cụ để tự phòng ngừa rủi ro này.

3.8. Rủi ro biến động giá thị trường

Rủi ro biến động giá thị trường là rủi ro giá trị của các công cụ tài chính sụt giảm khi các chỉ số thị trường thay đổi và giá trị của từng loại chứng khoán thay đổi. Giá thị trường sụt giảm sẽ làm giảm giá trị của các khoản đầu tư của Quỹ. Quỹ đầu tư vào cổ phiếu của các công ty có chỉ số cơ bản tốt nên sẽ thường có mức biến động thấp hơn so với thị trường. Ngoài ra, Quỹ cũng hướng tới việc tạo lập, tích lũy và gia tăng các biên

độ an toàn về giá vốn đầu tư qua thời gian dài nắm giữ danh mục để làm giảm ảnh hưởng và phụ thuộc vào các biến động nhất thời của giá cổ phiếu trong ngắn hạn.

3.9. Rủi ro về chiến lược đầu tư

Rủi ro phát sinh trực tiếp từ chiến lược đầu tư của Quỹ khi lựa chọn cách tiếp cận đầu tư chủ động, giá của cổ phiếu giá trị có thể sẽ không tăng như kỳ vọng của Quỹ và của nhà đầu tư vào chứng chỉ quỹ nếu trên thị trường các nhà đầu tư khác không nhận ra được giá trị của các công ty này, hay các yếu tố cơ bản mà Quỹ kỳ vọng cũng không giúp giá cổ phiếu tăng về được giá trị thực mà Quỹ đánh giá. Quỹ xác định sẽ duy trì một danh mục đầu tư đa dạng bao gồm cổ phiếu các công ty có nền tảng tài chính và tiềm năng tăng trưởng trong các ngành nghề khác nhau. Ngoài ra, Quỹ cũng đa dạng hóa một cách thích hợp vào nhiều cổ phiếu có quy mô vốn hóa thị trường khác nhau. Tuy nhiên, khả năng quản trị rủi ro của Quỹ cũng có thể bị hạn chế bởi số lượng cổ phiếu có thể đầu tư được tại một thời điểm.

3.10. Rủi ro hạn chế đầu tư

Do tính chất của Quỹ mở chỉ cho phép đầu tư vào các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và các cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch, sự chậm trễ trong tiến độ cổ phần hóa và niêm yết, đăng ký giao dịch cổ phiếu của các doanh nghiệp tốt sẽ làm giảm tính đa dạng và đại diện, hạn chế cơ hội tiếp cận và đầu tư được của Quỹ vào các doanh nghiệp tốt nhất trên mọi ngành nghề và mức vốn hóa. Đối với thị trường trái phiếu của Việt Nam thì hiện tại còn khá hạn chế cả về số lượng, đối tượng phát hành, thể loại ngành, tần suất phát hành mới cũng như tính đa dạng của các kỳ hạn và chủng loại sản phẩm. Do đó quỹ có thể gặp khó khăn trong việc tìm kiếm các cơ hội giải ngân theo chiến lược phân bổ tài sản đã lựa chọn hoặc khó khăn trong việc đa dạng hóa danh mục đầu tư.

3.11. Rủi ro tái đầu tư

Đây là rủi ro đặc thù của các khoản đầu tư trái phiếu khi dòng tiền từ trái tức được tái đầu tư với mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất thị trường tại thời điểm mua trái phiếu. Rủi ro này xảy ra khi mức lãi suất thị trường có xu hướng giảm. Việc quản trị rủi ro tái đầu tư sẽ được Quỹ thực hiện qua công tác theo dõi chặt chẽ kỳ vọng lãi suất trên thị trường, thể hiện trên đường cong lợi suất và kỳ hạn của danh mục đầu tư trái phiếu. Trái phiếu có kỳ hạn dài sẽ được ưu tiên nắm giữ khi lãi suất đang ở mức cao và được kỳ vọng sẽ giảm. Trái phiếu có kỳ hạn ngắn hoặc có lãi suất thả nổi sẽ được ưu tiên nắm giữ nếu lãi suất được kỳ vọng tăng.

3.12. Rủi ro thanh toán

Đây là rủi ro khi Quỹ giao dịch với một đối tác mà đối tác này không thanh toán tiền mua chứng khoán hoặc chuyển nhượng chứng khoán cho Quỹ sau khi Quỹ đã thanh toán tiền mua. Đối với cổ phiếu, rủi ro này thường chỉ liên quan đến những giao dịch

chuyển nhượng chứng khoán của các công ty chưa niêm yết. Tuy nhiên, quỹ mở sẽ chỉ giao dịch các cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch và các cổ phiếu chuẩn bị niêm yết, đăng ký giao dịch; ngoài ra, giao dịch mua bán được tiến hành qua hệ thống giao dịch của các sở giao dịch hoặc qua các công ty chứng khoán có hệ thống lưu ký, giám sát theo quy định của pháp luật, để đảm bảo các sổ dư chứng khoán và sổ dư tiền của các bên liên quan đảm bảo đủ và đúng luật. Đối với trái phiếu và các loại chứng khoán nợ, rủi ro này thường liên quan đến việc tổ chức phát hành hoặc người đảm bảo thanh toán bị mất khả năng thanh toán tại thời điểm đáo hạn và do vậy không thể thanh toán cho quỹ các khoản lãi cũng như nợ gốc. Để hạn chế rủi ro, Quỹ có thể đầu tư vào các loại trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương, có độ an toàn về khả năng thanh toán. Đối với các trái phiếu doanh nghiệp (nếu có), cho tới khi Việt Nam hình thành các tổ chức tài chính trung gian có uy tín chịu trách nhiệm đánh giá hạn mức tín nhiệm, Quỹ có thể áp dụng các kỹ thuật thống kê, hệ thống nội bộ, và tham khảo các đánh giá định mức tín nhiệm từ các tổ chức trung gian sẵn có để ra các quyết định đầu tư hợp lý giảm thiểu rủi ro.

3.13. Rủi ro bất khả kháng

Đây là các rủi ro khi các sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, có thể ảnh hưởng lớn và đột ngột lên giá trị của tất cả hoặc một số tài sản của Quỹ, có thể bao gồm những sự kiện như:

- (1) Thảm họa thiên nhiên (động đất, lũ lụt), hỏa hoạn, thảm họa hạt nhân;
- (2) Môi trường kinh doanh như khủng hoảng tài chính, hệ thống ngân hàng, hoặc các lãnh đạo chủ chốt doanh nghiệp mất khả năng điều hành;
- (3) Khủng hoảng, trục trặc hệ thống thông tin, máy tính.

X. PHÁT HÀNH LẦN ĐẦU VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ CÁC LẦN TIẾP THEO

1. Căn cứ pháp lý

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công (TCGF) và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

- (1) Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 do Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
- (2) Luật số 56/2024/QH15 do Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ Quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;
- (3) Nghị định số 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;

- (4) Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 11/09/2025;
- (5) Nghị định số 156/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
- (6) Nghị định số 306/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 11 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán (được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 128/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ) và Nghị định số 158/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;
- (7) Thông tư số 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
- (8) Thông tư số 98/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021 và Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 98/2020/TT-BTC;
- (9) Thông tư số 136/2025/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2025 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 98/2020/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 12 tháng 02 năm 2026;
- (10) Thông tư số 99/2020/TT-BTC hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán do Bộ trưởng Bộ Tài Chính ban hành ngày 16/11/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2021;
- (11) Thông tư số 198/2012/TT-BTC về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ mở do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 15/11/2012 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2013;
- (12) Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, có hiệu lực từ ngày 02 tháng 11 năm 2024;
- (13) Thông tư số 83/2024/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2024 hướng dẫn cơ chế, chính sách giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán do Nhà nước định giá áp dụng tại Sở

Giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con, Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2025;

- (14) Thông tư số 18/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 04 năm 2025 của Bộ Tài Chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;
- (15) Thông tư số 135/2025/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán;
- (16) Các văn bản pháp lý có liên quan khác (được thay đổi, bổ sung, thay thế tại từng thời điểm).

2. Phương án phát hành lần đầu (IPO)

Tên Quỹ:	QUỸ ĐẦU TƯ TĂNG TRƯỞNG THÀNH CÔNG
Tên viết tắt:	TCGF
Loại hình:	Quỹ mở
Thời hạn hoạt động của quỹ:	Không giới hạn
Mục tiêu đầu tư:	Tìm kiếm lợi nhuận dài hạn, tối đa hóa giá trị danh mục đầu tư bằng việc phân bổ tài sản vào các cổ phiếu của các doanh nghiệp đầu ngành có tiềm năng tăng trưởng cao trong tương lai.
Chiến lược đầu tư:	Chiến lược đầu tư hướng đến sự linh hoạt trong đầu tư, theo đó, chú trọng phân bổ danh mục vào cổ phiếu của các doanh nghiệp dẫn đầu các ngành chủ chốt của nền kinh tế (xét về quy mô vốn hóa thị trường, quy mô tài sản, tính thanh khoản, hiệu quả hoạt động và các chỉ tiêu khác...) nhưng vẫn đảm bảo điều tiết tỷ trọng danh mục phù hợp với từng giai đoạn của thị trường dựa trên hoạt động phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến nền kinh tế vĩ mô cũng như tình hình nội tại của từng doanh nghiệp, và chu kỳ kinh tế.
Lĩnh vực ngành nghề dự kiến đầu tư:	Quỹ đầu tư vào các lĩnh vực, ngành nghề được pháp luật cho phép và phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư của Quỹ.

Các sản phẩm dự kiến đầu tư:	Được quy định theo Mục 2.2.3 Phần IX của Bản cáo bạch này.
Quy trình kiểm soát rủi ro đầu tư:	Thực hiện theo quy định pháp luật và quy định nội bộ của công ty quản lý quỹ.
Cơ cấu đầu tư:	Được quy định theo Mục 2.2.4 Phần IX của Bản cáo bạch này
Số lượng đơn vị quỹ dự kiến chào bán:	Tối thiểu 5.000.000 (năm triệu) chứng chỉ quỹ
Thời hạn phát hành lần đầu	Bảo đảm thời hạn đăng ký mua chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư tối thiểu hai mươi (20) ngày và tối đa chín mươi (90) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng có hiệu lực
Thời gian gia hạn phát hành	Sẽ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét gia hạn nhưng không quá ba mươi (30) ngày sau khi kết thúc thời gian phân phối chứng chỉ quỹ
Mệnh giá chứng chỉ quỹ:	10.000 (mười nghìn) đồng/chứng chỉ quỹ
Giá phát hành:	10.000 (mười nghìn) đồng/chứng chỉ quỹ
Giá dịch vụ phát hành:	0% trên giá trị phát hành
Đơn vị tiền tệ	Việt Nam Đồng
Số tiền đăng ký mua tối thiểu:	100.000 (một trăm nghìn) đồng
Phương thức phân bổ lần đầu:	Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối = Số tiền đăng ký mua x (1 – Giá Dịch vụ phát hành đợt IPO (%)) / Giá phát hành. Số lượng chứng chỉ quỹ sau khi phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn xuống tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Trường hợp số tiền chuyển vào tài khoản của Quỹ thấp hơn giá trị mua tối thiểu, việc đăng ký mua chứng chỉ quỹ lần đầu coi như không hợp lệ. Số tiền đăng ký mua này sẽ được hoàn trả lại nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi Quỹ kết thúc thời gian huy động vốn. Phí chuyển tiền phát sinh được trừ vào số tiền hoàn trả này.

Trong trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ khác với số tiền ghi trên phiếu lệnh mua, nhưng không thấp hơn số tiền mua tối thiểu, số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối sẽ căn cứ vào số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ.

Trường hợp sau khi kết thúc đợt phát hành bao gồm cả thời gian gia hạn mà tổng số tiền đăng ký mua hợp lệ thấp hơn 50 (năm mươi) tỷ đồng hoặc có ít hơn 100 (một trăm) nhà đầu tư, không kể nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp mua chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ sẽ hủy đợt phát hành và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đồng thời công bố thông tin về việc huy động vốn không thành công trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ sau khi kết thúc giai đoạn chào bán. Công ty quản lý quỹ phải hoàn trả cho nhà đầu tư mọi khoản tiền đã đóng góp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc việc huy động vốn.

Thời hạn xác nhận giao dịch của nhà đầu tư	Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực.
Phương thức và hình thức thanh toán:	Nhà đầu tư chuyển tiền bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát bằng đồng Việt Nam.
Ngày giao dịch gần nhất dự kiến sau khi kết thúc phát hành lần đầu:	Trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực.
Địa điểm phát hành và các đại lý phân phối	Công ty cổ phần Fincorp Trụ sở chính: 176/1-176/3 Đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.
Các đối tác có liên quan đến đợt phát hành:	Đại diện phát hành: Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa Đại lý chuyển nhượng: Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

3. Giao dịch chứng chỉ quỹ các lần tiếp theo

3.1. Các quy định chung khi thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ

3.1.1. Thời gian giao dịch sau đợt phát hành lần đầu

Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực, công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.

3.1.2. Tần suất giao dịch, ngày giao dịch

Tần suất giao dịch: Chứng chỉ Quỹ TCGF được giao dịch hai (02) lần một tuần

Ngày giao dịch (T): Thứ Ba và Thứ Năm hàng tuần.
Trường hợp Ngày giao dịch rơi vào ngày nghỉ, ngày lễ thì việc giao dịch sẽ được thực hiện vào Ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.

3.1.3. Thời điểm đóng sổ lệnh

- (1) Thời điểm đóng sổ lệnh là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Thời điểm đóng sổ lệnh cũng áp dụng cho việc nhà đầu tư nộp đầy đủ hồ sơ với đại lý phân phối.
- (2) Thời điểm đóng sổ lệnh cho ngày giao dịch T: 14h45 ngày làm việc gần nhất trước ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (ngày T-1).
- (3) Trong trường hợp ngày đóng sổ lệnh rơi vào ngày nghỉ lễ thì thời điểm đóng sổ lệnh được dời sang 14h45 ngày làm việc liền trước đó. Công ty quản lý quỹ sẽ thông báo đến nhà đầu tư, đại lý phân phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch và thời điểm đóng sổ lệnh trong trường hợp nghỉ lễ trên trang thông tin điện tử của công ty hoặc bằng thư điện tử.
- (4) Thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được ghi nhận tại các điểm nhận lệnh và các lệnh giao dịch nhận trước thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được đại lý phân phối chuyển sang đại lý chuyển nhượng trước thời điểm đóng hệ thống của ngày T-1. Các lệnh giao dịch sẽ được xử lý căn cứ vào ngày và giờ nhận được hồ sơ tại điểm nhận lệnh dựa trên ngày giờ ghi nhận tại điểm nhận lệnh

đó. Với những lệnh giao dịch hợp lệ nộp cho đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh và được nhận bởi đại lý chuyển nhượng, NAV của ngày giao dịch (T) sẽ được áp dụng.

- (5) Trong thời hạn tối đa hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), nếu đại lý phân phối phát hiện lỗi giao dịch do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, đại lý phân phối phải thông báo cho công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và yêu cầu sửa lỗi giao dịch. Quá thời hạn nêu trên, đại lý phân phối chịu trách nhiệm trước nhà đầu tư về các lỗi giao dịch.

3.1.4. Thời hạn xác nhận giao dịch

Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+2), đại lý chuyển nhượng của Quỹ sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư vào sổ chính và nhà đầu tư sẽ nhận được bản xác nhận giao dịch.

3.1.5. Thời hạn thanh toán cho nhà đầu tư

- (1) Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+5), tiền bán chứng chỉ quỹ sẽ được thanh toán trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định sau khi có kết quả giao dịch chứng chỉ quỹ.
- (2) Trong trường hợp Quỹ thanh toán cho đại lý ký danh thì đại lý ký danh sẽ có trách nhiệm thanh toán chi tiết đến từng nhà đầu tư theo thỏa thuận giữa nhà đầu tư và đại lý ký danh.
- (3) Trường hợp tiền bán chứng chỉ quỹ được thanh toán vào tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định, nhà đầu tư cần thực hiện đăng ký thông tin với đại lý phân phối nơi nhà đầu tư đăng ký giao dịch trước thời điểm chốt sổ lệnh tối thiểu một (01) ngày làm việc.

3.1.6. Khối lượng giao dịch tối thiểu

- (1) Giá trị mua tối thiểu là một trăm nghìn (100.000) đồng.
- (2) Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán tối thiểu là mười (10) đơn vị quỹ.
- (3) Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi tối thiểu là mười (10) đơn vị quỹ.

3.1.7. Giá giao dịch chứng chỉ quỹ

- (1) Giá giao dịch chứng chỉ Quỹ TCGF được xác định tại ngày giao dịch (ngày T) và giá trị tài sản ròng của Quỹ dùng để tính giá giao dịch chứng chỉ Quỹ TCGF sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ trong vòng một (01) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.

- (2) Giá bán/phát hành một (01) chứng chỉ quỹ (giá nhà đầu tư phải thanh toán cho công ty quản lý quỹ):

Giá phát hành = Giá trị tài sản ròng trên một (01) đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ + Giá dịch vụ phát hành

- (3) Giá mua lại một (01) chứng chỉ quỹ (giá công ty quản lý quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư):

Giá mua lại = Giá trị tài sản ròng trên một (01) đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ - Giá dịch vụ mua lại

- (4) Giá dịch vụ phát hành, giá dịch vụ mua lại và giá dịch vụ chuyển đổi chứng chỉ quỹ được quy định cụ thể tại Mục 3.1 Phần XI của Bản cáo bạch này.

3.1.8. Phương thức giao dịch

- (1) Nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ tại điểm nhận lệnh của đại lý phân phối (lưu ý: nhà đầu tư lần đầu giao dịch chứng chỉ quỹ phải mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở và cung cấp các thông tin nhận biết nhà đầu tư theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối).
- (2) Nhà đầu tư có thể đặt lệnh tại hơn một (01) đại lý phân phối, tuy nhiên cần mở tài khoản giao dịch tại mỗi đại lý phân phối mà nhà đầu tư muốn thực hiện giao dịch. Các tài khoản của nhà đầu tư tại các đại lý phân phối khác nhau được quản lý độc lập. Nhà đầu tư có thể nộp các phiếu lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ cho tài khoản mở tại một đại lý phân phối tại bất kỳ điểm nhận lệnh nào của đại lý phân phối đó.
- (3) Ủy quyền giao dịch: Nhà đầu tư có thể ủy quyền cho cá nhân khác thực hiện giao dịch chứng chỉ quỹ, và phải điền thông tin người được ủy quyền vào “Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở”. Người được ủy quyền sẽ không được thay đổi cho đến khi nhà đầu tư đăng ký lại người được ủy quyền tại đại lý phân phối.
- (4) Danh sách các đại lý phân phối chỉ định và điểm nhận lệnh được liệt kê tại Phần VII của Bản cáo bạch này và cập nhật trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ theo từng thời kỳ.
- (5) Đại lý phân phối chỉ được nhận lệnh giao dịch của nhà đầu tư khi phiếu lệnh đã được điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo mẫu quy định.

3.1.9. Giao dịch mua

Các lệnh giao dịch nhận được trước thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện vào ngày giao dịch. Các lệnh nhận sau thời điểm đóng sổ lệnh được thực hiện vào ngày giao dịch tiếp theo trừ trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu hủy lệnh.

3.1.10. Hủy lệnh giao dịch

- (1) Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ trước thời điểm đóng sổ lệnh. Việc hủy lệnh phải được thực hiện tại các đại lý phân phối mà nhà đầu tư đã đăng ký giao dịch.
- (2) Trong trường hợp nhà đầu tư hủy lệnh sau khi đã thực hiện chuyển tiền mua chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Quỹ, số tiền này sẽ được hoàn trả vào tài khoản của nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào khoản tiền hoàn trả này.

3.1.11. Duy trì tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ

- (1) Số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản nhà đầu tư là mười (10) đơn vị quỹ.
- (2) Khi tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư có số dư bằng không (0) và không phát sinh giao dịch nào trong vòng một (01) năm, công ty quản lý quỹ sẽ tự động khóa tài khoản của nhà đầu tư. Khi có nhu cầu giao dịch trở lại, nhà đầu tư có thể kích hoạt lại tài khoản và cập nhật những thông tin mới trên tài khoản cho đại lý phân phối.

3.2. Giao dịch mua chứng chỉ quỹ

- (1) Lệnh mua được gửi tới đại lý phân phối kèm theo tài liệu hợp lệ xác nhận việc nhà đầu tư đã hoàn tất việc thanh toán vào tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát. Tiền mua chứng chỉ quỹ có thể được chuyển từ tài khoản ngân hàng mang tên nhà đầu tư, tài khoản chứng khoán của nhà đầu tư tại đại lý phân phối. Trường hợp lệnh mua chứng chỉ quỹ và việc thanh toán cho lệnh mua được thực hiện bởi cá nhân, tổ chức khác không phải là nhà đầu tư, phiếu lệnh và tài liệu xác nhận việc thanh toán phải nêu rõ tên, số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, số tiền khoản giao dịch hoặc số Giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khách hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và giá trị thanh toán của nhà đầu tư. Phí chuyển tiền do nhà đầu tư trả.
- (2) Nhà đầu tư chuyển khoản tiền mua chứng chỉ quỹ vào tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát theo thông tin sau:

Tên tài khoản:	Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công
Số tài khoản:	[Theo số tài khoản được đại lý phân phối thông báo]
Tên ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Số tiền:	[Số tiền đăng ký mua]

Nội dung: [Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở]_[Tên đầy đủ của nhà đầu tư]_mua TCGF

- (3) Trường hợp số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ khác số tiền ghi trên Lệnh mua và không thấp hơn số tiền mua tối thiểu, số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối căn cứ trên số tiền thực tế thanh toán vào tài khoản của Quỹ.
- (4) Trong trường hợp tổng giá trị đăng ký mua của nhà đầu tư dẫn tới số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối nhỏ hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu duy trì tài khoản thì nhà đầu tư được nắm giữ chứng chỉ quỹ này và đây được xem là chứng chỉ quỹ lẻ.
- (5) Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối được tính theo công thức sau:

$$\text{Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối} = \text{Số tiền đăng ký mua} \times (1 - \text{Giá Dịch vụ phát hành (\%)}) / \text{Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại Ngày giao dịch}$$
- (6) Số lượng đơn vị quỹ được phân phối có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy. Số đơn vị quỹ lẻ không làm ảnh hưởng đến khả năng bán lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư.
- (7) Những trường hợp giao dịch mua không hợp lệ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ:
 - (i) Lệnh mua được gửi tới đại lý phân phối sau thời điểm đóng sổ lệnh;
 - (ii) Nhà đầu tư/người được ủy quyền hợp lệ thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ nhưng không ghi phiếu đặt lệnh mua chứng chỉ quỹ tại đại lý phân phối;
 - (iii) Đến hết ngày làm việc gần nhất trước ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (ngày T-1), Quỹ không nhận được tiền thanh toán của nhà đầu tư
 - (iv) Tiền mua chứng chỉ quỹ đã được chuyển từ tài khoản của nhà đầu tư vào tài khoản của Quỹ nhưng nội dung chuyển tiền không đúng với cú pháp đã công bố;
 - (v) Số tiền thanh toán mua thấp hơn số tiền mua tối thiểu theo quy định.
- (8) Lệnh mua được gửi tới đại lý phân phối sau thời điểm đóng sổ lệnh sẽ được thực hiện tại ngày giao dịch tiếp theo, trừ trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu hủy lệnh. Đối với những trường hợp giao dịch mua không hợp lệ còn lại, tiền thanh toán mua chứng chỉ quỹ sẽ được công ty quản lý quỹ chỉ thị chuyển trả vào tài khoản đăng ký của nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.

3.3. Giao dịch bán chứng chỉ quỹ

- (1) Lệnh bán được chấp nhận để thực hiện khi số lượng đơn vị quỹ đăng ký bán được đại lý chuyển nhượng xác nhận là do nhà đầu tư đó nắm giữ; nhà đầu tư, đại lý ký danh có đủ số lượng đơn vị quỹ để bán theo yêu cầu và số lượng đơn

vị quỹ còn lại sau giao dịch của nhà đầu tư không thấp hơn số lượng tối thiểu để duy trì tài khoản, tiểu khoản.

- (2) Trường hợp số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản sau giao dịch ít hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, số lượng chứng chỉ quỹ còn lại sẽ được tự động bán hết tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ của kỳ giao dịch nhà đầu tư đặt lệnh bán.
- (3) Số lượng chứng chỉ quỹ đặt bán có thể là số lẻ ở dạng thập phân, làm tròn tới số hạng thứ hai sau dấu phẩy.
- (4) Lệnh bán có thể không thực hiện hoặc chỉ được thực hiện một phần theo quy định tại mục “Thực hiện một phần giao dịch, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ” của Bản cáo bạch này.
- (5) Tiền bán chứng chỉ quỹ được chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định hoặc tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư do nhà đầu tư chỉ định trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. Số tiền bán chứng chỉ quỹ sẽ được làm tròn tới hàng đơn vị. Phí ngân hàng phát sinh (nếu có) từ việc chuyển tiền bán chứng chỉ quỹ do nhà đầu tư chịu.
- (6) Số tiền bán chứng chỉ quỹ được tính theo công thức sau:

Giá trị bán được nhận = Số lượng đơn vị quỹ được mua lại x Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại Ngày giao dịch x (1 – Giá Dịch vụ mua lại (%))

Số tiền nhà đầu tư nhận được bằng giá trị bán được nhận trừ đi phí ngân hàng và các khoản thuế theo quy định của pháp luật (nếu có).

- (7) Những trường hợp giao dịch bán không hợp lệ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ:
 - (i) Lệnh bán được gửi tới đại lý phân phối sau thời điểm đóng sổ lệnh;
 - (ii) Số lượng chứng chỉ quỹ đặt bán nhiều hơn số lượng chứng chỉ quỹ đang sở hữu.

3.4. Giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ

- (1) Nhà đầu tư có thể thực hiện lệnh chuyển đổi chứng chỉ quỹ giữa các quỹ mở do Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công quản lý.
- (2) Lệnh chuyển đổi phải được điền đầy đủ thông tin theo mẫu tại Phụ lục 2 của Bản cáo bạch này và chuyển tới đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh.
- (3) Nhà đầu tư có thể đăng ký chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ số lượng chứng chỉ quỹ sở hữu. Trường hợp số lượng chứng chỉ quỹ còn lại trên tài khoản sau giao dịch ít hơn số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản, số lượng chứng chỉ quỹ còn lại sẽ được tự động chuyển đổi sang chứng chỉ quỹ mục tiêu.
- (4) Lệnh chuyển đổi được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- (i) Lệnh bán đối với chứng chỉ quỹ bị bán được thực hiện trước, sau đó mới thực hiện lệnh mua chứng chỉ quỹ của quỹ mục tiêu;
 - (ii) Các lệnh được thực hiện tại các ngày giao dịch chứng chỉ của các quỹ tương ứng;
 - (iii) Trong trường hợp chuyển đổi sẽ không áp dụng số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu cho mỗi lệnh mua ở quỹ mục tiêu và số lượng chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản ở quỹ mục tiêu;
 - (iv) Nhà đầu tư thanh toán giá dịch vụ chuyển đổi mà không phải thanh toán giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại trên số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi.
- (5) Nhà đầu tư sẽ nhận được xác nhận giao dịch của lệnh chuyển đổi trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ của quỹ mục tiêu.
- (6) Những trường hợp giao dịch chuyển đổi không hợp lệ tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ:
- (i) Lệnh chuyển đổi được gửi tới đại lý phân phối sau thời điểm đóng sổ lệnh;
 - (ii) Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi nhiều hơn số lượng chứng chỉ quỹ đang sở hữu.
- (7) Lưu ý: lệnh chuyển đổi có thể chỉ được thực hiện một phần như quy định tại mục 3.5 dưới đây.
- (1) **Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ** Công ty quản lý quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi của nhà đầu tư khi một trong các trường hợp sau xảy ra:
- (i) Tổng giá trị các lệnh bán (kể cả lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi) trừ tổng giá trị các lệnh mua (kể cả lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi) tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ lớn hơn hoặc bằng 5% giá trị tài sản ròng của quỹ; hoặc
 - (ii) Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của nhà đầu tư dẫn tới:
 - Giá trị tài sản ròng của quỹ thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng; hoặc
 - Giá trị phần đơn vị quỹ hoặc số đơn vị quỹ còn lại trên tài khoản của nhà đầu tư thấp hơn giá trị tối thiểu hoặc số lượng đơn vị quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản của nhà đầu tư theo quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - Giá trị tài sản ròng còn lại hoặc số đơn vị quỹ còn lại của quỹ thấp hơn giá trị tài sản ròng tối thiểu hoặc số đơn vị quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch (nếu có); hoặc
 - Số lượng đơn vị quỹ lưu hành vượt quá khối lượng tối đa (nếu có) quy định tại Điều lệ quỹ và Bản cáo bạch.

- (iii) Việc bán chứng khoán lấy tiền mặt để đáp ứng toàn bộ lệnh của nhà đầu tư không thể thực hiện được do:
- Tính thanh khoản của thị trường thấp;
 - Một (hoặc nhiều) chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở giao dịch chứng khoán.
- (2) Việc thực hiện một phần lệnh bán, lệnh mua, lệnh chuyển đổi được áp dụng theo nguyên tắc cùng một tỷ lệ. Phần giá trị được thực hiện sẽ được phân bổ cho tất cả các nhà đầu tư đăng ký giao dịch tại một kỳ giao dịch theo cùng một tỷ lệ giữa giá trị thực hiện và giá trị đăng ký giao dịch. Phần còn lại của các lệnh chưa được thực hiện hết sẽ được ưu tiên thực hiện vào ngày giao dịch tiếp theo trước các lệnh mới. Trong trường hợp lệnh bán chỉ được thực hiện một phần, quy định về số dư chứng chỉ quỹ tối thiểu để duy trì tài khoản sẽ không áp dụng.
- (3) Đối với trường hợp quy định tại tiết (i) nêu trên, công ty quản lý quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa ba mươi (30) ngày sau khi được Ban đại diện quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ.
- (4) Công ty quản lý quỹ có thể tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ trong các trường hợp sau:
- (i) Công ty quản lý quỹ không thể thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu do nguyên nhân bất khả kháng; hoặc
 - (ii) Công ty quản lý quỹ không thể xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ vào ngày định giá mua lại chứng chỉ quỹ do chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ bị đình chỉ giao dịch theo quyết định của Sở Giao dịch chứng khoán; hoặc
- (iii) Các sự kiện khác mà Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xét thấy là cần thiết.
- (5) Thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ không quá chín mươi (90) ngày, kể từ ngày tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.
- (6) Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ tổ chức họp để lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư về việc giải thể quỹ, hoặc tách quỹ, hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ.
- (7) Trong thời hạn triệu tập Đại hội nhà đầu tư, nếu các nguyên nhân dẫn đến việc tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, công ty quản lý quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư.

4. Chương trình đầu tư định kỳ (SIP)

Chương trình đầu tư định kỳ (Systematic Investment Plan, gọi tắt là SIP) là chương trình đầu tư có hệ thống trong một khoảng thời gian, theo đó nhà đầu tư sẽ thanh toán một

khoản đầu tư nhất định định kỳ (ví dụ hàng tháng hoặc hàng quý) để mua chứng chỉ quỹ. Chương trình đầu tư định kỳ phổ biến ở các quốc gia có lĩnh vực quỹ mở phát triển và thu hút được sự tham gia của nhiều nhà đầu tư do những lợi ích mà chương trình đầu tư này có thể mang lại cho nhà đầu tư.

4.1. Lợi ích của chương trình đầu tư định kỳ

Lợi ích của hình thức đầu tư định kỳ cho phép nhà đầu tư đều đặn bỏ một khoản tiền nhất định để mua chứng chỉ quỹ trong một khoảng thời gian nhất định. Ví dụ, nhà đầu tư đều đặn bỏ ra 1 triệu VND/tháng mua chứng chỉ quỹ TCGF hàng tháng hoặc 3 triệu VND/quý. Với việc bỏ ra một khoản tiền nhất định định kỳ như vậy, nhà đầu tư thực tế sẽ mua số lượng chứng chỉ quỹ nhiều hơn khi giá thấp và mua số lượng chứng chỉ quỹ ít hơn khi giá cao. Do đó, đến cuối kỳ đầu tư, chi phí đầu tư trung bình tính trên mỗi đơn vị quỹ của nhà đầu tư thường thấp hơn giá phát hành chứng chỉ quỹ trung bình, bất kể giá chứng chỉ quỹ biến động như thế nào. Với chương trình này, nhà đầu tư sẽ có lợi mà không phải thường xuyên theo dõi biến động của giá chứng chỉ quỹ, duy trì được tính kỷ luật trong hoạt động đầu tư của mình.

Ví dụ minh họa

Nhà đầu tư tham gia vào Quỹ qua hình thức đầu tư định kỳ. Trong năm đầu tiên tham gia, mỗi quý nhà đầu tư nộp 3 triệu VND để mua chứng chỉ quỹ. Số lượng chứng chỉ quỹ nhà đầu tư mua được tương ứng với mức giá phát hành chứng chỉ quỹ hàng quý như sau (giả sử không có phí phát hành chứng chỉ quỹ):

Quý	Giá phát hành (NAV/Đơn vị quỹ)	Số tiền mua chứng chỉ quỹ	Số lượng chứng chỉ quỹ được phân phối
1	10.000	3.000.000	300
2	9.000	3.000.000	333,33
3	12.500	3.000.000	240
4	11.500	3.000.000	260,86
Tổng		12.000.000	1.134,19

- Chi phí đầu tư trung bình trên mỗi đơn vị quỹ của nhà đầu tư là:
- Chi phí đầu tư trung bình = $12.000.000 / 1.134,19 = 10.580$ VND/CCQ
- Giá phát hành trung bình = $(10.000 + 9.000 + 12.500 + 11.500) / 4 = 10.750$ VND/CCQ

Ví dụ trên minh họa rõ lợi ích nhà đầu tư thu được khi tham gia vào Quỹ qua hình thức đầu tư định kỳ. Nhà đầu tư hưởng lợi mà không phải thường xuyên theo dõi giá phát hành chứng chỉ quỹ (NAV).

Ngoài ra, khi tham gia vào Quỹ qua hình thức đầu tư định kỳ với Quỹ TCGF, nhà đầu tư sẽ luôn được đảm bảo hưởng mức giá dịch vụ phát hành không cao hơn so với mức giá dịch vụ phát hành qua hình thức mua thông thường.

Lưu ý cho nhà đầu tư: Chương trình đầu tư định kỳ mang lại lợi ích nhưng không đảm bảo việc tham gia chương trình này sẽ mang lại lợi nhuận cho nhà đầu tư.

4.2. Hình thức đầu tư định kỳ cố định (SIP-Fix)

Mỗi tháng hoặc mỗi quý thực hiện một lần với số tiền đầu tư cố định (không thấp hơn mức đầu tư tối thiểu) được nhà đầu tư ấn định tại thời điểm đăng ký tham gia SIP. Nhà đầu tư có thể thay đổi mức đầu tư của SIP bằng cách thay đổi đăng ký SIP với đại lý phân phối của mình. Lệnh mua SIP sẽ được thực hiện theo số tiền đầu tư mà nhà đầu tư đã đăng ký.

Yêu cầu của hình thức đầu tư định kỳ cố định:

- **Thời gian tham gia tối thiểu:** mười hai (12) kỳ thanh toán liên tục đối với SIP tháng hoặc bốn (4) kỳ thanh toán liên tục đối với SIP quý. Lưu ý: chương trình sẽ liên tục duy trì cho đến khi nhà đầu tư chấm dứt chương trình.
- **Số tiền tối thiểu:** 100.000 (một trăm nghìn) đồng/tháng (đối với SIP tháng) hoặc 300.000 (ba trăm nghìn) đồng/quý (đối với SIP quý).
- **Tần suất tham gia:** hàng tháng hoặc hàng quý.
- **Đăng ký tham gia:** Nhà đầu tư đăng ký tham gia vào Quỹ qua hình thức đầu tư định kỳ bằng cách điền thông tin vào Giấy đăng ký chương trình đầu tư định kỳ theo mẫu tại Phụ lục số 2 của Bản cáo bạch này và chuyển tới đại lý phân phối. Lệnh mua sẽ tự sinh cho các kỳ giao dịch tiếp theo, nhà đầu tư không phải đặt lại lệnh.
- **Thời gian thanh toán:** Thời hạn cuối cùng Quỹ nhận tiền thanh toán là đến hết ngày mùng mười hàng tháng (đối với SIP tháng) hoặc ngày mùng mười tháng Một, tháng Tư, tháng Bảy và tháng Mười (đối với SIP quý). Trường hợp ngày mùng mười rơi vào ngày nghỉ lễ, thời hạn cuối cùng Quỹ nhận tiền thanh toán của nhà đầu tư là đến hết ngày làm việc gần nhất trước ngày mùng mười. Nhà đầu tư có thể chủ động chuyển khoản tiền đầu tư vào tài khoản của Quỹ hàng tháng/hàng quý hoặc đặt các lệnh chờ thanh toán (Standing instruction/Direct Debit) tại ngân hàng nơi nhà đầu tư mở tài khoản để chuyển tiền đầu tư vào tài khoản của Quỹ.
- **Ngày thực hiện giao dịch:** Giao dịch mua chứng chỉ quỹ sẽ được thực hiện tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất sau ngày mùng mười hàng tháng (đối với SIP tháng) hoặc sau ngày mùng mười tháng Một, tháng Tư, tháng Bảy và tháng Mười (đối với SIP quý).

4.3. Hình thức đầu tư định kỳ linh hoạt (SIP-Flex)

Mỗi tháng thực hiện một lần với số tiền đầu tư tùy chọn (không thấp hơn mức đầu tư tối thiểu). Nhà đầu tư không cần ấn định mức đầu tư của SIP và có thể linh hoạt thay đổi mức đầu tư tại bất kỳ thời điểm nào tùy thuộc vào nhu cầu mà không cần phải đăng ký với đại lý phân phối. Lệnh mua SIP sẽ được thực hiện trên toàn bộ số tiền đầu tư mà Quỹ nhận được.

Yêu cầu của hình thức đầu tư định kỳ linh hoạt:

- **Thời gian tham gia tối thiểu:** Chương trình không giới hạn thời gian duy trì tối thiểu.
- **Số tiền tối thiểu:** 100.000 (một trăm nghìn) đồng/tháng.
- **Tần suất tham gia:** hàng tháng.
- **Số tiền tham gia:** Sản phẩm không yêu cầu nhà đầu tư cố định số tiền tham gia qua các kỳ. Nhà đầu tư có thể tham gia số tiền bất kỳ lớn hơn hoặc bằng số tiền tham gia tối thiểu, số tiền này có thể thay đổi theo kỳ tham gia của nhà đầu tư.
- **Đăng ký tham gia:** Nhà đầu tư đăng ký tham gia vào Quỹ qua hình thức đầu tư định kỳ linh hoạt bằng cách điền thông tin vào vào Giấy đăng ký chương trình đầu tư định kỳ theo mẫu tại Phụ lục số 2 của Bản cáo bạch này và chuyển tới đại lý phân phối. Lệnh mua sẽ tự sinh cho các kỳ giao dịch tiếp theo, nhà đầu tư không phải đặt lại lệnh.
- **Ngày đóng tiền đầu tư định kỳ linh hoạt:** là ngày nhà đầu tư thanh toán tiền vào tài khoản của Quỹ tại Ngân hàng giám sát. Ngày đóng tiền có thể là bất kỳ ngày làm việc nào trong tháng.
- **Ngày giao dịch SIP linh hoạt:** là ngày giao dịch gần nhất sau ngày Quỹ nhận được tiền giao dịch hợp lệ thanh toán mua SIP linh hoạt của nhà đầu tư (như vậy kỳ giao dịch nào cũng có thể là kỳ SIP-Flex).
- **Số lệnh được khớp trong tháng:**
 - Một (01) lệnh/tháng, khớp cho tổng số tiền mua trong một kỳ giao dịch mà Quỹ nhận được sớm nhất trong tháng.
 - Đối với các lệnh chuyển tiền của nhà đầu tư tiếp theo sau kỳ giao dịch đầu tiên được khớp lệnh trong tháng đó, công ty quản lý quỹ sẽ chỉ thị chuyển trả vào tài khoản đăng ký của nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch gần nhất của Quỹ trừ trường hợp số tiền này được đầu tư vào kỳ giao dịch tiếp theo theo yêu cầu của nhà đầu tư gửi tới công ty quản lý quỹ và được công ty quản lý quỹ xác nhận giữ lại tiền. Trường hợp công ty quản lý quỹ không đủ thông tin để xác định được người thụ hưởng của số tiền đã chuyển khoản vào Quỹ, công ty quản lý quỹ sẽ chỉ thị chuyển trả nhà đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ khi công ty quản lý quỹ có đủ bằng chứng để xác định được

chính xác thông tin người thụ hưởng. Phí chuyển tiền sẽ được trừ vào số tiền hoàn trả này.

4.4. Chấm dứt tham gia chương trình đầu tư định kỳ

- **Ngày bắt đầu tham gia vào Quỹ qua chương trình đầu tư định kỳ:** là ngày thực hiện giao dịch mua chứng chỉ quỹ đầu tiên qua hình thức đầu tư định kỳ.
- **Chương trình đầu tư định kỳ sẽ chấm dứt khi xảy ra một trong các sự kiện sau:**
 - Nhà đầu tư đề nghị chấm dứt tham gia tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian tham gia chương trình; hoặc
 - Đối với chương trình đầu tư định kỳ cố định (SIP-Fix): nhà đầu tư không thanh toán đúng cam kết về thời gian và/hoặc giá trị đã đăng ký, hoặc bán, hoặc chuyển đổi, hoặc chuyển nhượng sang quỹ khác số chứng chỉ quỹ đã mua theo hình thức đầu tư định kỳ cố định trong vòng một (01) năm kể từ ngày bắt đầu tham gia chương trình.
 - Đối với chương trình đầu tư định kỳ linh hoạt (SIP-Flex): nhà đầu tư không thanh toán đủ số tiền tham gia tối thiểu trong ba (03) kỳ liên tiếp trở lên.
- **Giá dịch vụ khi chấm dứt đầu tư định kỳ cố định:** Trong trường hợp nhà đầu tư chấm dứt đầu tư định kỳ, nhà đầu tư sẽ phải chịu thêm Giá dịch vụ chấm dứt SIP (được tính bằng tỷ lệ % của giá trị chứng chỉ quỹ bán/chuyển đổi) ngoài giá dịch vụ mua lại/giá dịch vụ chuyển đổi thông thường. Mức giá dịch vụ chấm dứt SIP được xác định tại thời điểm nhà đầu tư chấm dứt SIP và được thanh toán khi nhà đầu tư bán số lượng chứng chỉ quỹ đó. Giá dịch vụ chấm dứt SIP được thông báo trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ.

Trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng phi thương mại chứng chỉ quỹ, giá dịch vụ rời SIP sẽ áp dụng và được thanh toán tại thời điểm chuyển đổi hoặc chuyển nhượng. Chứng chỉ quỹ sau khi chuyển nhượng sẽ trở thành chứng chỉ quỹ thông thường và người nhận chuyển nhượng có thể tự do giao dịch số chứng chỉ quỹ này.

5. Chuyển nhượng phi thương mại

- (1) Các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại cho một tổ chức/cá nhân khác được thực hiện tại đại lý phân phối.
- (2) Nhà đầu tư điền đầy đủ các thông tin vào Giấy đăng ký và cung cấp đầy đủ các văn bản, hồ sơ cần thiết để hoàn tất thủ tục giao dịch chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật cho đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh của mỗi kỳ giao dịch.
- (3) Giá dịch vụ khi thực hiện giao dịch được quy định cụ thể tại Mục 3.1.6 Phần XI của Bản cáo bạch này.

- (4) Nhà đầu tư có trách nhiệm thanh toán các khoản chi phí phát sinh và thuế liên quan đến việc chuyển nhượng phi thương mại theo quy định của pháp luật.

6. Một số lưu ý cho nhà đầu tư nước ngoài

- (1) Trước khi mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ, nhà đầu tư nước ngoài phải đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định về hoạt động của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán do Bộ Tài Chính ban hành.
- (2) Nhà đầu tư là cá nhân và tổ chức nước ngoài phải thực hiện chuyển khoản từ chính tài khoản vốn đầu tư gián tiếp của nhà đầu tư mở tại ngân hàng thương mại vào tài khoản của Quỹ đối với việc mua chứng chỉ quỹ. Nhà đầu tư phải nộp giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp cho đại lý phân phối tại thời điểm đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở.
- (3) Tiền mua chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư nước ngoài được chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng nào khác ngoài tài khoản vốn đầu tư gián tiếp sẽ được xem là giao dịch không hợp lệ. Nhà đầu tư nước ngoài phải tự chịu trách nhiệm nếu số tiền chuyển khoản mua chứng chỉ quỹ không được chuyển khoản từ tài khoản vốn đầu tư gián tiếp theo quy định của pháp luật.
- (4) Người được ủy quyền đại diện giao dịch cho nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam phải đáp ứng được các điều kiện quy định tại Điều 138 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

7. Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

7.1. Xác định và công bố giá trị tài sản ròng

- (1) Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ phải được ngân hàng giám sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị tài sản ròng phải được thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của ngân hàng giám sát đã được công ty quản lý quỹ chấp thuận.
- (2) Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp Điều lệ quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.
- (3) Trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng.

- (4) Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện giá trị tài sản ròng bị định giá sai, công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định giá trị tài sản ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát cùng ký xác nhận.

7.2. Nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng

- (1) Ngày định giá: giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công được xác định vào các ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (là ngày Thứ Ba và Thứ Năm hàng tuần). Trong trường hợp ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì ngày định giá là ngày ngày giao dịch kế tiếp của Quỹ, trừ khi công ty quản lý quỹ có thông báo khác.
- (2) Đối với kỳ định giá hàng tháng, giá trị tài sản ròng của Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công được xác định vào ngày cuối cùng của tháng.
- (3) Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng:
- (i) Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá (Ngày T-1);
 - (ii) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước đó;
 - (iii) Giá trị tài sản ròng được làm tròn theo quy định trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn giá trị tài sản ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ;
 - (iv) Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Phụ lục 3 của Bản cáo bạch này, sổ tay định giá hoặc được Ban đại diện quỹ chấp thuận bằng văn bản. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá tuân thủ các quy định của pháp luật và phải được Ban đại diện quỹ phê duyệt, cung cấp cho ngân hàng giám sát để giám sát việc tính toán giá trị tài sản ròng.

7.3. Công bố thông tin về giá trị tài sản ròng

- (1) Giá trị tài sản ròng phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi có xác nhận của Ngân hàng giám sát. Việc công bố giá trị tài sản

ròng cho nhà đầu tư được thực hiện chậm nhất vào ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá.

8. Thông tin hướng dẫn nhà đầu tư tham gia vào Quỹ

- (1) Nhà đầu tư cần hiểu rõ các dự báo và ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô, thị trường chứng khoán và chiến lược đầu tư của Quỹ không hàm ý bảo đảm về kết quả trong tương lai của Quỹ. Do đó, nhà đầu tư được khuyến cáo:
 - (i) Nhận thức được rủi ro chung của việc đầu tư trên thị trường tài chính.
 - (ii) Nhận thông tin trực tiếp về Quỹ từ các trang thông tin chính thức, đại lý phân phối chính thức, trang thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - (iii) Trong trường hợp nhà đầu tư chưa hiểu rõ thông tin trong Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch hay báo cáo định kỳ của Quỹ, nhà đầu tư nên đề nghị công ty quản lý quỹ làm rõ và tham khảo thêm từ những chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm.
- (2) Quy trình, cách thức giao dịch chứng chỉ quỹ được hướng dẫn chi tiết theo Phụ lục 1 của Bản cáo bạch.

XI. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính và báo cáo kiểm toán sẽ được công ty quản lý quỹ công bố và cập nhật định kỳ theo quy định của pháp luật. Nhà đầu tư có thể tham khảo báo cáo tài chính được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ tại địa chỉ <http://tcam.com.vn>.

2. Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ

Tình hình phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ được công ty quản lý quỹ công bố và cập nhật định kỳ theo quy định của pháp luật. Nhà đầu tư có thể tham khảo thông tin về phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ thông qua báo cáo định kỳ về hoạt động đầu tư của Quỹ, Báo cáo tài chính của Quỹ được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ tại địa chỉ <http://tcam.com.vn>.

3. Giá dịch vụ và thưởng hoạt động

3.1. Các loại giá dịch vụ do nhà đầu tư trả

3.1.1. Giá dịch vụ phát hành trong đợt IPO

- (1) Là khoản tiền mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng (IPO). Giá dịch vụ này được thu khi phát hành lần đầu, cộng vào mệnh giá và tính theo tỷ lệ phần trăm trên mệnh giá của một đơn vị quỹ.
- (2) Giá dịch vụ phát hành lần đầu của Quỹ TCGF là miễn phí.

3.1.2. Giá dịch vụ phát hành tại các lần giao dịch sau IPO

- (1) Là khoản tiền mà nhà đầu tư phải trả khi mua một đơn vị quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo, sau khi Quỹ TCGF được thành lập. Giá dịch vụ này được thu khi phát hành và tính theo tỷ lệ phần trăm trên số tiền đăng ký mua chứng chỉ quỹ.
- (2) Giá dịch vụ phát hành cho giao dịch mua thông thường sau IPO và giao dịch mua theo hình thức đầu tư định kỳ (SIP) là miễn phí.

3.1.3. Giá dịch vụ mua lại

- (1) Là khoản tiền mà nhà đầu tư phải trả khi bán lại cho Quỹ một đơn vị quỹ tại các kỳ giao dịch tiếp theo, sau khi Quỹ TCGF được thành lập. Giá dịch vụ này được khấu trừ khi thanh toán tiền bán chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện.
- (2) Giá dịch vụ mua lại được căn cứ theo thời gian nắm giữ chứng chỉ quỹ, được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch thực hiện như sau:

Thời gian nắm giữ	Giá dịch vụ mua lại
Dưới 1 năm	0,5%
Từ 1 năm - dưới 2 năm	0,35%
Từ 2 năm trở lên	0,2%

Mức giá dịch vụ mua lại nêu trên được áp dụng cho cả giao dịch thông thường và giao dịch trong các chương trình đầu tư định kỳ (SIP) của Quỹ.

3.1.4. Giá dịch vụ chuyển đổi

- (1) Là khoản tiền mà nhà đầu tư phải trả khi đăng ký giao dịch chuyển đổi chứng chỉ quỹ TCGF sang một quỹ mở khác do công ty quản lý quỹ quản lý tại các kỳ giao dịch tiếp theo, sau khi Quỹ TCGF được thành lập. Nhà đầu tư không phải trả giá dịch vụ phát hành và giá dịch vụ mua lại khi thực hiện chuyển đổi các loại chứng chỉ quỹ.
- (2) Giá dịch vụ chuyển đổi tại các lần giao dịch tiếp theo là 0,2% tổng giá trị chuyển đổi thực hiện được của quỹ bị chuyển đổi.

3.1.5. Giá dịch vụ chuyển nhượng

- (1) Là khoản tiền mà nhà đầu tư phải trả khi đăng ký thực hiện các giao dịch chuyển nhượng phi thương mại như cho, biếu, tặng, thừa kế, ...
- (2) Giá dịch vụ chuyển nhượng là 300.000 VNĐ (ba trăm nghìn đồng) cho một giao dịch chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, do bên chuyển nhượng thanh toán.

3.1.6. Việc thanh toán các khoản giá dịch vụ

Các khoản giá dịch vụ nêu trên sẽ được trả cho công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối. Phần thanh toán cho đại lý phân phối sẽ được tính trên hợp đồng đại lý phân phối được ký giữa công ty quản lý quỹ và đại lý phân phối. Ngân hàng giám sát sẽ chuyển trả trực tiếp phần giá dịch vụ này cho công ty quản lý quỹ và đại lý phân

phối dựa trên kết quả tính toán của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan và chi thị thanh toán của Quỹ.

3.2. Các loại giá dịch vụ do Quỹ trả

3.2.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ

- (1) Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho công ty quản lý quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ TCGF. Giá dịch vụ quản lý được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ.
- (2) Giá dịch vụ quản lý quỹ là 1,5% NAV/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)) và được thanh toán hàng tháng cho công ty quản lý quỹ.
- (3) Trường hợp điều chỉnh giá dịch vụ quản lý quỹ sẽ do Đại hội nhà đầu tư quyết định, công ty quản lý quỹ sẽ cập nhật mức giá dịch vụ quản lý quỹ mới tại Bản cáo bạch của Quỹ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật.
- (4) Trong mọi trường hợp, tổng giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ quản trị quỹ và giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng sẽ tuân thủ mức tối đa theo quy định của pháp luật.
- (5) Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- (6) Công thức tính giá dịch vụ quản lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm x NAV tại ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- (7) Tổng giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Giá dịch vụ quản lý trong tháng được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản lý trong tháng = [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm x NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x Số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ quản lý của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản lý quỹ tính theo năm x NAV tại ngày định giá cuối tháng x Số ngày thực tế còn lại trong tháng/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

3.2.2. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát

- (1) Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được trả cho ngân hàng giám sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ.

- (2) Giá dịch vụ lưu ký là 0,05% NAV/năm, tối thiểu là 15 triệu đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)) và được thanh toán hàng tháng cho ngân hàng giám sát.
- (3) Giá dịch vụ giám sát là 0,02% NAV/năm, tối thiểu là 5 triệu đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)) và được thanh toán hàng tháng cho ngân hàng giám sát.
- (4) Tổng giá dịch vụ lưu ký và giám sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.
- (5) Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- (6) Công thức tính giá dịch vụ lưu ký, giám sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ lưu ký, giám sát cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ lưu ký, giám sát tính theo năm x NAV tại ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- (7) Tổng giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Giá dịch vụ lưu ký, giám sát trong tháng được xác định như sau:

Giá dịch vụ lưu ký, giám sát trong tháng = [Tỷ lệ % Giá dịch vụ lưu ký, giám sát tính theo năm x NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x Số ngày lễ thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá/ số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)] + Giá dịch vụ lưu ký, giám sát của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá dịch vụ lưu ký, giám sát tính theo năm x NAV tại ngày định giá cuối tháng x Số ngày thực tế còn lại trong tháng/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)]

3.2.3. Giá dịch vụ quản trị quỹ

- (1) Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ cho Quỹ và được tính trên tỷ lệ phần trăm trên giá trị tài sản ròng của Quỹ.
- (2) Giá dịch vụ quản trị quỹ trả cho ngân hàng giám sát là 0,03% NAV/năm, tối thiểu là 15 triệu đồng/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)) và được thanh toán hàng tháng.
- (3) Số tiền dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.
- (4) Công thức tính giá dịch vụ quản trị quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ cho kỳ định giá = Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ tính theo năm x NAV tại ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

- (5) Tổng giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng. Giá dịch vụ quản trị quỹ trong tháng được xác định như sau:

Giá dịch vụ quản trị quỹ trong tháng = [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ tính theo năm x NAV tại ngày định giá của kỳ đầu tiên trong tháng x số ngày lẻ thực tế từ đầu tháng đến ngày định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366) + Giá dịch vụ quản trị quỹ của các kỳ định giá còn lại trong tháng + [Tỷ lệ % Giá dịch vụ quản trị quỹ tính theo năm x NAV tại ngày định giá cuối tháng x số ngày lẻ thực tế còn lại trong tháng/số ngày thực tế của năm 365 hoặc 366).

3.2.4. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

- (1) Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là mức giá do Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
- (2) Giá dịch vụ cố định hàng tháng là 10.000.000 VNĐ (mười triệu đồng) một tháng (áp dụng cho Quỹ có tần suất giao dịch ≤ 02 phiên/tuần) và được thanh toán định kỳ theo thỏa thuận với đại lý chuyển nhượng. Mức giá trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

3.2.5. Các loại chi phí khác

Các chi phí khác của Quỹ bao gồm:

- (i) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
- (ii) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác.
- (iii) Thù lao, phụ cấp trả cho Ban đại diện quỹ.
- (iv) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản của Quỹ.
- (v) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ.
- (vi) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.
- (vii) Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.
- (viii) Phí nộp cho cơ quan quản lý để xin cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ và giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ.

- (ix) Chi phí môi giới, chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ phải trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba.
- (x) Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật.
- (xi) Các chi phí hợp lý, hợp lệ khác.

4. Các chỉ tiêu hoạt động

Trong thời hạn bốn mươi lăm (45) ngày, kể từ ngày kết thúc quý II và quý IV hàng năm, công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin về tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ và tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối sau khi các giá trị này đã được ngân hàng giám sát xác nhận, đảm bảo tính chính xác.

4.1. Tỷ lệ chi phí hoạt động của Quỹ

- (1) Chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm các khoản chi phí sau thuế sau:
 - (i) Chi phí quản lý quỹ trả cho công ty quản lý quỹ.
 - (ii) Chi phí lưu ký tài sản quỹ, chi phí giám sát trả cho ngân hàng giám sát.
 - (iii) Chi phí dịch vụ quản trị quỹ, đại lý chuyển nhượng trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan.
 - (iv) Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.
 - (v) Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác.
 - (vi) Thù lao, phụ cấp trả cho Ban đại diện quỹ.
 - (vii) Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản của Quỹ.
 - (viii) Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính và các tài liệu khác cho nhà đầu tư; chi phí công bố thông tin của quỹ; chi phí tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư, Ban đại diện quỹ.
 - (ix) Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của quỹ và các chi phí khác theo quy định của pháp luật.
 - (x) Chi phí liên quan đến việc chuyển đổi ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ khác.
 - (xi) Phí nộp cho cơ quan quản lý để xin cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ và giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ.
 - (xii) Chi phí môi giới, chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán không bao gồm bất kỳ một loại giá dịch vụ nào khác, kể cả đó là giá dịch vụ phải trả cho dịch vụ khác hoặc giá dịch vụ trả cho bên thứ ba.
- (2) Tỷ lệ chi phí hoạt động được tính theo công thức sau:

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = Tổng chi phí hoạt động của Quỹ x 100%/Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm.

Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm là tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ tính tại các ngày định giá chia cho số ngày định giá chứng chỉ quỹ trong năm.

- (3) Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới 1 năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

Tỷ lệ chi phí hoạt động (%) = (Tổng chi phí hoạt động của quỹ x 365 x 100%)/(Giá trị tài sản ròng trung bình trong kỳ báo cáo x Thời gian quỹ đã hoạt động tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)

4.2. Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ

- (1) Tốc độ vòng quay danh mục của Quỹ được xác định theo công thức sau:

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua vào trong kỳ + Tổng giá trị bán ra trong kỳ) x 100%/(2 x Giá trị tài sản ròng trung bình trong năm)

- (2) Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới 1 năm, tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức sau:

Tốc độ vòng quay danh mục (%) = (Tổng giá trị mua vào trong kỳ + Tổng giá trị bán ra trong kỳ) x 365 x 100%/(2x Giá trị tài sản ròng trong kỳ báo cáo x Thời gian quỹ đã hoạt động tính theo ngày từ thời điểm cấp phép)

5. Phương pháp phân chia lợi nhuận của Quỹ

- (1) Quỹ chỉ được phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư nếu:
- (i) Quỹ đã hoàn thành hoặc có đủ năng lực tài chính để hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - (ii) Quỹ đã trích lập đầy đủ các quỹ theo quy định tại Điều lệ quỹ;
 - (iii) Ngay sau khi trả hết số lợi nhuận đã định, Quỹ vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- (2) Lợi nhuận phân chia được trích từ nguồn lợi nhuận để lại của Quỹ. Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của công ty quản lý quỹ và phải được Đại hội nhà đầu tư hoặc Ban đại diện quỹ (nếu được ủy quyền) chấp thuận.
- (3) Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ.
- (4) Công ty quản lý quỹ phải khấu trừ mọi khoản thuế, giá dịch vụ, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân chia lợi nhuận cho nhà đầu tư.
- (5) Nhà đầu tư có trong danh sách nhà đầu tư tại ngày giao dịch cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày chốt danh sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp nhà đầu tư đã chuyển nhượng số chứng chỉ quỹ của mình trong thời gian

giữa thời điểm ngày chốt danh sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

- (6) Phân chia cổ tức và tái đầu tư cổ tức: Khi Quỹ trả cổ tức bằng tiền, nhà đầu tư có thể chọn nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc chọn tái đầu tư cổ tức để mua thêm chứng chỉ quỹ. Trường hợp nhà đầu tư lựa chọn tái đầu tư cổ tức, lượng cổ tức này sẽ được dùng để mua chứng chỉ quỹ trong ngày giao dịch liền ngay sau ngày trả cổ tức tại mức giá phát hành của ngày giao dịch đó. Nhà đầu tư sẽ không phải trả giá dịch vụ phát hành khi tái đầu tư cổ tức để mua chứng chỉ quỹ.
- (7) Nhà đầu tư cần đăng ký rõ lựa chọn của mình trong Phiếu đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ mở theo mẫu tại Phụ lục 2 Bản cáo bạch này. Trường hợp nhà đầu tư không nêu rõ lựa chọn, lựa chọn tái đầu tư cổ tức sẽ được công ty quản lý quỹ tự động áp dụng.
- (8) Sau khi phân chia lợi nhuận, công ty quản lý quỹ phải gửi cho nhà đầu tư báo cáo tổng kết việc phân chia lợi nhuận quỹ, bao gồm các nội dung sau:
 - (i) Hình thức phân chia lợi nhuận (bằng tiền hoặc bằng chứng chỉ quỹ);
 - (ii) Tổng lợi nhuận trong kỳ và lợi nhuận tích lũy, chi tiết từng hạng mục lợi nhuận; Giá trị lợi nhuận được phân chia, số lượng chứng chỉ quỹ phát hành để phân chia (trong trường hợp chia lợi nhuận bằng chứng chỉ quỹ);
 - (iii) Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ trước khi phân chia lợi nhuận và sau khi phân chia lợi nhuận; Các ảnh hưởng tác động tới giá trị tài sản ròng của Quỹ sau khi phân chia.

6. Chính sách thuế

Nhà đầu tư trong quá trình mua/bán chứng chỉ quỹ có thể phát sinh các nghĩa vụ thuế phải trả theo quy định của pháp luật. Các nghĩa vụ thuế liên quan trực tiếp đến nhà đầu tư không được phản ánh trong kết quả hoạt động chung của Quỹ TCGF.

7. Dự báo kết quả hoạt động của Quỹ

Các dự báo, ước đoán về tình hình kinh tế vĩ mô và thị trường chứng khoán trong Bản cáo bạch này không hàm ý đảm bảo về kết quả hoạt động trong tương lai của Quỹ.

8. Thời gian và địa điểm cung cấp báo cáo hoạt động của Quỹ

Báo cáo hoạt động quỹ được thực hiện định kỳ theo quy định của pháp luật và được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ tại địa chỉ <http://tcam.com.vn>.

XII. XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Để hạn chế những xung đột lợi ích giữa giữa Quỹ TCGF và các quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của công ty quản lý quỹ và giữa Quỹ và công ty quản lý quỹ:

- (1) Công ty quản lý quỹ có nghĩa vụ:
 - (i) Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý;

- (ii) Tách biệt tài sản của công ty quản lý quỹ với tài sản của các quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các quỹ do công ty quản lý quỹ quản lý.
- (2) Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Giám đốc, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ quỹ và pháp luật hiện hành.
- (3) Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong công ty quản lý quỹ.

XIII. CUNG CẤP THÔNG TIN CHO NHÀ ĐẦU TƯ, CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

- (1) Việc công bố thông tin thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây:
 - (i) Trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối;
 - (ii) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
 - (iii) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật.
- (2) Công ty quản lý quỹ công bố thông tin định kỳ của Quỹ bao gồm:
 - (i) Báo cáo tài chính
Công ty quản lý quỹ phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét và báo cáo tài chính quý của Quỹ.
 - (ii) Báo cáo hoạt động đầu tư
Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải báo cáo và công bố định kỳ hằng tháng, quý, năm các báo cáo hoạt động đầu tư của Quỹ theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
 - (iii) Báo cáo giá trị tài sản ròng
Công ty quản lý quỹ phải công bố báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ định kỳ hằng tuần và công bố giá trị tài sản ròng của Quỹ tại ngày làm việc tiếp theo của ngày định giá theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
 - (iv) Báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ
Công ty quản lý quỹ phải công bố định kỳ báo cáo tổng kết hoạt động quản lý quỹ của quỹ đại chúng bán niên và hằng năm theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

- (3) Công ty quản lý quỹ phải công bố thông tin liên quan tới Đại hội nhà đầu tư của Quỹ theo quy định pháp luật.
- (4) Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán phải công bố các thông tin bất thường về Quỹ theo quy định pháp luật về hướng dẫn hoạt động và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- (5) Công ty quản lý quỹ phải công bố hoặc cung cấp cho nhà đầu tư các báo cáo định kỳ về hoạt động của Quỹ, Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt. Các tài liệu này phải được cung cấp miễn phí cho nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ, hoặc gửi trực tiếp qua thư điện tử cho nhà đầu tư hoặc gửi qua đường bưu điện.
- (6) Trường hợp nhà đầu tư có yêu cầu, công ty quản lý quỹ phải cung cấp quy trình quản trị rủi ro, nêu rõ các hạn chế đầu tư, phương pháp phòng ngừa và quản lý rủi ro sử dụng để quản lý tài sản của Quỹ.

XIV. ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC GIẢI ĐÁP THẮC MẮC CHO CÁC NHÀ ĐẦU TƯ

Mọi yêu cầu hỗ trợ của nhà đầu tư sẽ được giải quyết tại văn phòng của Công ty TNHH Quản lý quỹ Thành Công hoặc các đại lý phân phối trong giờ làm việc.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công sẵn sàng giải đáp mọi thắc mắc của nhà đầu tư qua số điện thoại (028) 3827 0528, hoặc gửi email tới địa chỉ info@tcam.com.vn.

XV. CAM KẾT

Công ty quản lý Quỹ cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin và các tài liệu đính kèm trong Bản cáo bạch này.

XVI. PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

- Phụ lục 1. Quy trình và các hướng dẫn đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ.
- Phụ lục 2. Các biểu mẫu giao dịch chứng chỉ quỹ.
- Phụ lục 3. Phương pháp xác định giá trị tài sản.
- Phụ lục 4. Dự thảo Điều lệ quỹ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 06 năm 2026

**CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ
THÀNH CÔNG**

**ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN
HÀNG GIÁM SÁT**



**NGUYỄN ĐÔNG HẢI
TỔNG GIÁM ĐỐC**



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Minh Châu

PHỤ LỤC 1

QUY TRÌNH VÀ CÁC HƯỚNG DẪN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

1. Mở/đóng tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ

1.1. Mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư phải mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở để thực giao dịch chứng chỉ quỹ. Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ được mở tại các đại lý phân phối được công bố và cập nhật trong Bản cáo bạch của Quỹ.

Hồ sơ đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở (sau đây gọi tắt là “Hồ sơ đăng ký”) bao gồm:

Đối với nhà đầu tư cá nhân:

- (1) Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở theo mẫu tại Phụ lục 2 của Bản cáo bạch.
- (2) Bản sao hợp lệ:
 - (i) Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu;
 - (ii) Giấy xác nhận mã số giao dịch chứng khoán từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với nhà đầu tư nước ngoài);
 - (iii) Giấy xác nhận từ ngân hàng thương mại về việc mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (đối với nhà đầu tư nước ngoài);
- (3) Hợp đồng uỷ quyền có công chứng hoặc Giấy uỷ quyền có xác nhận của chính quyền địa phương (đối với trường hợp nhà đầu tư có người uỷ quyền hợp pháp).
- (4) Các loại giấy tờ khác (nếu có) như: bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được uỷ quyền.
- (5) Các biểu mẫu liên quan đến FATCA.

Đối với nhà đầu tư tổ chức:

- (1) Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở theo mẫu tại Phụ lục 2 của Bản cáo bạch.
- (2) Bản sao hợp lệ:
 - (i) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động và các bản điều chỉnh (nếu có);
 - (ii) Giấy xác nhận mã số giao dịch chứng khoán từ Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (đối với nhà đầu tư nước ngoài);
 - (iii) Giấy xác nhận từ ngân hàng thương mại về việc mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (đối với nhà đầu tư nước ngoài);
- (3) Bản chính Giấy uỷ quyền chỉ định người tham gia ký kết và giao dịch trên tài khoản tại đại lý phân phối.

- (4) Các loại giấy tờ khác (nếu có) như: bản sao hợp lệ Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu của người được uỷ quyền, người đại diện.
- (5) Các biểu mẫu liên quan đến FATCA.

Quy trình mở tài khoản thực hiện như sau:

- (1) Nhà đầu tư hoàn thiện Hồ sơ đăng ký mở tài khoản và gửi cho đại lý phân phối.
Tất cả các Giấy đăng ký phải được ký đầy đủ và đóng dấu (nếu có áp dụng).
Nhà đầu tư nên lưu lại 01 bản Giấy đăng ký và cập nhật các thông tin cung cấp trong Phiếu đăng ký cho công ty quản lý quỹ thông qua đại lý phân phối mà nhà đầu tư mở tài khoản. Thông tin này sẽ được lưu lại trong Sổ đăng ký của Quỹ và luôn chứa đựng thông tin về địa chỉ hiện tại, địa chỉ thư điện tử, nơi đăng ký thuế, chi tiết tài khoản của từng nhà đầu tư nhằm đảm bảo nhà đầu tư nhận được đầy đủ các thông báo, báo cáo và thanh toán liên quan đến Quỹ.
Nhà đầu tư có thể mở nhiều tài khoản tại các đại lý phân phối khác nhau để giao dịch chứng chỉ quỹ. Các tài khoản tại các đại lý phân phối khác nhau của cùng một nhà đầu tư được quản lý độc lập.
- (2) Đại lý phân phối kiểm tra tính chính xác và đầy đủ của Hồ sơ đăng ký theo quy định tại Điều lệ quỹ và pháp luật có liên quan. Nếu Hồ sơ đăng ký đáp ứng yêu cầu, đại lý phân phối chuyển thông tin về Hồ sơ đăng ký cho đại lý chuyển nhượng để thực hiện mở tài khoản.
Công ty quản lý quỹ/Đại lý phân phối có quyền từ chối các hồ sơ không đầy đủ thông tin hoặc không tìm được cách giải quyết cho các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý hồ sơ.
- (3) Trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Hồ sơ đăng ký đầy đủ, hợp lệ, đại lý phân phối thông báo cho nhà đầu tư các thông tin về tài khoản đã được mở.

1.2. Đóng tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ

Tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở của nhà đầu tư sẽ bị đóng trong các trường hợp sau:

- (1) Nhà đầu tư yêu cầu đóng tài khoản và trên tài khoản giao dịch không còn chứng chỉ quỹ.
- (2) Nhà đầu tư yêu cầu thay đổi thông tin tài khoản theo đó chuyển toàn bộ số chứng chỉ quỹ mở mà mình sở hữu từ tài khoản giao dịch tại đại lý phân phối này sang tài khoản giao dịch mở tại đại lý phân phối khác.

2. Đăng ký mua chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành lần đầu (IPO)

Bước 1: Đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở tại đại lý phân phối và cung cấp các giấy tờ cần thiết theo hướng dẫn của đại lý phân phối.

Bước 2: Chuyển tiền mua chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư/người được nhà đầu tư uỷ quyền thực hiện thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát theo thông tin sau:

Tên tài khoản:	Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công
Số tài khoản:	[Theo số tài khoản được đại lý phân phối thông báo]
Tên ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Số tiền:	[Số tiền đăng ký mua]
Nội dung:	[Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở]_[Tên đầy đủ của nhà đầu tư]_mua TCGF

Nhà đầu tư lưu ý:

- Thanh toán tiền mua bằng tiền đồng Việt Nam.
- Số tiền đăng ký mua tối thiểu là 100.000 VNĐ (một trăm nghìn đồng).

Bước 3: Đặt mua chứng chỉ quỹ (Cho đợt IPO)

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin vào “Giấy đăng ký mua chứng chỉ quỹ mở” (số tiền mua là bội số của 10.000 đồng và tối thiểu là 100.000 đồng) với ngày giao dịch để trống và nộp cho đại lý phân phối.

Bước 4: Kiểm tra thông tin

Đại lý phân phối tiến hành kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của “Giấy đăng ký mua chứng chỉ quỹ mở” và có thể yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hoặc điều chỉnh thông tin theo đúng quy định.

Bước 5: Chuyển thông tin giao dịch

Đại lý phân phối chuyển thông tin về giao dịch mua chứng chỉ quỹ cho đại lý chuyển nhượng.

Bước 6: Xác nhận kết quả giao dịch

Đại lý chuyển nhượng tổng hợp lệnh mua và phân bổ chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư đối với các lệnh hợp lệ. Kết quả giao dịch sẽ được thông báo đến nhà đầu tư vòng năm (05) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ có hiệu lực.

3. Đăng ký giao dịch chứng chỉ quỹ trong các lần giao dịch tiếp theo

Bước 1: Đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở tại đại lý phân phối và cung cấp các giấy tờ cần thiết theo hướng dẫn của đại lý phân phối.

Bước 2: Chuyển tiền mua chứng chỉ quỹ (đối với lệnh mua chứng chỉ quỹ)

Nhà đầu tư/người được nhà đầu tư uỷ quyền thực hiện thanh toán tiền mua chứng chỉ quỹ bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp đến tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát theo thông tin sau:

Tên tài khoản:	Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công
----------------	-----------------------------------

Số tài khoản: [Theo số tài khoản được đại lý phân phối thông báo]
Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa
Số tiền: [Số tiền đăng ký mua]
Nội dung: [Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở]_[Tên đầy đủ của nhà đầu tư]_mua TCGF

Nhà đầu tư lưu ý:

- Thanh toán tiền mua bằng tiền đồng Việt Nam.
- Số tiền đăng ký mua tối thiểu là 100.000 VND (một trăm nghìn đồng).

Bước 3: Đăng ký giao dịch

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin lệnh mua/bán/chuyển đổi/chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, hủy lệnh, thay đổi thông tin bằng cách điền vào các Giấy đăng ký tương ứng theo mẫu tại Phụ lục 2 của Bản cáo bạch này và nộp cho đại lý phân phối.

Nhà đầu tư lưu ý:

- Giá trị mua tối thiểu là một trăm nghìn (100.000) đồng.
- Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký bán tối thiểu là mười (10) đơn vị quỹ.
- Số lượng chứng chỉ quỹ đăng ký chuyển đổi tối thiểu là mười (10) đơn vị quỹ.
- Các lệnh giao dịch phải được gửi tới đại lý phân phối trước thời điểm đóng sổ lệnh là 14h45 ngày (T-1) để được giao dịch vào ngày T.
- Nhà đầu tư chỉ được phép hủy lệnh giao dịch chứng chỉ quỹ trước thời điểm đóng sổ lệnh là 14h45 ngày (T-1). Việc hủy lệnh phải được thực hiện tại các đại lý phân phối mà nhà đầu tư đã đăng ký giao dịch.

Bước 4: Kiểm tra thông tin

Đại lý phân phối tiến hành kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của Giấy đăng ký giao dịch và có thể yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hoặc điều chỉnh thông tin theo đúng quy định.

Bước 5: Chuyển thông tin giao dịch

Đại lý phân phối chuyển thông tin về giao dịch mua chứng chỉ quỹ cho đại lý chuyển nhượng.

Bước 6: Xác nhận kết quả giao dịch

Đại lý chuyển nhượng tổng hợp lệnh giao dịch và phân bổ chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư đối với các lệnh hợp lệ. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+2), đại lý chuyển nhượng của Quỹ sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư vào sổ chính và nhà đầu tư sẽ nhận được bản xác nhận giao dịch.

Bước 7: Thời hạn thanh toán cho nhà đầu tư (đối với lệnh bán chứng chỉ quỹ)

Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ, tiền bán chứng chỉ quỹ sẽ được thanh toán trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của nhà đầu tư, đại lý ký danh đã đăng ký hoặc tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định sau khi có kết quả giao dịch chứng chỉ quỹ.

Trường hợp tiền bán chứng chỉ quỹ được thanh toán vào tài khoản ngân hàng do nhà đầu tư chỉ định, nhà đầu tư cần thực hiện đăng ký thông tin với đại lý phân phối nơi nhà đầu tư đăng ký giao dịch trước thời điểm chốt sổ lệnh tối thiểu một (01) ngày làm việc.

4. Tham gia Chương trình Đầu tư định kỳ (SIP)

4.1. Đăng ký tham gia Chương trình Đầu tư định kỳ (SIP)

Bước 1: Đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ

Nhà đầu tư đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở tại đại lý phân phối và cung cấp các giấy tờ cần thiết theo hướng dẫn của đại lý phân phối.

Bước 2: Chuyển tiền đầu tư định kỳ

Nhà đầu tư thực hiện chuyển khoản tiền đầu tư định kỳ đến tài khoản của Quỹ tại ngân hàng giám sát theo thông tin sau:

Tên tài khoản: Quỹ đầu tư Tăng trưởng Thành Công

Số tài khoản: [Theo số tài khoản được đại lý phân phối thông báo]

Tên ngân hàng: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Kỳ Khởi Nghĩa

Số tiền: [Số tiền đăng ký mua]

Nội dung: [Số tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở]_[Tên đầy đủ của nhà đầu tư]_mua TCGFSIPFix/TCGFSIPFlex

Thông tin cần lưu ý:

➤ Đối với chương trình đầu tư định kỳ cố định (SIP-Fix):

Tần suất tham gia	Hàng tháng hoặc hàng quý
Giá trị đầu tư tối thiểu	Tối thiểu 100.000 VND/tháng hoặc 300.000 VND/quý
Thời gian đầu tư tối thiểu	Tối thiểu 12 kỳ thanh toán liên tục đối với SIP tháng hoặc 4 kỳ liên tục đối với SIP quý
Thời hạn nhận tiền mua CCQ	Ngày mùng mười hàng tháng (đối với SIP tháng) hoặc ngày mùng mười tháng Một, tháng Tư, tháng Bảy và tháng Mười (đối với SIP quý). Nếu ngày mùng mười rơi vào kỳ nghỉ lễ thì thời hạn nhận tiền sẽ là ngày làm việc liền trước ngày mùng mười (đối với SIP tháng) hoặc ngày làm việc liền trước ngày mùng mười tháng Một, tháng Tư, tháng Bảy và tháng Mười (đối với SIP quý).

Ngày thực hiện giao dịch	Là ngày Giao dịch gần nhất sau ngày mùng mười hàng tháng (đối với SIP tháng) hoặc sau ngày mùng mười tháng Một, tháng Tư, tháng Bảy hoặc tháng Mười (đối với SIP quý)
---------------------------------	---

➤ **Đối với chương trình đầu tư định kỳ linh hoạt (SIP-Flex):**

Tần suất tham gia	Hàng tháng
Giá trị đầu tư tối thiểu	Tối thiểu 100.000 VND/tháng và không yêu cầu cố định số tiền tham gia qua các kỳ. Nhà đầu tư có thể tham gia số tiền bất kỳ lớn hơn hoặc bằng số tiền tham gia tối thiểu, số tiền này có thể thay đổi theo kỳ tham gia của nhà đầu tư.
Thời gian đầu tư tối thiểu	Không giới hạn thời gian duy trì tối thiểu.
Thời hạn nhận tiền mua CCQ	Bất kỳ ngày làm việc nào trong tháng.
Ngày thực hiện giao dịch	Là ngày giao dịch gần nhất sau ngày Quỹ nhận được tiền giao dịch hợp lệ thanh toán mua SIP-Flex của nhà đầu tư (như vậy, kỳ giao dịch nào cũng có thể là kỳ SIP-Flex).

Bước 3: Đăng ký tham gia chương trình

Nhà đầu tư điền đầy đủ thông tin thông tin vào “Giấy đăng ký Chương trình đầu tư định kỳ” và nộp cho đại lý phân phối để đăng ký mua chứng chỉ quỹ cho kỳ giao dịch đầu tiên. Lệnh mua sẽ tự sinh cho các kỳ giao dịch tiếp theo, nhà đầu tư không phải đặt lại lệnh.

Bước 4: Kiểm tra thông tin

Đại lý phân phối tiến hành kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của Giấy đăng ký và có thể yêu cầu nhà đầu tư bổ sung hoặc điều chỉnh thông tin theo đúng quy định.

Bước 5: Chuyển thông tin giao dịch

Đại lý phân phối chuyển thông tin về giao dịch mua chứng chỉ quỹ cho đại lý chuyển nhượng.

Bước 6: Xác nhận kết quả giao dịch

Đại lý chuyển nhượng tổng hợp lệnh giao dịch và phân bổ chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư đối với các lệnh hợp lệ. Trong thời hạn hai (02) ngày làm việc kể từ ngày giao dịch chứng chỉ quỹ (T+2), đại lý chuyển nhượng của Quỹ sẽ cập nhật đầy đủ thông tin về sở hữu sau giao dịch của nhà đầu tư vào sổ chính và nhà đầu tư sẽ nhận được bản xác nhận giao dịch.

4.2. Chấm dứt tham gia Chương trình Đầu tư định kỳ (SIP)

Nhà đầu tư có thể đề nghị chấm dứt tham gia Chương trình Đầu tư định kỳ tại bất kỳ thời điểm nào trong thời gian tham gia bằng cách điền đầy đủ thông tin vào Giấy đăng ký hủy

giao dịch chứng chỉ quỹ mở theo mẫu tại Phụ lục 2 của Bản cáo bạch này và nộp cho đại lý phân phối.

PHỤ LỤC 2
CÁC BIỂU MẪU GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

STT	Tên biểu mẫu
1	Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở (dành cho nhà đầu tư cá nhân)
2	Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở (dành cho nhà đầu tư tổ chức)
3	Giấy đăng ký mua chứng chỉ quỹ mở
4	Giấy đăng ký bán chứng chỉ quỹ mở
5	Giấy đăng ký chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở
6	Giấy đăng ký huỷ lệnh chứng chỉ quỹ mở
7	Giấy đăng ký chuyển nhượng chứng chỉ quỹ mở
8	Giấy đăng ký Chương trình đầu tư định kỳ
9	Giấy thay đổi thông tin nhà đầu tư
10	Giấy đề nghị đóng tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở

GIẤY ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

OPEN-ENDED FUND ACCOUNT OPENING APPLICATION FORM

(Dành cho Nhà đầu tư cá nhân/For Individual Investor)

Số tài khoản và Số tham chiếu được điền bởi Đại Lý Phân Phối/ Account number and Reference number are filled by Fund Distributor

SỐ TÀI KHOẢN/Account number:

SỐ THAM CHIẾU/Reference number:

I. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/ INVESTOR'S INFORMATION

Nhà đầu tư vui lòng điền đầy đủ thông tin bằng MỰC ĐEN/XANH, ký tên tại chỗ chỉ định và chuyển đơn cho Đại Lý Phân Phối. (Nội dung bắt buộc phải điền)

Please fill this form with BLACK/BLUE INK, sign it at the places indicated and submit the form to your Fund Distributor. (Content must be filled in)

HỌ VÀ TÊN NHÀ ĐẦU TƯ (*)

Full name of Investor

NGÀY THÁNG NĂM SINH (*)

Date of birth (dd/mm/yyyy)

GIỚI TÍNH (*)

Gender

☐

Nam
Male

☐

Nữ
Female

QUỐC TỊCH (*)

Nationality

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU (*)

ID/Passport

NGÀY CẤP (*)

Issuing date

NƠI CẤP (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố) (*)

Issuing place (Country, Province/City)

ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ (*)

Residential address

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC (*)

Mailing address

ĐIỆN THOẠI CỐ ĐỊNH

Landline phone

ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG (*)

Mobile phone

ĐỊA CHỈ EMAIL (*)

Email address

MÃ SỐ THUẾ

Vietnamese Tax ID

2. DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI/ FOR FOREIGN INVESTOR

SỐ THỊ THỰC NHẬP CẢNH

Visa number

MÃ SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN (*)

Securities trading code

ĐỊA CHỈ TẠM TRÚ TẠI VIỆT NAM TRONG TRƯỜNG HỢP NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ TẠI VIỆT NAM (*)
Temporary residential registration address in Vietnam for foreign residing in Vietnam

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC TẠI NƯỚC NGOÀI (Trong vòng 6 tháng trước khi vào Việt Nam) (*)
Mailing address overseas (Within 6 months before arriving in Vietnam)

3. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU ĐẦU TƯ/ INVESTMENT INFORMATION

Thời gian đầu tư dự kiến Expecting investment term	☐ Dưới 12 tháng Below 12 months	☐ Từ 12 - 24 tháng From 12 - 24 months	☐ Trên 24 tháng 24 months and above	
Mức độ chấp nhận rủi ro Risk tolerance	☐ Cao High	☐ Trung bình Average	☐ Vừa phải Below average	☐ Thấp Low
Kinh nghiệm trong đầu tư chứng khoán Experience in stock investment	☐ Trên 5 năm 5 years and above	☐ Từ 1 – 5 năm From 1 – 5 years	☐ Dưới 1 năm Below 1 years	☐ Chưa có kinh nghiệm No experience

4. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN GIAO DỊCH/ AUTHORIZED PERSON FOR TRADING

HỌ VÀ TÊN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
Full name of authorized person

QUỐC TỊCH
Nationality

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU
ID/Passport number

NGÀY CẤP
Issuing date

NƠI CẤP
Issuing place

ĐIỆN THOẠI LIÊN LẠC
Phone number

ĐỊA CHỈ EMAIL
Email address

ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG
Telephone

5. THÔNG TIN TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG NHẬN TIỀN BÁN CHỨNG CHỈ QUÝ, CỔ TỨC (*) *BANK ACCOUNT DETAIL FOR RECEIVING SALES PROCEEDS/DIVIDEND (*)*

TÊN CHỦ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG
Bank account holder

SỐ TÀI KHOẢN
Bank account number

TẠI NGÂN HÀNG
Bank name

CHI NHÁNH
Branch

Lưu ý
Note

Tên chủ tài khoản ngân hàng phải giống với tên Nhà đầu tư đã đăng ký ở phần (I)
Bank account holder must be the same as Investor's name registered under section (I)

6. NGƯỜI ĐƯỢC HƯỞNG LỢI (NEU CÓ)/ BENEFICIARY (IF ANY)

Người được hưởng lợi là tổ chức, cá nhân không đứng danh chủ sở hữu tài sản nhưng có đầy đủ quyền sở hữu đối với tài sản đó.
The economic beneficiary is an institutional or individual whose name is not registered as owner of assets, but such assets are totally under their ownership.

Đề nghị cung cấp thông tin về những người thụ hưởng lợi ích kinh tế cuối cùng của khoản đầu tư.

Kindly please provide details of the ultimate economic beneficiary of the investment.

HỌ VÀ TÊN/ TÊN TỔ CHỨC

Full name/ Name of institutional

QUỐC TỊCH

Nationality

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN

ID/Passport/Business license no.

NGÀY CẤP

Issuing date

NƠI CẤP

Issuing place

NGÀY THÁNG NĂM SINH (*)

Date of birth (dd/mm/yyyy)

GIỚI TÍNH

Gender

☐

Nam
Male

☐

Nữ
Female

ĐIỆN THOẠI LIÊN LẠC

Phone number

ĐỊA CHỈ EMAIL

Email address

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC/TRỤ SỞ

Mailing address/Head office

ĐỊA CHỈ TẠM TRÚ TẠI VIỆT NAM TRONG TRƯỜNG HỢP NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ TẠI VIỆT NAM

Temporary residential registration address in Vietnam for foreign residing in Vietnam

7. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOA KỲ (CHO MỤC ĐÍCH TUÂN THỦ FATCA⁽¹⁾) (*)

INFORMATION RELATED TO UNITED STATES (FOR FATCA COMPLIANCE⁽¹⁾) (*)

Nhà đầu tư có trách nhiệm tự xác định tình trạng FATCA của mình, ĐLPP không trực tiếp giúp khách hàng khai về tình trạng FATCA
Investor is responsible for determining his/her own FATCA status, Distributor does not advise what Investor's FATCA status is or should be

- ☐ (a) Nhà đầu tư là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ (2) Hoặc là đối tượng phải khai thuế tại Hoa Kỳ
Investor is a United States (US) citizen, resident (2), or taxpayer under the US law
- ☐ (b) Nhà đầu tư không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú hoặc người đóng thuế theo luật Hoa Kỳ và có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ (3)
Investor is a non-US citizens or resident or taxpayer under the US law and Investor has indicia of US status (3).
- ☐ (c) Nhà đầu tư không phải là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú hoặc người đóng thuế theo luật Hoa Kỳ và không có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ
Investor is a non-US citizen or resident or taxpayer under the US law and Investor doesn't have indicia of US status.

(1) FATCA: Đạo luật tuân thủ thuế đối với tài khoản nước ngoài/ Foreign Account Tax Compliance Act

(2) Là công dân Hoa Kỳ hoặc đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ: Đối tượng cư trú tại Hoa Kỳ bao gồm đối tượng có thẻ xanh hoặc người lưu trú tại Hoa Kỳ ít nhất 31 ngày trong năm hiện tại và 183 ngày trong giai đoạn 3 năm bao gồm năm hiện tại và 2 năm liền trước đó.

A US resident includes either a permanent resident card ("green card") holder or someone who was physically present in the US for least 31 days during the current year and 183 days during the 3-year period that includes the current year and two previous years.

(3) Có dấu hiệu nhận biết Hoa Kỳ: Nhà đầu tư có một trong các dấu hiệu sau: nơi sinh tại Hoa Kỳ, địa chỉ nhận thư hoặc địa chỉ thường trú tại Hoa Kỳ, số điện thoại liên lạc tại Hoa Kỳ, có định kỳ chuyển khoản vào một/các tài khoản tại Hoa Kỳ hay định kỳ nhận tiền từ một/các tài khoản mở tại Hoa Kỳ, có ủy quyền còn hiệu lực của cho một đối tượng có địa chỉ tại Hoa Kỳ, có địa chỉ nhận thư hộ hoặc giữ thư tại Hoa Kỳ.

Indicia of US status include one of the following indications: US birthplace; US residence address or US correspondence address; telephone number; Standing instructions to transfer funds or receive funds from (an) account(s) maintained in the US; A Power of Attorney or signatory authority granted to a person with a US address; An "in care of" address or "hold mail" address in US.

Trong điều kiện Nhà đầu tư tích chọn (a) hoặc (b): Nhà đầu tư cam kết cung cấp toàn bộ tài liệu FATCA bao gồm mẫu đơn W9 hoặc W-8BEN và/hoặc các tài liệu chứng minh theo yêu cầu của ĐLPP trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản. Trường hợp

Nhà đầu tư từ chối không trả lời và/hoặc không cung cấp tài liệu FATCA trong vòng 90 ngày cho ĐLPP thì tài khoản của Nhà đầu tư n. được phân loại là “Tài khoản chống đối” theo quy định của FATCA.

Investor chooses (a) or (b). Investor assures to complete FATCA documentations included Form W9 or W-8BEN and/or other documentation required by Distributor within 90 days of signing Account Opening Form. If the Investor refuses to complete the above-mentioned question and does not send the completed forms to Distributor within 90 days, the Investor's account will be classified as "Recalcitrant" according to FATCA.

Cho mục đích tuân thủ các yêu cầu về rà soát khách hàng của FATCA, Nhà Đầu Tư, theo đây, đồng ý cho ĐLPP truy cập và báo cáo thông tin về các tài khoản của Khách hàng cho Sở thuế vụ Hoa Kỳ (IRS) hoặc cơ quan có thẩm quyền, thực hiện khấu trừ thuế theo yêu cầu đối với Tổ chức tài chính tuân thủ FATCA

For purpose of compliance FATCA, Investor, hereby, grants full permission to Distributor to access and report Investor's account information to US Internal Revenue Services (IRS) or to competent authorities as required for foreign financial institutions complying with FATCA.

8. QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL PROVISIONS

1. Cá nhân dưới 18 tuổi không thể mở tài khoản giao dịch Chứng chỉ Quỹ theo quy định pháp luật.

Any person below the age of 18 could not open a trading account by law.

2. Quyết định đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ là quyết định của Nhà đầu tư sau khi đã nhận, đọc và hiểu rõ (các) tài liệu liên quan đến Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế: Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ và Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở này. Nhà Đầu Tư chấp nhận các điều khoản và điều kiện chi tiết trong các tài liệu nêu trên, đặc biệt là các nội dung về mục tiêu, chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro và các loại phí áp dụng cho Quỹ. Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công (“TCAM”), các nhân viên, Tổng Giám đốc, Chủ tịch Công ty và Đại Lý Phân Phối được chỉ định của TCAM sẽ không có trách nhiệm pháp lý liên quan đến quyết định đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.

The decision to invest in Fund Certificate is the Investor's own decision after having received, read, and fully understood the relevant Fund documents including but not limited to the Prospectus, Charter, and this Application. Investor accepts the terms and conditions detailed in the above document, especially the objectives, investment policies, risk factors, and the charges applicable to the Fund. Thanh Cong Asset Management Company Limited (“TCAM”), its officers, CEO, Chairman, and authorized Distributors shall have no liability with respect to the investment decision of Investor.

3. Nhà đầu tư cam kết rằng nguồn tiền đầu tư chứng chỉ quỹ là nguồn tiền hợp pháp, minh bạch và đáp ứng đầy đủ yêu cầu của pháp luật để được dùng vào mục đích đầu tư chứng chỉ quỹ.

Investor commits that the source of funds invested in the Fund(s) certificates are legally, transparently, and fully compliant with the requirements of law to be used for the purpose of investing in the fund certificate.

4. Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở này cần được sự chấp thuận của TCAM hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ của Quỹ.

This open-ended Account Opening Fund Application Form is subject to acceptance by TCAM or the service providers of the Fund.

5. Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở này có thể sửa đổi, bổ sung theo thời gian bởi TCAM mà không cần nêu lý do.

This open-ended Account Opening Fund Application Form may be amended, revised from time to time by TCAM without giving reasons.

6. Nhà Đầu Tư phải cung cấp tất cả các thông tin có trong Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản đúng sự thật và chính xác, đồng thời cập nhật hoặc thay đổi về thông tin tổ chức hay thông tin cá nhân trong thời gian sớm nhất. Trong trường hợp Nhà Đầu Tư không cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ nêu trên, TCAM có quyền từ chối cung cấp dịch vụ đăng ký, mua lại, chuyển đổi hoặc mua/bán Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu Tư sẽ phải bồi thường cho TCAM hoặc bất kỳ đại diện của TCAM hoặc nhân viên của TCAM đối với bất kỳ tổn thất, thiệt hại hoặc các chi phí mà họ có thể gánh chịu do thông tin sai hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin không đầy đủ.

Investor must provide true and exact information in the Open-ended Account Opening Application Form and update any changes of personal data as soon as possible. If Investor fails to supply such information to complete these above services, TCAM could reject to provide the application, subscription, redemption, switches, or sales services. The Investor must indemnify TCAM or any other entity of TCAM or any employees of TCAM for any damage, loss or other expenses that may incur in consequence of any wrong or misleading statement or omission.

7. Việc TCAM và các tổ chức cung cấp dịch vụ chấp nhận và xử lý lệnh mua, lệnh bán, chuyển đổi, hủy (trừ Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản) thực hiện bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác mà không có xác nhận bằng văn bản sau đó vẫn được coi là hợp lệ. TCAM và các tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh trong quá trình thực hiện theo lệnh bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác.

The acceptance and processing of subscription, redemption, switches, by TCAM and service providers (except for the Open-ended Fund Account Opening Application Form) if made by facsimile and/or electronic instructions without subsequent written confirmation shall be duly authorized.

TCAM and the relevant service providers shall not be held liable for any loss caused during the processing of facsimile and/or electronic instructions.

8. TCAM có quyền từ chối mở tài khoản, các Lệnh phát hành, mua lại, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ.

TCAM has the right to reject the Open-ended fund account opening application forms; as well as subscription/redemption/switching orders Investors as required by law and the Prospectus, Fund Charter.

9. TCAM, Ngân Hàng Giám Sát, Ngân Hàng Lưu Ký, Đại Lý Chuyển Nhượng, và các tổ chức cung cấp dịch vụ có quyền sử dụng, lưu giữ, tiết lộ, chuyển, soạn, kết hợp, lấy và/hoặc trao đổi (bất kể trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam) các thông tin liên quan đến Nhà Đầu Tư hoặc do Nhà Đầu Tư cung cấp trực tiếp hay gián tiếp mà TCAM, Ngân Hàng Giám Sát, Ngân Hàng Lưu Ký hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ khác xét thấy là cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ phục vụ Nhà Đầu Tư nhưng không vì đạt được các lợi thế hoặc lợi ích thương mại cho bản thân mình ngoài những gì thu được từ các dịch vụ có liên quan hoặc theo yêu cầu của luật áp dụng hoặc để tuân thủ và thực hiện các yêu cầu của chính quyền, quy tắc, hướng dẫn, tiêu chuẩn thị trường, thông lệ hoặc văn bản thỏa thuận với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như cơ quan hành pháp, tư pháp, thuế vụ hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác của các quốc gia, vùng lãnh thổ khác. Bên thứ ba nhận thông tin đó có thể phải tiết lộ thông tin theo yêu cầu luật áp dụng. Tất cả các thông tin sẽ được nỗ lực bảo vệ ở mức độ hợp lý tránh việc bị xâm nhập hoặc tiết lộ trái phép.

TCAM, Custodian Bank, Supervisory Bank, Transfer Agent, and service providers are authorized to use, store, disclose, transfer, compile, maintain and/or exchange (whether within or outside Vietnam) all information pertaining to, or directly or indirectly provided by the Investor as to TCAM, Custodian Bank, Supervisory Bank or other related service providers may consider necessary to provide the services to Investor, but not to procure any commercial advantage or benefit for themselves other than what gained from the relevant services, or requirement by applicable laws or to comply with and implement of the requirements, regulations, orders, guidelines, codes, market standard, good practices and requests or agreements with public, judicial, taxation, governmental and other relevant authorities in other sovereignty state and territory. Third-party recipients may have to disclose information if required by the applicable laws. All information shall be protected at a reasonable level of protection against any unauthorized access or illegal disclosure.

10. Nhà Đầu Tư cam kết đã đọc, hiểu, đồng ý và sẽ thực hiện đúng các nội dung tại Điều Lệ, Bản Cáo Bạch, và Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở, cam kết chịu trách nhiệm với tất cả các thông tin đã được đưa ra trong Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản và tất cả các tài liệu cung cấp kèm theo.

Investor undertakes that the Investor has fully read, understood, and agreed and shall comply with the Charter, Prospectus and Open-ended Fund Account Opening Application Form. Investor is responsible for all information given in this Application Form and all documents provided support this Application Form.

NHÀ ĐẦU TƯ

Investor

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature with full name)

ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Representative of Fund Management Company

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, full name, and stamp)

Ngày (Date).....tháng (month).....năm (year).....

Ngày (Date).....tháng (month).....năm (year).....

CHỮ KÝ MẪU CỦA NHÀ ĐẦU TƯ <i>Specimen signature of the Investor</i>		CHỮ KÝ MẪU CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN GIAO DỊCH <i>Specimen signature of the authorized person for trading</i>	
Chữ ký 1 (<i>1st signature</i>)	Chữ ký 2 (<i>2nd signature</i>)	Chữ ký 1 (<i>1st signature</i>)	Chữ ký 2 (<i>2nd signature</i>)

9. THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI *FOR DISTRIBUTOR ONLY*

1. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI <i>Distributor</i>	TÊN ĐẠI LÝ <i>Distributor's name</i>	
	MÃ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI <i>Distributor code</i>	
	SỐ ĐKDN/ GIẤY PHÉP THÀNH LẬP <i>Business license/ Establishment license number</i>	
	NGÀY CẤP <i>Issuing date</i>	
	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH <i>Head office</i>	
2. ĐỊA ĐIỂM PHÂN PHỐI <i>Distribution location</i>	ĐIỆN THOẠI <i>Phone</i>	WEBSITE <i>Website</i>
	ĐỊA CHỈ ĐỊA ĐIỂM PHÂN PHỐI <i>Distribution location</i>	
	ĐIỆN THOẠI <i>Phone</i>	FAX <i>Fax</i>
3. NHÂN VIÊN PHÂN PHỐI <i>Distributor Staff</i>	HỌ TÊN NHÂN VIÊN <i>Staff's full name</i>	
	MÃ NHÂN VIÊN <i>Staff's code</i>	
	SỐ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ <i>Practitioner's certificate no.</i>	NGÀY CẤP <i>Issuing Date</i>
	ĐIỆN THOẠI LIÊN LẠC <i>Phone number</i>	THƯ ĐIỆN TỬ <i>Email</i>

CHỮ KÝ/ Signature		
NHÂN VIÊN GIAO DỊCH <i>Receiver</i> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> <i>(Signature with full name)</i>	KIỂM SOÁT <i>Supervisor</i> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> <i>(Signature with full name)</i>	ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI <i>Authorized representative of Distributor</i> <i>(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)</i> <i>(Signature, full name and stamp)</i>

10. CÁC HỒ SƠ CẦN CUNG CẤP/ *REQUIRED DOCUMENTS*

- Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở/ *Open-ended Fund Account Opening Application Form*
- Hợp đồng ủy quyền có công chứng (nếu có)/ *Certified Copy of Letter of Attorney (if applicable)*
- Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/hộ chiếu Nhà Đầu Tư và người được ủy quyền (nếu có)/ *Certified copy of ID card/ Passport of Investor or authorized person (if applicable)*
- Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IICA) (dành cho Nhà Đầu Tư nước ngoài) (nếu có)/ *The Bank confirmation on opening the Indirect Investment Capital Account (IICA) (for foreign Investors only) (if applicable)*

5. Giấy xác nhận Mã số Giao dịch từ Trung Tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam (dành cho Nhà đầu tư nước ngoài)/ *Confirmation of securities trading code (STC) from Vietnam Securities Depository (VSD) (for foreign Investors only)*
6. Các mẫu đơn FATCA (nếu có): ví dụ Mẫu khai báo thuế Mỹ:
Mẫu FATCA cho cá nhân: W-8BEN hoặc W9
FATCA forms (if applicable) e.g. US tax declaration forms: W-8BEN or W9

GIẤY ĐĂNG KÝ MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

OPEN-ENDED FUND ACCOUNT OPENING APPLICATION FORM

(Dành cho Nhà đầu tư tổ chức/For Institutional Investor)

Số tài khoản và Số tham chiếu được điền bởi Đại Lý Phân Phối/ Account number and Reference number are filled by Fund Distributor

SỐ TÀI KHOẢN/Account number:

SỐ THAM CHIẾU/Reference number:

1. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR'S INFORMATION

Nhà đầu tư vui lòng điền đầy đủ thông tin bằng MỰC ĐEN/XANH, ký tên tại chỗ chỉ định và chuyển đơn cho Đại Lý Phân Phối. (Nội dung bắt buộc phải điền)

Please fill this form with BLACK/BLUE INK, sign it at the places indicated and submit the form to your Fund Distributor. (Content must be filled in)

TÊN CÔNG TY (*)

Company name

TÊN VIẾT TẮT CÔNG TY

Abbreviated name

TÊN TIẾNG ANH (Nếu có)

Name in English (if any)

MÃ SỐ THUẾ TẠI VN (*)

Vietnamese Tax ID

QUỐC GIA (*)

Nationality

LĨNH VỰC KINH DOANH

Fields of Business

SỐ GIẤY CN ĐKKD (*)

Business registration no

NGÀY CẤP (*)

Issuing date

NƠI CẤP (*)

Issuing place

ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH (*)

Head office address

ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC (*)

Mailing address

ĐIỆN THOẠI (*)

Phone number

FAX

Fax

ĐỊA CHỈ EMAIL (*)

Email address

MÃ SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN (dành cho nhà đầu tư nước ngoài) (*)

Securities trading code (for foreign Investor only)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Legal representative

HỌ VÀ TÊN (*)

Full name

QUỐC TỊCH (*)

Personality

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU (*)
ID/Passport
NGÀY CẤP (*)
Issuing date
NƠI CẤP (*)
Issuing place
NGÀY THÁNG NĂM SINH (*)
Date of birth (dd/mm/yyyy)
GIỚI TÍNH (*)
Gender
☐ **Nam**
Male
☐ **Nữ**
Female
CHỨC VỤ (*)
Position
SỐ QUYẾT ĐỊNH
Decision no.
ĐỊA CHỈ THƯỜNG TRÚ (*)
Residential address
ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC (*)
Mailing address
ĐỊA CHỈ EMAIL (*)
Email address
ĐIỆN THOẠI (*)
Telephone

2. THÔNG TIN VỀ NHU CẦU ĐẦU TƯ/ INVESTMENT INFORMATION

Thời gian đầu tư dự kiến
Expecting investment term
☐ **Dưới 12 tháng**
Below 12 months
☐ **Từ 12 - 24 tháng**
From 12 - 24 months
☐ **Trên 24 tháng**
24 months and above
Mức độ chấp nhận rủi ro
Risk tolerance
☐ **Cao**
High
☐ **Trung bình**
Average
☐ **Vừa phải**
Below average
☐ **Thấp**
Low
Kinh nghiệm trong đầu tư chứng khoán
Experience in stock investment
☐ **Trên 5 năm**
5 years and above
☐ **Từ 1 - 5 năm**
From 1 - 5 years
☐ **Dưới 1 năm**
Below 1 years
☐ **Chưa có kinh nghiệm**
No experience

3. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN GIAO DỊCH/ AUTHORIZED PERSON FOR TRADING

HỌ VÀ TÊN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
Full name of authorized person
QUỐC TỊCH
Nationality
Số CMND/CCCD/HỘ CHIẾU
ID/Passport number
NGÀY CẤP
Issuing date
NƠI CẤP
Issuing place
ĐIỆN THOẠI LIÊN LẠC
Phone number
ĐỊA CHỈ EMAIL
Email address
ĐIỆN THOẠI DI ĐỘNG
Telephone
b.

4. THÔNG TIN TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG NHẬN TIỀN BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ, CỔ TỨC (*) BANK ACCOUNT DETAIL FOR RECEIVING SALES PROCEEDS, DIVIDEND (*)

TÊN CHỦ TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG
Bank account holder

SỐ TÀI KHOẢN
Bank account number
TẠI NGÂN HÀNG
Bank name
CHI NHÁNH
Branch
Lưu ý
Note

Tên chủ tài khoản ngân hàng phải giống với tên Nhà đầu tư đã đăng ký ở phần (I)
Bank account holder must be the same as Investor's name registered under section (I)

5. NGƯỜI ĐƯỢC HƯỞNG LỢI (NẾU CÓ)/ BENEFICIARY (IF ANY)

Người được hưởng lợi là tổ chức, cá nhân không đứng danh chủ sở hữu tài sản nhưng có đầy đủ quyền sở hữu đối với tài sản đó.
The economic beneficiary is an institutional or individual whose name is not registered as owner of assets, but such assets are totally under the ownership.

Đề nghị cung cấp thông tin về những người thụ hưởng lợi ích kinh tế cuối cùng của khoản đầu tư.
Kindly please provide details of the ultimate economic beneficiary of the investment.

HỌ VÀ TÊN/ TÊN TỔ CHỨC
Full name/ Name of institutional
QUỐC TỊCH
Nationality
SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKDN
ID/Passport/Business license no.
NGÀY CẤP
Issuing date
NƠI CẤP
Issuing place
NGÀY THÁNG NĂM SINH (*)
Date of birth (dd/mm/yyyy)
GIỚI TÍNH
Gender
☐ **Nam**
Male
☐ **Nữ**
Female
ĐIỆN THOẠI LIÊN LẠC
Phone number
ĐỊA CHỈ EMAIL
Email address
ĐỊA CHỈ LIÊN LẠC/TRỤ SỞ
Mailing address/Head office
ĐỊA CHỈ TẠM TRÚ TẠI VIỆT NAM TRONG TRƯỜNG HỢP NGƯỜI NƯỚC NGOÀI CƯ TRÚ TẠI VIỆT NAM
Temporary residential registration address in Vietnam for foreign residing in Vietnam
6. THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN HOA KỲ (CHO MỤC ĐÍCH TUÂN THỦ FATCA(1)) (*)
INFORMATION RELATED TO UNITED STATES (FOR FATCA COMPLIANCE) (1)) (*)

Nhà đầu tư có trách nhiệm tự xác định tình trạng FATCA của mình, ĐLPP không trực tiếp giúp khách hàng khai về tình trạng FATCA
Investor is responsible for determining his/her own FATCA status, Distributor does not advise what Investor's FATCA status is or should be



(a) Nhà đầu tư là Tổ chức được thành lập hoặc có hoạt động tại Hoa Kỳ (2)

Investor is established in the United States (US) or operating in the United States (2)



(b) Nhà đầu tư là Tổ chức được xem như một Định chế tài chính ngoài Hoa Kỳ (ví dụ: ngân hàng, ngân hàng giám hộ, công ty chuyên đầu tư, môi giới đầu tư, tư vấn đầu tư, quỹ hoặc phương tiện để đầu tư, công ty bảo hiểm, công ty holding (giữ vốn đầu tư trong các công ty khác), v.v...theo quy định của FATCA (3)

Investor is considered as a financial institution outside the United States (i.e: bank, custody bank, investment company, investment brokerage, investment advisory, fund is a means of investment, insurance company, holding company (holding capital in other companies), etc. under the provisions of FATCA (3).

☐ (c) Nhà đầu tư là Tổ chức có nhà đầu tư (chủ sở hữu) Hoa Kỳ (4)
Investor has American owners (4).

☐ (d) Nhà đầu tư không thuộc bất kỳ loại hình tổ chức nào nêu trên
Investor does not fall under any of the entity types listed above

- (1) FATCA: Đạo luật tuân thủ thuế đối với tài khoản nước ngoài/ *Foreign Account Tax Compliance Act*
- (2) Vui lòng cung cấp mẫu W9 và Mã số thuế Hoa Kỳ.
Investor kindly fills out Form W9 and provides your US tax code.
- (3) Vui lòng cung cấp mã số GIIN, hoặc mẫu W8 BEN-E trong trường hợp tổ chức không có mã số GIIN.
Investor kindly provides GIIN code or fills out Form W8 BEN-E in case you don't have GIIN code.

GIIN

- (4) Vui lòng cung cấp Mẫu W8 BEN-E
Investor kindly fills out Form W8 BEN-E

Trường hợp Nhà đầu tư từ chối không trả lời và/hoặc không cung cấp tài liệu FATCA trong vòng 90 ngày kể từ ngày ký Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản cho ĐLPP thì tài khoản của Nhà đầu tư này được phân loại là “Tài khoản chống đối” theo quy định của FATCA.

If the Investor refuses to complete the above-mentioned question and/or does not send the completed forms to Distributor within 90 days of signing Account Opening Application Form, the Investor's account will be classified as "Recalcitrant" according to FATCA.

Cho mục đích tuân thủ các yêu cầu về rà soát khách hàng của FATCA, Nhà Đầu Tư, theo đây, đồng ý cho ĐLPP truy cập và báo cáo thông tin về các tài khoản của Khách hàng cho Sở thuế vụ Hoa Kỳ (IRS) hoặc cơ quan có thẩm quyền, thực hiện khấu trừ thuế theo yêu cầu đối với Tổ chức tài chính tuân thủ FATCA.

For purpose of compliance FATCA, Investor, hereby, grants full permission to Distributor to access and report Investor's account information to the US Internal Revenue Services (IRS) or to competent authorities as required for foreign financial institutions complying with FATCA

7. QUY ĐỊNH CHUNG/ GENERAL PROVISIONS

1. Quyết định đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ là quyết định của Nhà đầu tư sau khi đã nhận, đọc và hiểu rõ (các) tài liệu liên quan đến Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế: Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ và Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở này. Nhà Đầu Tư chấp nhận các điều khoản và điều kiện chi tiết trong các tài liệu nêu trên, đặc biệt là các nội dung về mục tiêu, chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro và các loại phí áp dụng cho Quỹ. Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công (“TCAM”), các nhân viên, Tổng Giám đốc Chủ tịch Công ty và Đại Lý Phân Phối được chỉ định của TCAM sẽ không có trách nhiệm pháp lý liên quan đến quyết định đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.

The decision to invest in Fund Certificate is the Investor's own decision after having received, read, and fully understood the relevant Fund documents including but not limited to the Prospectus, Charter, and this Application. Investor accepts the terms and conditions detailed in the above document, especially the objectives, investment policies, risk factors, and the charges applicable to the Fund. Thanh Cong Asset Management Company Limited (“TCAM”), its officers, CEO, Chairman, and authorized Distributors shall have no liability with respect to the investment decision of Investor.

2. Nhà đầu tư cam kết rằng nguồn tiền đầu tư chứng chỉ quỹ là nguồn tiền hợp pháp, minh bạch và đáp ứng đầy đủ yêu cầu của pháp luật để được dùng vào mục đích đầu tư chứng chỉ quỹ.

Investor commits that the source of funds invested in the Fund(s) certificates are legally, transparently, and fully compliant with the requirements of law to be used for the purpose of investing in the fund certificate.

3. Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở này cần được sự chấp thuận của TCAM hoặc các tổ chức cung cấp dịch vụ của Quỹ.

This open-ended Account Opening Fund Application Form is subject to acceptance by TCAM or the service providers of the Fund.

4. Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở này có thể sửa đổi, bổ sung theo thời gian bởi TCAM mà không cần nêu rõ.

This open-ended Account Opening Fund Application Form may be amended, revised from time to time by TCAM without giving reasons.

5. Nhà Đầu Tư phải cung cấp tất cả các thông tin có trong Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản đúng sự thật và chính xác, đồng thời cập nhật và thay đổi về thông tin tổ chức hay thông tin cá nhân trong thời gian sớm nhất. Trong trường hợp Nhà Đầu Tư không cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ nêu trên, TCAM có quyền từ chối cung cấp dịch vụ đăng ký, mua lại, chuyển đổi hoặc mua/bán Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu Tư sẽ phải bồi thường cho TCAM hoặc bất kỳ đại diện của TCAM hoặc nhân viên của TCAM đối với bất kỳ tổn thất, thiệt hại hoặc các chi phí mà họ có thể gánh chịu do thông tin sai hoặc gây nhầm lẫn hoặc thông tin không đầy đủ.

Investor must provide true and exact information in the Open-ended Account Opening Application Form and update any changes of personal data as soon as possible. If Investor fails to supply such information to complete these above services, TCAM could reject to provide the application, subscription, redemption, switches, or sales services. The Investor must indemnify TCAM or any other entity of TCAM or its employees of TCAM for any damage, loss or other expenses that may be incurred in consequence of any wrong or misleading statement or omission.

6. Việc TCAM và các tổ chức cung cấp dịch vụ chấp nhận và xử lý lệnh mua, lệnh bán, chuyển đổi, hủy (trừ Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản thực hiện bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác mà không có xác nhận bằng văn bản sau đó vẫn được coi là hợp lệ. TCAM và các tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh trong quá trình thực hiện theo lệnh bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác.

The acceptance and processing of subscription, redemption, switches, by TCAM and service providers (except for the Open-ended Fund Account Opening Application Form) if made by facsimile and/or electronic instructions without subsequent written confirmation shall be deemed authorized. TCAM and the relevant service providers shall not be held liable for any loss caused during the processing of facsimile and electronic instructions.

7. TCAM có quyền từ chối mở tài khoản, các Lệnh phát hành, mua lại, chuyển đổi Chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Bản Cáo Bạch, Điều Lệ của Quỹ.

TCAM has the right to reject the Open-ended fund account opening application forms; as well as subscription/redemption/switching orders of Investors as required by law and the Prospectus, Fund Charter.

8. TCAM, Ngân Hàng Giám Sát, Ngân Hàng Lưu Ký, Đại Lý Chuyển Nhượng, và các tổ chức cung cấp dịch vụ có quyền sử dụng, lưu giữ, tiết lộ, chuyển, soạn, kết hợp, lấy và/hoặc trao đổi (bất kể trong hoặc ngoài lãnh thổ Việt Nam) các thông tin liên quan đến Nhà Đầu Tư hoặc do Nhà Đầu Tư cung cấp trực tiếp hay gián tiếp mà TCAM, Ngân Hàng Giám Sát, Ngân Hàng Lưu Ký hoặc tổ chức cung cấp dịch vụ khác xét thấy là cần thiết cho việc cung cấp dịch vụ phục vụ Nhà Đầu Tư nhưng không vi phạm được các lợi thế hoặc lợi ích thương mại cho bản thân mình ngoài những gì thu được từ các dịch vụ có liên quan hoặc theo yêu cầu của luật áp dụng hoặc để tuân thủ và thực hiện các yêu cầu của chính quyền, quy tắc, hướng dẫn, tiêu chuẩn thị trường, thông lệ hoặc văn bản thỏa thuận với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền như cơ quan hành pháp, tư pháp, thuế vụ hoặc các cơ quan có thẩm quyền khác của các quốc gia, vùng lãnh thổ khác. Bên thứ ba nhận thông tin đó có thể phải tiết lộ thông tin theo yêu cầu luật áp dụng. Tất cả các thông tin sẽ được nỗ lực bảo vệ ở mức độ hợp lý tránh việc bị xâm nhập hoặc tiết lộ trái phép.

TCAM, Custodian Bank, Supervisory Bank, Transfer Agent, and service providers are authorized to use, store, disclose, transfer, compile, match, obtain and/or exchange (whether within or outside Vietnam) all information pertaining to, or directly or indirectly provided by the Investor as the TCAM, Custodian Bank, Supervisory Bank or other related service providers may consider necessary to provide the services to Investor, but not to procure any commercial advantage or benefit for themselves other than what gained from the relevant services, or to comply with and implement of the requirements, regulations, orders, guidelines, codes, market standards, good practices and requests of a agreements with public, judicial, taxation, governmental and other relevant authorities in other sovereign state and territory. Third-party recipients may have to disclose information if required by the applicable laws. All information shall be protected at a reasonable level of protection against any unauthorized access or illegal disclosure.

9. Nhà Đầu Tư cam kết đã đọc, hiểu, đồng ý và sẽ thực hiện đúng các nội dung tại Điều Lệ, Bản Cáo Bạch, và Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở, cam kết chịu trách nhiệm với tất cả các thông tin đã được đưa ra trong Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản và tất cả các tài liệu cung cấp kèm theo.

Investor undertakes that the Investor has fully read, understood, and agreed and shall comply with the Charter, Prospectus and Open-ended Fund Account Opening Application Form. Investor is responsible for all information given in this Application Form and all documents provided to support this Application Form.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Legal representative

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, full name and stamp)

ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Representative of Fund Management Company

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(Signature, full name, and stamp)

Ngày (Date).....tháng (month).....năm (year).....

Ngày (Date).....tháng (month).....năm (year).....

CHỮ KÝ MẪU CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT <i>Specimen signature of Legal representative</i>		CHỮ KÝ MẪU CỦA NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN GIAO DỊCH <i>Specimen signature of the authorized person for trading</i>	
Chữ ký 1 (<i>1st signature</i>)	Chữ ký 2 (<i>2nd signature</i>)	Chữ ký 1 (<i>1st signature</i>)	Chữ ký 2 (<i>2nd signature</i>)

8. THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI *FOR DISTRIBUTOR ONLY*

1. ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI <i>Distributor</i>	TÊN ĐẠI LÝ <i>Distributor's name</i>	
	MÃ ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI <i>Distributor code</i>	
	SỐ ĐKDN/ GIẤY PHÉP THÀNH LẬP <i>Business license/ Establishment license number</i>	
	NGÀY CẤP <i>Issuing date</i>	
	ĐỊA CHỈ TRỤ SỞ CHÍNH <i>Head office</i>	
	ĐIỆN THOẠI <i>Phone</i>	WEBSITE <i>Website</i>
2. ĐỊA ĐIỂM PHÂN PHỐI <i>Distribution location</i>	ĐỊA CHỈ ĐỊA ĐIỂM PHÂN PHỐI <i>Distribution location</i>	
	ĐIỆN THOẠI <i>Phone</i>	FAX <i>Fax</i>
3. NHÂN VIÊN PHÂN PHỐI <i>Distributor Staff</i>	HỌ TÊN NHÂN VIÊN <i>Staff's full name</i>	
	MÃ NHÂN VIÊN <i>Staff's code</i>	
	SỐ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ <i>Practitioner's certificate no.</i>	NGÀY CẤP <i>Issuing Date</i>
	ĐIỆN THOẠI LIÊN LẠC <i>Phone number</i>	THƯ ĐIỆN TỬ <i>Email</i>

CHỮ KÝ/ Signature		
NHÂN VIÊN GIAO DỊCH <i>Receiver</i> (Ký, ghi rõ họ tên) (Signature with full name)	KIỂM SOÁT <i>Supervisor</i> (Ký, ghi rõ họ tên) (Signature with full name)	ĐẠI DIỆN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI <i>Representative of Distributor</i> (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) (Signature, full name and stamp)

9. CÁC HỒ SƠ CẦN CUNG CẤP/ REQUIRED DOCUMENTS

1. Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ Mở/ *Open-ended Fund Account Opening Application Form*
2. Hợp đồng ủy quyền có công chứng (nếu có)/ *Certified copy of Letter of Attorney (if applicable)*
3. Bản sao hợp lệ Giấy phép đăng ký kinh doanh/ *Certified copy of Business License*
4. Bản sao hợp lệ các loại giấy tờ liên quan đến Quyết định đổi tên gọi, chia tách, sáp nhập của nhà đầu tư tổ chức (nếu có)/ *Certified copy related documents on change of name, separation, or merger of institutional investors (if applicable)*
5. Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật/ *Certified Copy of ID card/Passport of the Legal Representative*
6. Bản sao hợp lệ CMND/CCCD/Hộ chiếu của người được ủy quyền (nếu có)/ *Certified Copy of ID card/Passport of the authorized person (if applicable)*
7. Giấy xác nhận từ ngân hàng về việc mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp (IICA) (dành cho Nhà Đầu Tư nước ngoài) (nếu có)/ *The Bank confirmation on opening the Indirect Investment Capital Account (IICA) (for foreign Investors only) (if applicable)*
8. Giấy xác nhận Mã số Giao dịch từ Trung Tâm Lưu ký Chứng Khoán Việt Nam (dành cho Nhà đầu tư nước ngoài)/ *Confirmation securities trading code (STC) from Vietnam Securities Depository (VSD) (for foreign Investors only)*
9. Các mẫu đơn FATCA (nếu có): ví dụ Mẫu khai báo thuế Mỹ:
 Mẫu FATCA cho tổ chức: W-8BEN-E/W-8ECI/W-8IMY/W-8EXP hoặc W9
FATCA forms (if applicable) e.g. US tax declaration forms: W-8BEN-E/W-8ECI/W-8IMY/W-8EXP or W9

GIẤY ĐĂNG KÝ MUA CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

OPEN-ENDED FUND SUBSCRIPTION FORM

Số tham chiếu và Thời gian nhận lệnh được điền bởi Đại Lý Phân Phối/ Reference number and Time are filled by Fund Distributor.

SỐ THAM CHIẾU/Reference number:

THỜI GIAN NHẬN LỆNH/Time:

Nhà đầu tư vui lòng điền đầy đủ thông tin bằng MỰC ĐEN/XANH, ký tên tại chỗ chỉ định và chuyển đơn cho Đại Lý Phân Phối
(* Nội dung bắt buộc phải điền)

Please fill this form with BLACK/BLUE INK, sign it at the places indicated and submit the form to your Fund Distributor. (*
Content must be filled in

1. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/ INVESTOR DETAILS

HỌ VÀ TÊN NHÀ ĐẦU TƯ (*)

Full name of Investor

SỐ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CCQ (*)

Fund trading account no.

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU (*)

ID/Passport

NGÀY CẤP (*)

Issuing date

NƠI CẤP (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố) (*)

Issuing place (Country, Province/City)

2. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ AUTHORIZED PERSON DETAILS

TÊN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Name of authorized person

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU

ID/Passport

NGÀY CẤP

Issuing date

NƠI CẤP (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố)

Issuing place (Country, Province/City)

3. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ MUA/ SUBSCRIPTION DETAILS

Nhà đầu tư đăng ký mua Chứng chỉ Quỹ như sau:

We request to subscribe for the fund certificates of the following Fund:

TÊN QUỸ (*)

Fund name

TÊN VIẾT TẮT

Abbreviated name

GIÁ TRỊ ĐĂNG KÝ MUA BẰNG SỐ (VND) (*)

Subscription amount in number

GIÁ TRỊ ĐĂNG KÝ MUA BẰNG CHỮ (*)

Subscription amount in written words

NGÀY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH (*)

Email address

4. CAM KẾT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỦ KÝ/ DECLARATION AND SIGNATURE

- Quyết định mua (các) Chứng chỉ Quỹ là quyết định của Nhà đầu tư sau khi đã nhận, đọc và hiểu rõ (các) tài liệu liên quan đến Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế: Bản Cáo Bạch, Điều lệ của Quỹ, và Giấy Đăng ký Mở Tài Khoản giao dịch chứng chỉ Quỹ Mở. Nhà đầu tư chấp nhận các điều khoản và điều kiện chi tiết trong các tài liệu nêu trên, đặc biệt là các nội dung về mục tiêu

chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro liên quan đến việc đầu tư và các loại phí áp dụng cho (các) Quỹ. Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công, còn gọi là TCAM, các nhân viên, Tổng Giám đốc, Chủ tịch và Đại lý Phân Phối được chỉ định của TCAM sẽ không có trách nhiệm pháp lý liên quan đến quyết định đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư.

The decision to invest in Fund Certificate(s) is the Investor's own decision after having received, read, and understood the relevant Fund document(s), including but not limited to the Fund's Prospectus, Fund's Charter and Open-ended Fund Account Opening, Application Form. Investor accepts the terms and conditions in the above documents, especially the investment objectives, investment policies, risks factors and charges applicable to the Fund. TCAM, its officers, CEO, and authorized Distributors shall have no legal liability with respect to the Investor's investment decision.

2. Việc TCAM và các tổ chức cung cấp dịch vụ chấp nhận và xử lý lệnh mua, lệnh bán, chuyển đổi, hủy (trừ Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản) thực hiện bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác mà không có xác nhận bằng văn bản sau đó vẫn được coi là hợp lệ. TCAM và các tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh trong quá trình thực hiện theo lệnh bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác.

The acceptance and processing of subscription, redemption, switches, by TCAM and service providers (except for the Open-ended Fund Account Opening Application Form) if made by facsimile and/or electronic instructions without subsequent written confirmation shall be duly authorized. TCAM and the relevant service providers shall not be held liable for any loss caused during the processing of facsimile and/or electronic instructions.

NHÀ ĐẦU TƯ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Investor/ Authorized person

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Signature, full name and stamp)

Ngày (Date) tháng (month) năm (year)

5. THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI FOR DISTRIBUTOR ONLY

TÊN ĐẠI LÝ

Distributor's name

MÃ ĐẠI LÝ

Distributor's code

NHÂN VIÊN NHẬN LỆNH

Order receiver

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature with full name)

NHÂN VIÊN KIỂM SOÁT

Supervisory officer

(Ký, ghi rõ họ tên)

(Signature with full name)

GIẤY ĐĂNG KÝ BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

OPEN-ENDED FUND REDEMPTION FORM

Số tham chiếu và Thời gian nhận lệnh được điền bởi Đại Lý Phân Phối/ Reference number and Time are filled by Fund Distributor.

SỐ THAM CHIẾU/Reference number:

THỜI GIAN NHẬN LỆNH/Time:

Nhà đầu tư vui lòng điền đầy đủ thông tin bằng MỰC ĐEN/XANH, ký tên tại chỗ chỉ định và chuyển đơn cho Đại Lý Phân Phối. (Nội dung bắt buộc phải điền)

Please fill this form with BLACK/BLUE INK, sign it at the places indicated and submit the form to your Fund Distributor. (Content must be filled in)

1. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/ INVESTOR DETAILS

HỌ VÀ TÊN NHÀ ĐẦU TƯ (*)

Full name of Investor

SỐ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CCQ (*)

Fund trading account no.

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU (*)

ID/Passport

NGÀY CẤP (*)

Issuing date

NƠI CẤP (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố) (*)

Issuing place (Country, Province/City)

2. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ AUTHORIZED PERSON DETAILS

TÊN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Name of authorized person

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU

ID/Passport

NGÀY CẤP

Issuing date

NƠI CẤP (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố)

Issuing place (Country, Province/City)

3. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ BÁN/ REDEMPTION DETAILS

TÊN QUỸ (*)

Fund name

TÊN VIẾT TẮT

Abbreviated name

SỐ LƯỢNG CCQ BẰNG SỐ (*)

Redemption quantity in number

SỐ LƯỢNG CCQ BẰNG CHỮ (*)

Redemption quantity in words

NGÀY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH (*)

Registered trading day

4. CAM KẾT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỮ KÝ/ DECLARATION AND SIGNATURE

- Quyết định bán (các) Chứng chỉ Quỹ là quyết định của Nhà đầu tư sau khi đã nhận, đọc và hiểu rõ (các) tài liệu liên quan đến Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế: Bản Cáo Bạch, Điều lệ của Quỹ, và Giấy Đăng ký Mở Tài Khoản giao dịch chứng chỉ Quỹ Mở. Nhà đầu tư chấp nhận các điều khoản và điều kiện chi tiết trong các tài liệu nêu trên, đặc biệt là các nội dung

về mục tiêu, chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro liên quan đến việc đầu tư và các loại phí áp dụng cho (các) Quỹ. Công TNHH Quản lý Quỹ Thành Công, còn gọi là TCAM, các nhân viên, Tổng Giám đốc, Chủ tịch và Đại lý Phân Phối được c định của TCAM sẽ không có trách nhiệm pháp lý liên quan đến quyết định đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư.

The decision to redeem in Fund Certificate(s) is the Investor's own decision after having received, read, and understood the relevant Fund document(s), including but not limited to the Fund's Prospectus, Fund's Charter and Open-ended Fund Account Opening Application Form. Investor accepts the terms and conditions in the above documents, especially the investment objectives, investment policies, risk factors and charges applicable to the Fund. TCAM, its officers, CEO, and authorized Distributors shall have no legal liability with respect to the Investor's investment decision.

- Việc TCAM và các tổ chức cung cấp dịch vụ chấp nhận và xử lý lệnh mua, lệnh bán, chuyển đổi, hủy (trừ Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản) thực hiện bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác mà không có xác nhận bằng văn bản sau đó vẫn được coi hợp lệ. TCAM và các tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh trong quá trình thực hiện theo lệnh bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác.

The acceptance and processing of subscription, redemption, switches, by TCAM and service providers (except for the Open-ended Fund Account Opening Application Form) if made by facsimile and/or electronic instructions without subsequent written confirmation shall be duly authorized. TCAM and the relevant service providers shall not be held liable for any loss caused during the processing of facsimile and/or electronic instructions.

NHÀ ĐẦU TƯ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Investor/ Authorized person
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Signature, full name and stamp)

Ngày (Date).....tháng (month).....năm (year).....

5. THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI FOR DISTRIBUTOR ONLY

TÊN ĐẠI LÝ <i>Distributor's name</i>		MÃ ĐẠI LÝ <i>Distributor's code</i>
NHÂN VIÊN NHẬN LỆNH <i>Order receiver</i> (Ký, ghi rõ họ tên) <i>(Signature with full name)</i>	NHÂN VIÊN KIỂM SOÁT <i>Supervisory officer</i> (Ký, ghi rõ họ tên) <i>(Signature with full name)</i>	ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI <i>Representative of Distributor</i> (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) <i>(Signature, full name, stamp)</i>

GIẤY ĐĂNG KÝ CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

OPEN-ENDED FUND SWITCHING ORDER

Số tham chiếu và Thời gian nhận lệnh được điền bởi Đại Lý Phân Phối/ Reference number and Time are filled by Fund Distributor.

SỐ THAM CHIẾU/Reference number:

THỜI GIAN NHẬN LỆNH/Time:

Nhà đầu tư vui lòng điền đầy đủ thông tin bằng MỰC ĐEN/XANH, ký tên tại chỗ chỉ định và chuyển đơn cho Đại Lý Phân Phối. (Nội dung bắt buộc phải điền)

Please fill this form with BLACK/BLUE INK, sign it at the places indicated and submit the form to your Fund Distributor. (Content must be filled in)

1. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/ INVESTOR DETAILS

HỌ VÀ TÊN NHÀ ĐẦU TƯ (*)

Full name of Investor

SỐ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CCQ (*)

Fund trading account no.

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU (*)

ID/Passport

NGÀY CẤP (*)

Issuing date

NƠI CẤP (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố) (*)

Issuing place (Country, Province/City)

2. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ AUTHORIZED PERSON DETAILS

TÊN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Name of authorized person

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU

ID/Passport

NGÀY CẤP

Issuing date

NƠI CẤP (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố)

Issuing place (Country, Province/City)

3. THÔNG TIN CHUYỂN ĐỔI/ SWITCHING DETAILS

Nhà đầu tư muốn đăng ký bán Chứng chỉ Quỹ của (các) Quỹ sau

We wish to redeem my holdings in the following funds(s)

TÊN QUỸ (*)

Fund name

TÊN VIẾT TẮT

Abbreviated name

SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ (*)

Number of Fund Units

NGÀY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH (*)

Register trading day

VÀ ĐẦU TƯ TOÀN BỘ TIỀN BÁN CHỨNG CHỈ QUỸ NHƯ TRÊN VÀO QUỸ SAU (*)

Register And invest the redemption proceeds in the following fund

TÊN QUỸ (*)

Fund name

4. CAM KẾT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỮ KÝ/DECLARATION AND SIGNATURE

- Quyết định chuyển đổi (các) Chứng chỉ Quỹ là quyết định của Nhà đầu tư sau khi đã nhận, đọc và hiểu rõ (các) tài liệu liên quan đến Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế: Bản Cáo Bạch, Điều lệ của Quỹ, và Giấy Đăng ký Mở Tài Khoản giao dịch chứng chỉ Quỹ Mở. Nhà đầu tư chấp nhận các điều khoản và điều kiện chi tiết trong các tài liệu nêu trên, đặc biệt là các nội dung về mục tiêu, chính sách đầu tư, các yếu tố rủi ro liên quan đến việc đầu tư và các loại phí áp dụng cho (các) Quỹ. Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công, còn gọi là TCAM, các nhân viên, Tổng Giám đốc, Chủ tịch và Đại lý Phân Phối được chỉ định của TCAM sẽ không có trách nhiệm pháp lý liên quan đến quyết định đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư.

The decision to switch Fund Unit(s) is the Investor's own decision after having received, read, and understood the relevant Fund document(s), including but not limited to the Fund's Prospectus, Fund's Charter and Open-ended Fund Account Opening, Application Form. Investor accepts the terms and conditions in the above documents, especially the investment objectives, investment policies, risk factors and charges applicable to the Fund. TCAM, its officers, CEO, and authorized Distributors shall have no legal liability with respect to the Investor's investment decision.

- Việc TCAM và các tổ chức cung cấp dịch vụ chấp nhận và xử lý lệnh mua, lệnh bán, chuyển đổi, hủy (trừ Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản thực hiện bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác mà không có xác nhận bằng văn bản sau đó vẫn được coi là hợp lệ. TCAM và các tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh trong quá trình thực hiện theo lệnh bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác.

The acceptance and processing of subscription, redemption, switches, by TCAM and service providers (except for the Open-ended Fund Account Opening Application Form) if made by facsimile and/or electronic instructions without subsequent written confirmation shall be duly authorized. TCAM and the relevant service providers shall not be held liable for any loss caused during the processing of facsimile and/or electronic instructions.

NHÀ ĐẦU TƯ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

*Investor/ Authorized person
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Signature, full name and stamp)*

Ngày (Date).....tháng (month).....năm (year).....

5. THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/ FOR DISTRIBUTOR ONLY

TÊN ĐẠI LÝ
Distributor's name

MÃ ĐẠI LÝ
Distributor's code

NHÂN VIÊN NHẬN LỆNH
*Order receiver
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature with full name)*

NHÂN VIÊN KIỂM SOÁT
*Supervisory officer
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature with full name)*

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI
*Representative of Distributor
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)
(Signature, full name, stamp)*

GIẤY ĐĂNG KÝ HỦY GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

OPEN-ENDED FUND CANCELLATION ORDER

Số tham chiếu và Thời gian nhận lệnh được điền bởi Đại Lý Phân Phối/ Reference number and Time are filled by Fund Distributor.

SỐ THAM CHIẾU/Reference number:

THỜI GIAN NHẬN LỆNH/Time:

Nhà đầu tư vui lòng điền đầy đủ thông tin bằng MỰC ĐEN/XANH, ký tên tại chỗ chỉ định và chuyển đơn cho Đại Lý Phân Phối. (Nội dung bắt buộc phải điền)

Please fill this form with BLACK/BLUE INK, sign it at the places indicated and submit the form to your Fund Distributor. (Content must be filled in)

1. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/INVESTOR DETAILS

HỌ VÀ TÊN NHÀ ĐẦU TƯ (*)

Full name of Investor

SỐ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CCQ (*)

Fund trading account no.

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU (*)

ID/Passport

NGÀY CẤP (*)

Issuing date

NƠI CẤP (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố) (*)

Issuing place (Country, Province/City)

2. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/AUTHORIZED PERSON DETAILS

TÊN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Name of authorized person

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU

ID/Passport

NGÀY CẤP

Issuing date

NƠI CẤP (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố)

Issuing place (Country, Province/City)

3. THÔNG TIN BẢNG KÝ HỦY/CANCELLATION DETAILS

Nhà đầu tư muốn đăng ký hủy giao dịch Chứng chỉ Quỹ như sau:

We request to cancel the fund certificates transaction as follows:

TÊN QUỸ (*)

Fund name

TÊN VIẾT TẮT

Abbreviated name

LOẠI LỆNH HỦY (*)

Type of cancellation order

☐

LỆNH MUA

Subscription order

☐

LỆNH BÁN

Redemption order

☐

LỆNH CHUYỂN ĐỔI

Switching order

☐

LỆNH CHUYỂN NHƯỢNG

Transfer order

☐

ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ

Systematic Investment Plan

NGÀY ĐẶT LỆNH (*)

Date of order

4. CAM KẾT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỦ KÝ/DECLARATION AND SIGNATURE

- Quyết định hủy giao dịch (các) Chứng chỉ Quỹ là quyết định của Nhà đầu tư sau khi đã nhận, đọc và hiểu rõ (các) tài liệu liên quan đến Quỹ bao gồm nhưng không hạn chế: Bản Cáo Bạch, Điều lệ của Quỹ, và Giấy Đăng ký Mở Tài Khoản giao dịch chứng chỉ Quỹ Mở. Nhà đầu tư chấp nhận các điều khoản và điều kiện chi tiết trong các tài liệu nêu trên, đặc biệt là các nội dung về mục tiêu, chính sách đầu tư và các yếu tố rủi ro liên quan đến việc đầu tư và các loại phí áp dụng cho (các) Quỹ. Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công, còn gọi là

TCAM, các nhân viên, Tổng Giám đốc, Chủ tịch và Đại lý Phân Phối được chỉ định của TCAM sẽ không có trách nhiệm pháp lý liên quan đến quyết định đầu tư vào Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư.

The decision to cancel Open-ended Fund order(s) is the Investor's own decision after having received, read, and understood the relevant Fund document(s), including but not limited to the Fund's Prospectus, Fund's Charter and Open-ended Fund Account Opening, Application Form. The Investor accepts the terms and conditions in the above documents, especially the investment objectives, investment policies, risk factors and charges applicable to the Fund. TCAM, its officers, CEO, and authorized Distributors shall have no legal liability with respect to the Investor's investment decision.

2. Việc TCAM và các tổ chức cung cấp dịch vụ chấp nhận và xử lý lệnh mua, lệnh bán, chuyển đổi, hủy (trừ Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản thực hiện bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác mà không có xác nhận bằng văn bản sau đó vẫn được coi là hợp lệ. TCAM và các tổ chức cung cấp dịch vụ sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh trong quá trình thực hiện theo lệnh bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác.

The acceptance and processing of subscription, redemption, switches, by TCAM and service providers (except for the Open-ended Fund Account Opening Application Form) if made by facsimile and/or electronic instructions without subsequent written confirmation shall be duly authorized by TCAM. TCAM and the relevant service providers shall not be held liable for any loss caused during the processing of facsimile and/or electronic instructions.

3. Nhà đầu tư hiểu rằng việc hủy (những) Lệnh trên chỉ có thể thực hiện được nếu Lệnh hủy được Đại lý Phân Phối nhận trước thời điểm đóng sổ lệnh vào Ngày Giao Dịch. Những Lệnh hủy nhận được sau thời điểm đóng sổ lệnh không thể thực hiện được và những Lệnh hủy mà Nhà đầu tư đã đặt sẽ được thực hiện mặc dù Lệnh hủy đã được đưa ra.

The Investor understands that the cancellation of the above order(s) can only occur if this Cancellation Order is received by the Distributor prior to the cut-off time of the Trading Date. Cancellation Orders received after this time cannot be implemented, and the order(s) that the Investor has already submitted will be executed although this Cancellation Order has been made.

4. Các khoản thanh toán mà Nhà đầu tư đã chuyển cho Ngân hàng Giám sát cho một Lệnh đã bị hủy căn cứ trên Lệnh hủy này sẽ được hoàn trả sau khi trừ phí liên quan tới tài khoản ngân hàng mà Nhà đầu tư đã thực hiện thanh toán.

Any bank payment received by the Supervisory Bank for an Order that had been cancelled based on this Cancellation Order shall be repaid net of charges to the Investor's account registered with the Fund in Open-ended Fund Account Opening Application Form.

NHÀ ĐẦU TƯ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Investor/ Authorized person
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Signature, full name and stamp)

Ngày (Date)tháng (month)năm (year).....

5. THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/ FOR DISTRIBUTOR ONLY

TÊN ĐẠI LÝ Distributor's name	MÃ ĐẠI LÝ Distributor's code	
NHÂN VIÊN NHẬN LỆNH Order receiver (Ký, ghi rõ họ tên) (Signature with full name)	NHÂN VIÊN KIỂM SOÁT Supervisory officer (Ký, ghi rõ họ tên) (Signature with full name)	ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI Representative of Distributor (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) (Signature, full name, stamp)

GIẤY ĐĂNG KÝ CHUYỂN NHƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ MỞ

BẢN CÁO BẠCH QUỸ TCGF



OPEN-ENDED FUND TRANSFER ORDER

Số tham chiếu và Thời gian nhận lệnh được điền bởi Đại Lý Phân Phối/ Reference number and Time are filled by Fund Distributor.

SỐ THAM CHIẾU/Reference number:

THỜI GIAN NHẬN LỆNH/Time:

Nhà đầu tư vui lòng điền đầy đủ thông tin bằng MỰC ĐEN/XANH, ký tên tại chỗ chỉ định và chuyển đơn cho Đại Lý Phân Phối. (Nội dung bắt buộc phải điền)

Please fill this form with BLACK/BLUE INK, sign it at the places indicated and submit the form to your Fund Distributor. (Content must be filled in)

1. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/ INVESTOR DETAILS

HỌ VÀ TÊN NHÀ ĐẦU TƯ (*)

Full name of Investor

SỐ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CCQ (*)

Fund trading account no.

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU (*)

ID/Passport

NGÀY CẤP (*)

Issuing date

NƠI CẤP (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố) (*)

Issuing place (Country, Province/City)

2. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ AUTHORIZED PERSON DETAILS

TÊN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Name of authorized person

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU

ID/Passport

NGÀY CẤP

Issuing date

NƠI CẤP (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố)

Issuing place (Country, Province/City)

3. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ HỦY/ CANCELLATION DETAILS

Nhà đầu tư muốn chuyển nhượng Chứng chỉ Quỹ như sau:

We request to transfer the Open-ended Fund Certificates as follows:

TÊN QUỸ (*)

Fund name

TÊN VIẾT TẮT

Abbreviated name

SỐ LƯỢNG CCQ BẰNG SỐ (*)

Number of Fund Units in number

SỐ LƯỢNG CCQ BẰNG CHỮ (*)

Number of Fund Units in words

LÝ DO CHUYỂN NHƯỢNG (1) (*)

The reason for the transfer (1)

☐

QUÀ TẶNG

Gift

☐

THỪA KẾ

Inheritance

☐

THEO LỆNH CỦA TÒA ÁN

By court order

☐

KHÁC (XIN NÊU RÕ)

Other (please specify)

(1) Xin vui lòng cung cấp giấy tờ liên quan đến việc chuyển nhượng

Kindly provide all the documents related to the transfer.

4. THÔNG TIN BÊN NHẬN CHUYỂN NHƯỢNG/ RECIPIENT DETAILS

☐ Người nhận hiện không phải là Nhà đầu tư đã có tài khoản và Giấy đăng ký mở tài khoản giao dịch chứng chỉ quỹ mở ho: chính được đính kèm

The recipient does not have a TCAM Open-ended Fund account, and a complete Application Form attached.

☐ Người nhận hiện là Nhà đầu tư đã có tài khoản với số tài khoản sau đây:

The recipient is an Investor having a TCAM Open-ended Fund account with the following account number:

TÊN CHỦ TÀI KHOẢN

Full name of Investor

SỐ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CCQ

Fund trading account no.

LOẠI TÀI KHOẢN

Account type

☐

CÁ NHÂN

Individual

☐

TỔ CHỨC

Institutional

5. CAM KẾT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỮ KÝ/ DECLARATION AND SIGNATURE

- Quyết định chuyển nhượng (các) Chứng chỉ Quỹ là quyết định của Nhà đầu tư sau khi đã nhận, đọc và hiểu rõ (các) tài liệu liên quan đến Q bao gồm nhưng không hạn chế: Bản Cáo Bạch, Điều lệ của Quỹ, và Giấy Đăng ký Mở Tài Khoản giao dịch chứng chỉ Quỹ Mở. Nhà đầu chấp nhận các điều khoản và điều kiện chi tiết trong các tài liệu nêu trên, đặc biệt là các nội dung về mục tiêu, chính sách đầu tư, các yếu rủi ro liên quan đến việc đầu tư và các loại phí áp dụng cho (các) Quỹ. Công ty TNHH Quản lý Quỹ Thành Công, còn gọi là TCAM, các nh viên, Tổng Giám đốc, Chủ tịch và Đại lý Phân Phối được chỉ định của TCAM sẽ không có trách nhiệm pháp lý liên quan đến quyết định đ tư vào Chứng chỉ Quỹ của Nhà đầu tư.

The decision to transfer Fund Certificate(s) is the Investor's own decision after having received, read, and understood the relevant Fund document(including but not limited to the Fund's Prospectus, Fund's Charter and Open-ended Fund Account Opening, Application Form. Investor accepts t terms and conditions in the above documents, especially the investment objectives, investment policies, risk factors and charges applicable to the Fu TCAM, its officers, CEO, and authorized Distributors shall have no legal liability with respect to the Investor's investment decision.

- Việc TCAM và các tổ chức cung cấp dịch vụ chấp nhận và xử lý lệnh mua, lệnh bán, chuyển đổi, hủy (trừ Giấy Đăng Ký Mở Tài Khoản) th hiện bằng fax và/hoặc hình thức điện tử khác mà không có xác nhận bằng văn bản sau đó vẫn được coi là hợp lệ. TCAM và các tổ chức cu cấp dịch vụ sẽ không phải chịu trách nhiệm đối với các tổn thất phát sinh trong quá trình thực hiện theo lệnh bằng fax và/hoặc hình thức đi tử khác.

The acceptance and processing of subscription, redemption, switches, by TCAM and service providers (except for the Open-ended Fund Accou Opening Application Form) if made by facsimile and/or electronic instructions without subsequent written confirmation shall be duly authorized. TCA and the relevant service providers shall not be held liable for any loss caused during the processing of facsimile and/or electronic instructions.

NHÀ ĐẦU TƯ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Investor/ Authorized person

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Signature, full name and stamp)

Ngày (Date)tháng (month).....năm (year).....

6. THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/ FOR DISTRIBUTOR ONLY

TÊN ĐẠI LÝ

MÃ ĐẠI LÝ

<i>Distributor's name</i>	<i>Distributor's code</i>	
NHÂN VIÊN NHẬN LỆNH <i>Order receiver</i> (Ký, ghi rõ họ tên) <i>(Signature with full name)</i>	NHÂN VIÊN KIỂM SOÁT <i>Supervisory officer</i> (Ký, ghi rõ họ tên) <i>(Signature with full name)</i>	ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI L PHÂN PHỐI <i>Representative of Distributor</i> (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) <i>(Signature, full name, stamp)</i>

GIẤY ĐĂNG KÝ CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ

SYSTEMATIC INVESTMENT PLAN REQUEST

Số tham chiếu và Thời gian nhận lệnh được điền bởi Đại Lý Phân Phối/ Reference number and Time are filled by Fund Distributor.

SỐ THAM CHIẾU/Reference number:

THỜI GIAN NHẬN LỆNH/Time:

Nhà đầu tư vui lòng điền đầy đủ thông tin bằng MỰC ĐEN/XANH, ký tên tại chỗ chỉ định và chuyển đơn cho Đại Lý Phân Phối.
 (*) Nội dung bắt buộc phải điền

Please fill this form with BLACK/BLUE INK, sign it at the places indicated and submit the form to your Fund Distributor. (*)
 Content must be filled in

1. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/ INVESTOR DETAILS

HỌ VÀ TÊN NHÀ ĐẦU TƯ (*)

Full name of Investor

SỐ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CCQ (*)

Fund trading account no.

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU

(*)

ID/Passport

NGÀY CẤP (*)

Issuing date

NƠI CẤP (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố) (*)

Issuing place (Country, Province/City)

2. THÔNG TIN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN/ AUTHORIZED PERSON DETAILS

TÊN NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Name of authorized person

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU

ID/Passport

NGÀY CẤP

Issuing date

NƠI CẤP (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố)

Issuing place (Country, Province/City)

3. THÔNG TIN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ/ DETAILS OF SYSTEMATIC INVESTMENT PLAN (SIP)

Nhà đầu tư đăng ký tham gia Chương trình đầu tư định kỳ của Quỹ mở như sau:

I/We request to enter a Systematic Investment Plan of the Open-ended Funds as follows:

TÊN QUỸ (*)

Fund name

TÊN VIẾT TẮT

Abbreviated name

CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ CỐ ĐỊNH (*)

Fixed Systematic Investment Plan (SIP-Fix)

CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ LINH HOẠT (*)

Flexible Systematic Investment Plan (SIP-Flex)

KHOẢN TIỀN ĐẦU TƯ

Investment amount

Bằng số

In number

VND

Bằng chữ

In words

TÀN SUẤT THAM GIA

Systematic Investment Plan Frequency

Mỗi tháng

Monthly SIP

Mỗi quý

Quarterly SIP

CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ ĐỊNH KỲ SẼ BẮT ĐẦU TỪ NGÀY GIAO DỊCH GẦN NHẤT SAU NGÀY MƯỜI (10) CỦA THÁNG...../...../.....

Systematic Investment Plan will commence from the first dealing date the 10th of the month...../...../.....

Nhà đầu tư sẽ thanh toán từ tài khoản của Nhà đầu tư với

Investor will make payment from Investor's account with

☐ Chuyển khoản định kỳ từ tài khoản chứng khoán của tôi số (*).....

Standing instruction for transfer from my securities account no.

☐ Chỉ định tự động thanh toán từ ngân hàng

Standing instruction for transfer from bank

☐ Sắp xếp khác (ví dụ: tự chuyển tiền từ tài khoản cá nhân vào tài khoản Quỹ)

Other arrangement (example: self-transfer money from bank account into fund account)

(*) Mục này dành cho Nhà đầu tư giao dịch tại Đại lý phân phối của Quỹ là Công ty Chứng khoán

For investors who place order at the Distributor which is a Securities Company

4. CAM KẾT CỦA NHÀ ĐẦU TƯ VÀ CHỮ KÝ/ DECLARATION AND SIGNATURE

1. Nhà đầu tư có thể tham gia nhiều chương trình đầu tư định kỳ với các mức đầu tư khác nhau.

Mức đầu tư định kỳ của mỗi chương trình không thay đổi trong suốt thời hạn của chương trình

Investor can participate in many Systematic Investment Plan (SIPs) with different investment amounts.

The monthly/quarterly investment amount of each SIP is unchanged.

2. Thời gian tham gia chương trình đầu tư định kỳ ít nhất mười hai (12) kỳ thanh toán liên tục cho SIP tháng, hoặc bốn (04) kỳ thanh toán liên tục cho SIP quý. Nhà đầu tư tham gia chương trình đầu tư định kỳ của Quỹ nào sẽ được hưởng ưu đãi quy định tại Bản Cáo Bạch và tài liệu có liên quan của Quỹ đó.

The minimum period of a Systematic Investment Plan is twelve (12) consecutive months for a monthly SIP, or four (04) consecutive quarters for a quarterly SIP. Investors participating in a fund's Systematic Investment Plan will be entitled to the benefit as prescribed in that fund's prospectus and related documents.

3. Nhà đầu tư cam kết không làm gián đoạn chương trình đầu tư định kỳ trong vòng một (01) năm kể từ ngày bắt đầu. Nếu vì bất kỳ lý do gì, nhà đầu tư chấm dứt chương trình trong vòng một (01) năm kể từ ngày bắt đầu tham gia chương trình, nhà đầu tư sẽ phải trả giá dịch vụ rời chương trình tương ứng với Quỹ đã tham gia. Giá dịch vụ rời chương trình được xác định tại thời điểm nhà đầu tư chấm dứt chương trình và được thanh toán khi nhà đầu tư bán/chuyển đổi số lượng chứng chỉ Quỹ đó.

Investor hereby agrees not to discontinue the Systematic Investment Plan within one (01) year from the commencement date. If, for any reason, Investor discontinues the Plan within one (01) year from the Plan's commencement date, Investor will have to pay an exit fee corresponding to the participated Fund. Exit fee is determined at the time the Investor terminates the Plan and is paid when the Investor sells/switches the Fund Units.

4. Chương trình đầu tư định kỳ được coi là chấm dứt khi nhà đầu tư không thanh toán đủ số tiền đã đăng ký đúng thời hạn thanh toán, hoặc bán chứng chỉ quỹ, hoặc chuyển đổi, hoặc chuyển nhượng sang quỹ khác trong vòng một (01) năm kể từ ngày bắt đầu tham gia chương trình.

SIP is deemed to discontinue when Investor does not make ONE full installment on time, or sell the Fund Unit, or switch to another fund within one (01) year from the Plan's commencement date.

NHÀ ĐẦU TƯ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Investor/ Authorized person
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Signature, full name and stamp)

Ngày (Date)tháng (month)năm (year)

5. THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/ FOR DISTRIBUTOR ONLY

TÊN ĐẠI LÝ <i>Distributor's name</i>	MÃ ĐẠI LÝ <i>Distributor's code</i>	
NHÂN VIÊN NHẬN LỆNH <i>Order receiver</i> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> <i>(Signature with full name)</i>	NHÂN VIÊN KIỂM SOÁT <i>Supervisory officer</i> <i>(Ký, ghi rõ họ tên)</i> <i>(Signature with full name)</i>	ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI <i>Authorized representative of Distributor</i> <i>(Ký, đóng dấu ghi rõ họ tên)</i> <i>(Signature, stamp and full name)</i>

GIẤY THAY ĐỔI THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ

CHANGE OF INVESTOR REGISTRATION DETAILS

Số tham chiếu và Thời gian nhận lệnh được điền bởi Đại Lý Phân Phối/ Reference number and Time are filled by Fund Distributor.

SỐ THAM CHIẾU/Reference number:

THỜI GIAN NHẬN LỆNH/Time:

Nhà đầu tư vui lòng điền đầy đủ thông tin bằng MỰC ĐEN/XANH, ký tên tại chỗ chỉ định và chuyển đơn cho Đại Lý Phân Phối. (Nội dung bắt buộc phải điền)

Please fill this form with BLACK/BLUE INK, sign it at the places indicated and submit the form to your Fund Distributor. (Content must be filled in)

1. THÔNG TIN NHÀ ĐẦU TƯ/ INVESTOR DETAILS

HỌ VÀ TÊN NHÀ ĐẦU TƯ (*)

Full name of Investor

SỐ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CCQ (*)

Fund trading account no.

SỐ CMND/CCCD/HỘ CHIẾU (*)

ID/Passport

NGÀY CẤP (*)

Issuing date

NƠI CẤP (Quốc gia, Tỉnh/Thành phố) (*)

Issuing place (Country, Province/City)

2. THÔNG TIN THAY ĐỔI/ CHANGING INFORMATION

NỘI DUNG CONTENT	THÔNG TIN CŨ OLD INFORMATION	THÔNG TIN MỚI NEW INFORMATION

Nhà đầu tư cam kết mọi thông tin nêu trên là đúng sự thực và chính xác. Nhà đầu tư hoàn toàn chịu trách nhiệm về những thông tin trên trước pháp luật.

Investor hereby declares that all information given above is true and accurate. Investor is responsible by law for all information given in this form.

Chữ ký mẫu của Chủ Tài khoản (trường hợp thay đổi chữ ký) <i>Specimen signature of Account Holder</i> <i>(In case of changing signature)</i>	Chữ ký mẫu của Người được ủy quyền thứ nhất (trường hợp thay đổi chữ ký) <i>Specimen signature of the First Authorized person</i> <i>(In case of changing signature)</i>	Chữ ký mẫu của Người được ủy quyền thứ hai (trường hợp thay đổi chữ ký) <i>Specimen signature of the Second Authorized person</i> <i>(In case of changing signature)</i>
---	---	---

NHÀ ĐẦU TƯ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

Investor/ Authorized person
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Signature, full name and stamp)

Ngày (Date).....tháng (month).....năm (year).....

3. THÔNG TIN ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI / FOR DISTRIBUTOR ONLY

TÊN ĐẠI LÝ <i>Distributor's name</i>		MÃ ĐẠI LÝ <i>Distributor's code</i>
NHÂN VIÊN NHẬN LỆNH <i>Order receiver</i> (Ký, ghi rõ họ tên) <i>(Signature with full name)</i>	NHÂN VIÊN KIỂM SOÁT <i>Supervisory officer</i> (Ký, ghi rõ họ tên) <i>(Signature with full name)</i>	ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI <i>Representative of Distributor</i> (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu) <i>(Signature, full name, stamp)</i>

GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐÓNG TÀI KHOẢN

APPLICATION FOR CLOSING ACCOUNT

Nhà đầu tư vui lòng điền đầy đủ thông tin bằng MỰC ĐEN/XANH, ký tên tại chỗ chỉ định và chuyển đơn cho Đại Lý Phân Phối. (Nội dung bắt buộc phải điền)

Please fill this form with BLACK/BLUE INK, sign it at the places indicated and submit the form to your Fund Distributor. (Content must be filled in)

A PHÂN DÀNH CHO NHÀ ĐẦU TƯ/ FOR INVESTORS

1	HỌ VÀ TÊN NHÀ ĐẦU TƯ (*) <i>Full name of Investor</i>		
	SỐ CMT/HỘ CHIẾU/ĐKKD (*) <i>ID/Passport/Business license number</i>	NGÀY CẤP <i>Issuing date</i>	NƠI CẤP <i>Issuing place</i>
2	TÔI/CHÚNG TÔI MUỐN ĐĂNG KÝ ĐÓNG TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ <i>I/We request to close Fund certificate account number at TCAM</i>		
	STT	SỐ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH CCQ <i>Fund certificate account No.</i>	SỐ DƯ CCQ HIỆN CÓ <i>Available Fund unit balance</i>

Tôi (chúng tôi) cam kết mọi thông tin được cung cấp ở mẫu này và các tài liệu đi kèm là hoàn toàn chính xác và mới nhất.

Tôi (chúng tôi) sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm về những thông tin này khi thực hiện những giao dịch chứng chỉ quỹ sau này.

I (we) guarantee that all information provided here is accurate and is the most recently updated one. I (we) shall take the entire responsibility for them as for subsequent fund certificate transactions.

NHÀ ĐẦU TƯ

Investor

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Signature, full name and sealed)

Ngày (date):

B PHÂN DÀNH CHO ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI/ For Distribution Agent

THỜI ĐIỂM NHẬN LỆNH <i>Order-receiving time</i>	NHÂN VIÊN NHẬN LỆNH <i>Receiver</i> (Ký, ghi rõ họ tên) (Signature with full name)
---	--

CÁN BỘ QUẢN LÝ
Supervisor
(Ký, ghi rõ họ tên)
(Signature with full name)

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA ĐLPP
Representative of the Distribution agent
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)
(Signature, full name and sealed)

PHỤ LỤC 3

PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN

A. GIÁ TRỊ TÀI SẢN

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ		
1	Tiền (VND)	Số dư tiền trong các tài khoản không kỳ hạn tại ngày trước ngày định giá.
2	Ngoại tệ	Giá trị quy đổi ra VND theo tỷ giá hiện hành tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, tại ngày trước ngày định giá.
3	Tiền gửi kỳ hạn	Giá trị tiền gửi cộng lãi chưa được thanh toán tính tới ngày trước ngày định giá.
4	Tín phiếu kho bạc, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ khác	Giá mua cộng lãi lũy kế tính tới ngày trước ngày định giá.
5	Các công cụ không trả lãi bao gồm tín phiếu, trái phiếu, và giấy tờ có giá và các công cụ không trả lãi khác	Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch của Sở giao dịch chứng khoán; trường hợp không có giá yết thì mức giá được xác định theo hoặc mô hình chiết khấu dòng tiền căn cứ vào lãi suất trúng thầu hoặc một lãi suất khác do Ban đại diện quỹ quy định và thời gian nắm giữ công cụ.
Trái phiếu		
6	Trái phiếu niêm yết, Trái phiếu doanh nghiệp phát hành riêng lẻ đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá yết bình quân trên hệ thống giao dịch hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá cộng lãi lũy kế; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, hoặc giá thị trường có biến động bất thường vượt quá +/- 0,3% so với giá mua bình quân gia quyền của trái phiếu đó, là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		▪ Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
7	Trái phiếu không niêm yết	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá yết (nếu có) trên các hệ thống báo giá cộng lãi suất cuống phiếu tính tới ngày trước ngày định giá; hoặc - Giá mua cộng lãi lũy kế; hoặc - Mệnh giá cộng lãi lũy kế; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Cổ phiếu		
8	Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán, Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức niêm yết, Cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức niêm yết, Cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên hệ thống UpCom, Cổ phiếu chào bán riêng lẻ của tổ chức đăng ký giao dịch, Cổ phiếu chào bán thêm ra công chúng của tổ chức đăng ký giao dịch.	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước ngày định giá; hoặc ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
9	Cổ phiếu tạm dừng giao dịch để thực hiện việc chuyển sản niêm yết, hoặc chuyển từ đăng ký giao dịch qua niêm yết, hoặc chuyển từ niêm yết qua đăng ký giao dịch. Cổ phiếu bị hủy niêm yết hoặc bị hủy đăng ký	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
	giao dịch do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: ▪ Giá trị sổ sách; hoặc ▪ Mệnh giá; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
10	Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch không phải do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Mệnh giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
11	Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản	Là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Tám mươi phần trăm (80%) giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
12	Cổ phần, phần vốn góp khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định là một trong các mức giá theo thứ tự ưu tiên sau: - Giá trị sổ sách; hoặc - Giá mua/giá trị vốn góp; hoặc - Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng chỉ quỹ		
13	Chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn mười lăm (15) ngày tính đến ngày định giá, sử dụng phương pháp định giá thứ tự ưu tiên sau: ▪ Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ đó được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ đó, hoặc của Sở giao dịch chứng khoán, hoặc của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước; hoặc ▪ Giá đóng cửa (hoặc tên gọi khác, tùy thuộc quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán) của ngày có giao dịch gần nhất trong vòng chín mươi (90) ngày trước ngày định giá; hoặc ▪ Giá mua; hoặc ▪ Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
14	Chứng chỉ quỹ đại chúng không niêm yết	Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại ngày định giá gần nhất của chứng chỉ quỹ đó trước ngày định giá của Quỹ TCGF.
15	Chứng chỉ quỹ đại chúng bị hủy niêm yết do thay đổi Sở giao dịch chứng khoán	Là một trong các mức giá sau: - Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được công bố thông tin tại ngày gần nhất trước ngày định giá; hoặc - Giá mua; hoặc Giá xác định theo phương pháp khác đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng khoán phái sinh		
16	Chứng khoán phái sinh niêm yết	Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trong trường hợp không có giá đóng cửa của Sở giao dịch chứng khoán như quy định trên, giá xác định theo giá thanh toán cuối ngày hoặc giá thanh toán cuối cùng (trong trường hợp đáo hạn) được Tổng công ty Lưu ký và

STT	Loại tài sản	Nguyên tắc định giá giao dịch trên thị trường
		Bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp tới thành viên bù trừ giao dịch phái sinh và được Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá
17	Chứng khoán phái sinh niêm yết không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá	Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Chứng quyền có bảo đảm		
18	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán	- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá; - Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau: + Giá trị sổ sách; hoặc + Giá mua; hoặc Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận.
Các tài sản khác		
19	Quyền mua cổ phiếu	Giá của quyền mua là phần chênh lệch dương giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày định giá và giá thực hiện quyền mua nhân với tỷ lệ thực hiện quyền.
20	Các tài sản được phép đầu tư khác	Giá thị trường là giá trung bình của các giao dịch thực hiện thành công tại ngày giao dịch gần nhất – trước ngày định giá do các tổ chức báo giá cung cấp. Trường hợp không có báo giá thì mức giá được xác định theo mô hình lý thuyết đã được Ban đại diện quỹ thông qua.

Ghi chú:

- Các phương pháp định giá cho mỗi loại tài sản được áp dụng theo thứ tự ưu tiên từ trên xuống dưới. Trường hợp phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía

dưới được đánh giá là thích hợp hơn để áp dụng trong khi các phương pháp định giá có thứ tự liệt kê ở phía trên vẫn có số liệu, công ty quản lý quỹ phải xin phê duyệt của Ban đại diện quỹ.

- Lãi lũy kế là: khoản lãi tính từ thời điểm trả lãi gần nhất tới thời điểm trước ngày định giá.
- Giá trị sổ sách (book value) của một cổ phiếu được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.
- Giá trị thanh lý của một cổ phiếu được xác định bằng giá trị vốn chủ sở hữu của tổ chức phát hành chia cho tổng số cổ phiếu đang lưu hành.
- Tổ chức định giá được lựa chọn hệ thống báo giá (Reuters/Bloomberg/VNBF...) để tham khảo;
- Ngày được hiểu là ngày theo lịch.

B. GIÁ TRỊ CAM KẾT TỪ CÁC HỢP ĐỒNG PHÁI SINH

1. Giá trị cam kết (global exposure) là giá trị quy đổi ra tiền mà quỹ/công ty đầu tư chứng khoán là bên có nghĩa vụ phải thực hiện hợp đồng. Giá trị cam kết được xác định trên cơ sở giá trị thị trường của tài sản cơ sở, rủi ro thanh toán, biến động thị trường và thời gian cần thiết để thanh lý vị thế.

2. Khi tính giá trị cam kết, công ty quản lý quỹ được áp dụng:

- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh (trái chiều) đối với cùng một chứng khoán cơ sở, ví dụ vị thế mua quyền chọn mua chứng khoán XYZ làm giảm bớt (bù trừ) giá trị cam kết từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Nguyên tắc bù trừ ròng vị thế phái sinh và vị thế giao ngay của cùng một chứng khoán, ví dụ vị thế mua (nắm giữ) chứng khoán XYZ bù trừ (làm giảm bớt) giá trị cam kết phát sinh từ vị thế bán quyền chọn mua chứng khoán XYZ;
- Các nguyên tắc khác theo thông lệ quốc tế, bảo đảm quản trị được rủi ro.

STT	Loại tài sản	Giá trị cam kết
1.	Quyền chọn cổ phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ¹ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × Khối lượng cổ phiếu trên mỗi hợp đồng × giá thị trường hiện tại của cổ phiếu × hệ số delta ²
2.	Quyền chọn trái phiếu (mua quyền chọn bán, bán quyền chọn bán, bán quyền chọn mua)	Giá trị thị trường của vị thế quyền chọn ³ điều chỉnh bởi hệ số delta của quyền chọn = Số hợp đồng × mệnh giá × giá thị trường hiện tại của trái phiếu × hệ số delta

3.	Hợp đồng tương lai chỉ số	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng $\times$ giá trị tính trên một điểm chỉ số $\times$ mức chỉ số hiện tại
4.	Hợp đồng tương lai trái phiếu	Giá trị thị trường của vị thế tương lai = Số hợp đồng $\times$ giá trị của hợp đồng tính theo mệnh giá (notional) $\times$ giá trị thị trường của trái phiếu rẻ nhất có thể chuyển giao
5.	Các hợp đồng khác	Theo mô hình do Công ty quản lý quỹ lựa chọn, thống nhất cùng ngân hàng giám sát, và được Ban đại diện quỹ/Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán chấp thuận

¹ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

² Hệ số delta là đạo hàm bậc nhất của giá quyền chọn đối với giá chứng khoán cơ sở. Trong trường hợp đơn giản, hệ số delta có thể coi bằng 1. Trong các trường hợp quyền chọn phức tạp, hệ số delta do công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xác định sau khi đã được Ban đại diện quỹ chấp thuận

³ Nếu quỹ nắm vị thế mua (long position), giá trị thị trường có thể được điều chỉnh tăng thêm chi phí mua quyền chọn (premium).

PHỤ LỤC 4

DANH SÁCH ĐỊA ĐIỂM PHÂN PHỐI VÀ NHẬN BẢN CÁO BẠCH

STT	Đại lý phân phối	Địa điểm phân phối	Địa chỉ
1	TCAM	Công ty TNHH quản lý quỹ Thành Công	Số 550 Âu Cơ, phường Bảy Hiền, Thành phố Hồ Chí Minh
2	Fincorp	Công ty cổ phần Fincorp	176/1-176/3 đường Nguyễn Văn Thương, Phường Thạnh Mỹ Tây, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
3	TCSC	Công ty cổ phần chứng khoán Thành Công	Lầu 2, Số 6 Hồ Tùng Mậu, Phường Sài Gòn, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
4	MAS	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset	Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh
5	VNSC	Công ty cổ phần Chứng khoán Vina	Phòng 702, tầng 7, tòa nhà Capital Building, số 58 phố Kim Mã, Phường Ba Đình, thành phố Hà Nội
6	TCBS	Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương	Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, tòa C5 D'Capitale, số 119 đường Trần Duy Hưng, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội